VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Tranh Đinh Cường, 1994

số 102 • tháng 10 năm 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY

HOÀNG KHỞI PHONG	gối đầu lên chữ nghiã	2
TRẦN VĂN TÍCH	phú	11
TRÚC CHI	*thu*	27
TẠ QUỐC TUẤN	không gian và thời gian trong thơ vương duy	28
NGUYỄN TẤN SƠN	*tình ma*	40
MAI KIM NGỌC	trong phòng hồi sinh	41
NGUYỄN TẤN SƠN	*mộng du*	57
TRẦN DOÃN NHO	ảo ảnh	58
TRẦN HỒNG CHÂU	*còn lại cây sáo trúc*	76
HOÀNG LIÊN	nắng chiều trên thái bình dương	78
CHÂN PHƯƠNG	*giao hợp với mùa thu*	88
	huyền thoại hai người	89
HOÀNG CHÍNH	nạn nhân	90
VẠN GIẢ	*mùa nạn*	106
THẠCH HÃN	tiếng nói việt nam*: where the ashes are và south wind changing*	107
VĂN HỌC	toà soạn với bạn đọc	122
	sách mới trong tháng	123

HOÀNG KHỞI PHONG

gối đầu lên chữ nghĩa

nói chuyện với nhà văn Mai Thảo

Sách một dãy nằm trơ trên giá
Cạnh người thân thế cũng trơ trơ
Sách, người hai cõi cùng hư hoại
Nơi một ngàn chương thiếu một tờ
Mai Thảo

(tiếp theo kỳ trước)

...Những hoa và trái này dẫu luôn phủ nhận ảnh hưởng của Tự Lực, vẫn không thể chối cãi là đã khởi đi từ một vị trí mới, do công khai phá nửa chừng của những người mang tên là Tự Lực. Khi tạp chí Văn Học (hải ngoại) nêu vấn đề văn học hải ngoại có phải là văn học miền Nam nối dài hay không? Mai Thảo cho biết: Ông không thích chữ "*Nối Dài*". Ông thích chữ "*Tiếp Tục*". Mai Thảo cũng đồng ý cách hình dung văn học như một dòng sông, nhưng ông không thích cái hạn hẹp của chiều ngang với những đợt sóng tuần tự tiến vào bờ. Ông cho rằng dòng sông văn học của chúng ta có thượng nguồn từ thời tự chủ Lý, Trần. Càng xuôi ra biển nhân loại, dòng trường giang càng lớn. Có lúc dòng trường giang này chuyên chở lịch sử. Cũng có lúc nó lọt thỏm vào trong lịch sử. Hiện nay dòng lịch sử nghẽn lại, dòng văn học trong nước cũng tạm thời ngưng chảy. Do lẽ đó chúng ta, những kẻ đã may mắn hay là không may mắn thoát ra được nước ngoài, chúng ta tiếp tục những công việc chúng ta đã bỏ dở ở trong nước. Đối với Mai Thảo ông nhìn văn học hải ngoại một cách giản dị: Khi chúng ta không được làm văn học ở trong nước, mà chúng ta đang sinh sống hải ngoại, đang viết văn làm thơ ở bên ngoài tổ quốc thì có nghĩa là chúng ta đang làm văn học ở hải ngoại. Mai Thảo nhìn văn học như thế, do đó ông không đặt vấn đề nên hay không nên "*tiếp tục*". Đó là việc đương nhiên phải như thế. Ông

cũng tiếc cho những khối lượng nước đang cố làm đầy cho dòng văn học ở nơi đây. Theo ông những người viết mới thật đúng là những người khởi hành một chuyến đi xa xôi diệu vợi mà không có một chút hành lý nào trên người. Ông cho là những anh em trẻ tuổi, mới nhập vào dòng văn chương hải ngoại chịu nhiều thiệt thòi hơn những anh em đã khởi nghiệp từ trong nước. Mai Thảo tự nhận là ông đứng ở trong hạ nguồn của dòng trường giang này. ít nhất ông cũng có được vài điểm tựa, một vài bến nghỉ chân trong suốt cuộc hành trình. Với những anh em khởi nghiệp ở hải ngoại này thì dòng sông đã mất dấu trên mặt đất, nó chảy ngầm trong lòng dân tộc, chảy ngầm trong lòng đất mẹ cách nơi đây cả một đại dương. Mai Thảo cho biết: "*Những người hiện nay khởi đi từ California, Virginia, Paris, Sydney... là những người khởi đi tự chính mình. Nó có tính chất mồ côi bởi vì chúng ta đã bị cắt rời ra khỏi tổ quốc, ra khỏi tiền nhân của chúng ta. Họ đã khởi hành trên một sự trơ trọi không thể nói được. Khi chúng ta còn ở quê nhà, chúng ta có cả một hệ thống giáo dục tiểu, trung và đại học. Con em chúng ta học văn học sử suốt những năm miệt mài trên ghế nhà trường. Ở nơi đây chúng ta không thể dậy dỗ con em chúng ta những điều chúng ta muốn.* Hiện nay ở đây chúng ta làm gì có cả một thế hệ sinh viên yêu mến một nhà văn hay một nhà thơ nào. Các trường ốc chỉ dậy cho sinh viên những kiến thức khoa học kỹ thuật, những nghề nghiệp thực dụng để nuôi thân mà thôi. Ở nơi đây cộng đồng chúng ta không có được một thư viện sách Việt, một trong những điều tối ư cần thiết cho một nền văn học sinh động, hay những giải thưởng văn chương đúng nghĩa. Cũng có vài cơ sở, vài tờ báo thiết lập giải thưởng văn chương. Song dường như những cái giải đó không nói lên được một điều gì. Tuy nhiên điều quan trọng với Mai Thảo là chúng ta đã có một nền văn chương hải ngoại bằng bất cứ giá nào. Đó quả là một điều đáng kể. Nếu như trong hai mươi năm qua, những người làm văn nghệ ở miền Nam thoát được ra hải ngoại, không viết văn làm thơ lại thì có nghĩa là Cộng Sản đã thành công trong việc một mình một chợ, mặc dù trong cái chợ chữ nghĩa của Cộng Sản thì người bán với người mua là một. Cái chợ đó nó kỳ lạ lắm, nó có từng mùa. Mùa chiến thắng thì trong toàn bộ sách vở của những người viết miền Bắc (Mai Thảo không dùng chữ văn công) chỉ nói đến chiến thắng. Chiến thắng đủ hình, đủ kiểu, đuới mọi hình thức. Thôi thì văn, thơ, nhạc, kịch om xòm cả lên. Toàn thị là chiến thắng, kể cả những chiến

thắng không thể có với những đầu óc bình thường không bệnh hoạn. Sang đến mùa đổi mới thì quần chúng lại khổ với những cái nhìn đổi mới thiếu chất sáng tạo. Thật là cảnh muôn người như một. Có một dạo tờ Văn Học, số 49 phát hành tháng Hai 1990 gióng lên tiếng nói đầu tiên về "*Văn Chương Phản Kháng*" ở trong nước. Thế là ở hải ngoại này nổi lên một trận bút chiến cho tới bây giờ vẫn không ngã ngũ, mà có lẽ sẽ không bao giờ ngã ngũ. Theo Mai Thảo, việc tranh luận giữa các anh em ở hải ngoại này có một điều đáng tiếc là đã gây ra nhiều bất hòa, thậm chí có nhiều anh em không nhìn được mặt nhau nữa. Tranh cãi, bút chiến là những yếu tố căn bản cho sự tiến bộ. Nhưng tranh cãi, bút chiến, lý luận không có nghĩa là mạ lỵ, bôi bẩn, chụp mũ... Mai Thảo có cái nhìn cực kỳ khe khắt với văn học trong nước. Ông cho rằng ngoài Bắc trước 75 và trong nước sau 75, những người cầm bút của xã hội chủ nghĩa (không kể những nhà văn của miền Nam còn kẹt lại) có sản xuất một số tác phẩm. Song một nền văn học không thể chỉ dựa vào một số sách có mặt là đương nhiên có một dòng văn học. Theo Mai Thảo, một dòng văn học nhân bản và khai phóng phải hội đủ vài yếu tố: - Trước tiên là những người viết đích thực, có nghĩa là viết không theo một chỉ thị nào, không rập theo một khuôn mẫu nào. Viết vì những thôi thúc, đòi hỏi của chính nhà văn, nhà thơ chứ không phải vì nhu cầu của chế độ. - Kế đến là một bầu không khí tươi mát cho người viết cũng như kẻ đọc. Cái mà Tây Phương gọi là Tự Do Dân Chủ. Hiện nay ở trong nước người viết cũng như người đọc luôn có một tên "*chính ủy*" núp sau lưng. - Sau cùng độc giả (quần chúng) phải có một đời sống tương đối ổn định. Một đời sống không chỉ lo cái ăn, hộ khẩu, đảng, đoàn, lý lịch, bí danh... Đúng vậy, một đời sống không cần dư giả nhưng khi người ta mua một quyển sách, người ta không thèm thuồng một tô phở, một cữ rượu, một manh quần, một tấm áo. Do cách nhìn đó, với Mai Thảo ở trong nước hiện nay có rất ít nhà văn, nhà thơ. Ông công nhận là có, song đó là những con số có thể đếm được trên đầu ngón tay. Những nhà văn hiếm hoi này nương vào những khe hở của lãnh đạo, cống hiến cho người đọc một số tác phẩm đúng nghĩa. Ông nói về những nhà văn thành danh của Xã Hội Chủ Nghĩa với một giọng hơi khôi hài: "*Khi miền Bắc chiến thắng, những người viết ở ngoài đó mới có dịp nhìn thật kỹ những đồng nghiệp trong Nam. Chúng ta bay lượn như những cánh đại bàng, chúng ta có muôn hồng, nghìn tía. Chúng ta có thể xấu, có thể đẹp nhưng dứt*

khoát chúng ta không có mặc đồng phục." Xã hội Cộng Sản có biệt tài về thiêu hủy. Họ san thành bình địa những ngôi nhà mà không chú trọng tới những con người trú ngụ trong ngôi nhà đó. Họ san phẳng những ngôi mộ trong các nghĩa trang và cũng không lý gì tới những bộ xương. Người sống sờ sờ còn chả ăn thua huống hồ người chết. Hãy kiểm lại những Phan Khôi, Văn Cao, Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Trần Dần, Quang Dũng, Phùng Quán, Hữu Loan, Nguyễn Hữu Đang, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tố Hữu, Nguyễn Bính, Tô Hoài, Hồ Dzếnh...và hàng trăm tên tuổi thành danh khác. Những người vừa kể đã có gì, làm gì thời tiền chiến và thời kháng chiến. Kế đó họ có gì, làm gì sau khi về tới thủ đô Hà Nội từ 54 cho tới 75. Và từ đó tới nay cũng gần hai mươi năm qua đi sự nghiệp những danh tính nói trên đã đóng góp những gì cho nền văn học trong nước? Năm 1956 khi xảy ra vụ án "*Nhân Văn Giai Phẩm*", và những năm gần đây khi chế độ đó đối với giới văn nghệ nay trói, mai cởi. Chúng ta, những người làm văn học ở trong Nam hồi đó và ở hải ngoại bây giờ, lúc nào cũng dõng dạc lên tiếng bênh vực cho những người cầm bút không may mắn. Mặc dù sự lên tiếng của chúng ta như là đánh vào bị bông, nhưng chúng ta biểu lộ tinh thần "*Một con ngựa đau cả tầu không ăn cỏ*". Mà nào có phải chỉ có một con ngựa mà thôi. ít ra cũng là chín phần mười cái tầu ngựa ở ngoài đó. Năm 1975 nổ ra, những người làm văn nghệ miền Nam được yên thân đâu khoảng một năm đầu. Thiệt ra họ cũng chả tử tế gì, họ còn bận tung một mẻ lưới lớn, bắt giữ những cựu sĩ quan của miền Nam. Họ sợ bứt mây động rừng, nên kiên nhẫn chờ một năm sau mới tung một mẻ lưới khác đối với các văn nghệ sĩ của miền Nam. Ngày mồng 4 tháng Ba năm 1976, Hoàng Chinh người cầm đầu ngành công an văn hóa ở ngoài Bắc tung ra một danh sách cho thuộc cấp thi hành: Một danh sách bắt giữ đích danh hơn bốn chục người cầm bút của miền Nam. Đặc biệt là nhà văn nhà báo gốc Bắc Kỳ di cư. Họ bắt trong thanh thiên bạch nhật, chả có gì phải dấu giếm. Họ cũng tin rằng các nhà văn của miền Nam không có một con đường nào thoát thân, nên thong thả đến gõ cửa từng nhà. Mai Thảo may mắn không có nhà trong lúc Công An đến bao vây nơi cư trú của ông. Nhờ được thông báo kịp thời, Mai Thảo bắt đầu một cuộc sống trốn tránh. Những cây bút tên tuổi nhất còn kẹt lại trong nước hầu như không một ai tránh khỏi. Bao nhiêu người đã nằm xuống do cách

nhìn sai lạc, độc ác của những tên cán bộ quản giáo. Vũ Hoàng Chương khi được tha về hai ngày sau hấp hối trên giường bệnh. Ông trả lời câu hỏi của bà vợ là: "*Họ đâu cần đánh đập gì. Họ chỉ bỏ đói thôi.*" Hồ Hữu Tường thì một buổi sáng người nhà mở cửa, thấy xác ông lạnh cứng tựa cột đèn gần nhà. Thật là sống khôn thác thiêng đã chết mà còn biết đường tìm về gần nhà. Nguyễn Mạnh Côn trong những ngày cuối cùng bụng rỗng vì tuyệt thực, đến khi thèm sống phải làm đơn xin ăn. Rút cục cái đơn mang đến kết quả là biệt giam trong cầu tiêu, mà cũng không được một hạt cơm vào bụng, rút cục vẫn lả đi mà chết với cái bụng lép kẹp. Rồi Dương Hùng Cường...cùng biết bao nhiêu những cái chết âm thầm khác. Nói làm sao cho hết được những khổ đau người miền Nam phải gánh chịu sau mùa quốc nạn đó. Những con người bị đầy đọa, hành hạ giống như là cầm thú. Có người bị giam cầm cả chục năm. Những Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ, Phan Nhật Nam, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng... nay bắt mai thả. Không một ai dưới mười năm đầy ải. Mai Thảo nêu lên một câu hỏi: Những người như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Duy, Nhật Tuấn... cùng những nhà văn, nhà thơ khác của miền Bắc đâu? Họ giữ thái độ mũ ni che tai. Tuyệt không có một lời, một cử chỉ gọi là có một tấm lòng. Cái chế độ Cộng Sản đó không bao giờ coi những con người như những con người. Nhất là những con người văn nghệ, dại dột chơi văn dơn chữ thôi thì trăm thứ tội. Họ bắt rồi thả, họ trói rồi cởi đến độ có lần Nguyên Sa chuyện vãn cùng Mai Thảo có nói: *Bọn chúng ta có phải là chó là lợn đâu mà cứ nay trói mai cởi*". Cái guồng máy đó quan sát chúng ta từ chân tơ cho tới kẽ tóc. Họ rình mò chúng ta. Chúng ta chỉ cần làm sai ý họ, nói sai điều họ nói là đủ rũ tù. Mà trong chế độ đó đi tù thì mười phần chết hết chín. Khi được thả còn sống cũng ngơ ngơ ngác ngác, hồn vía lên mây, cái gì cũng sợ. Riết rồi hèn người đi. Nhiều khi sống mà tệ hơn là đã chết. Do đó Mai Thảo cho là không thể giao lưu văn hóa với trong nước. Giao lưu thì phải hai chiều, làm gì có một cuộc giao lưu một chiều. Họ luôn luôn muốn phủ nhận chúng ta. Người thì bị giam cầm, trong những cái lồng vĩ đại, nhiều khi mỗi người chỉ được một mét vuông, khi được thả đã có ai viết lại cho ra hồn. Bởi vì khi họ bắt, họ bắt các nhà văn. Đến khi họ thả thì chỉ là những cái bóng của con người. Còn sách của chúng ta ư? Sách thì bị cấm toàn bộ. Dạo họ mới vào trong Nam, họ nhìn các tác phẩm của chúng ta dưới những cái kính hiển vi. Họ bươi móc từng chữ,

nhìn ngắm tác phẩm của chúng ta dưới mọi góc độ, mà kỳ lạ thay góc độ nào họ cũng tìm thấy vi trùng. Làm như thể dưới ngòi bút của chúng ta không thể có những bài văn thuần túy. Họ tuyệt không nhìn thấy chúng ta. Qua những dụng cụ phóng đại họ chỉ thấy sai sót của chúng ta. Tất nhiên những sai sót này cũng do họ định nghĩa. Họ đâu có khác Tần Thủy Hoàng, tịch thu sách và không cho chúng ta sống bằng cách nhốt chúng ta trong các nhà tù. Thế thì có khác gì hơn hai ngàn năm trước nhà Tần đốt sách thiêu học trò. Mai Thảo không có ý kiến về việc bắc một cây cầu giữa trong nước và ngoài nước. Ông nghĩ là công việc các anh em Hợp Lưu và Thông Luận đang làm, sẽ không mang đến sự thông cảm thật sự giữa những người cầm bút trong và ngoài nước. Bởi vì sự chia cách đã quá lâu, và khoảng cách đã quá xa. Tuy nhiên ông vẫn tôn trọng các cố gắng của tất cả mọi con người.

4-Khi được hỏi về dòng văn học của chúng ta dường như không có những tác phẩm vĩ đại như Chiến Tranh và Hòa Bình của Tolstoi, Mai Thảo cho rằng dòng văn học phải chia xẻ số phận cùng giống nòi. Giống nòi của chúng ta đang lầm than không thể tưởng tượng được, đang trải qua những cơn sóng gió lớn nhất trong lịch sử, thì những người cầm bút chia xẻ những lầm than này, do đó văn chương không nhất thiết phải có những tác phẩm lớn, do đó nhà văn Việt Nam chú trọng nhiều tới cái hay, cái đẹp của ngôn từ hơn là chú trọng tới cái lớn lao vĩ đại. Ông cũng không quên nói tới thực tế của những người viết văn của chúng ta. Hình như không một nhà văn đúng nghĩa nào sống được thuần túy bằng ngòi bút của mình (Cũng có một số sống hoàn toàn bằng ngòi bút, nhưng những người này phần lớn không phải là nhà văn thuần túy, đa phần họ là nhà báo). Khởi kỳ thủy của nền văn chương quốc ngữ cụ Tản Đà có viết một câu thơ bất hủ: "*Văn chương hạ giới rẻ như bèo. Kiếm được đồng lãi thật là khó*". Gần chúng ta hơn, Nguyễn Vỹ nói thẳng, chẳng cần rào đón gì: "*Nhà văn An Nam khổ như chó*". Dường như cho tới bây giờ hoàn cảnh của nhà văn trong và ngoài nước vẫn không có gì cải thiện. Đúng vậy ở nước ta không có nghề nhà văn. Kiểm điểm lại hầu như mọi nhà văn đều có một nghề khác nuôi sống bản thân và gia đình mình. Những nhà văn của chúng ta may mắn ra thì làm bác sĩ, kỹ sư, tiến

sĩ, giáo sư... Không may may mắn thì đầu đường xó chợ "*sinh vô gia cư, tử vô địa táng*" cũng không phải là hiếm. Ngày còn ở trong nước bẩy, tám phần mười nhà văn của chúng ta là nhà binh. Nghĩ cũng tức cười, nhà văn là đủ hà cớ còn thêm vào chữ quân đội, thành ra một thứ gọi là "*nhà văn quân đội*". Quân đội thì có nhiều ngành nghề do đó mới có những nhà văn Không Quân, Hải Quân, Nhẩy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân... và nhà văn Cảnh Sát, không phải để giữ trật tự cho những người viết mà chỉ vì ông nhà văn đó có gốc là Cảnh Sát. Làm thế nào chúng ta vẫn chu toàn được bổn phận với vợ, và ba, bốn, năm, sáu, bẩy... đứa con mà vẫn sáng tác những tác phẩm vĩ đại được? Viết một tác phẩm lớn không phải là một việc dễ dàng gì. Nó đòi hỏi người viết một hùng tâm lớn. Đó là một công việc dài hơi, năm, mười năm chúi đầu vào bàn viết. Khi viết được chữ *Hết* cho trang cuối thì đã tới cuối dốc đời. Tóc đã bạc, lưng đã còng, mắt đã mờ và gối đã mỏi. Ấy là những người còn viết được chữ hết cho tác phẩm, có nhiều người chưa kịp viết chữ hết này đã viết chữ hết cho chính cuộc đời mình. Trong năm mười năm này còn cơm áo, vợ con, nhà cửa... Trăm ngàn thứ hệ lụy quấn quýt, quận quịt ở đời. Giữ cho lòng ngay ngắn chỉ để ngồi xuống viết một, hai ngàn trang sách thật không phải là một chuyện dễ dàng và giản dị. Ấy là chưa kể phải viết cho hay, chứ không phải cho đầy trang sách. Một tác phẩm lớn nó dung chứa được xã hội mà tác giả đang sống, nó còn chuyên chở một chút nào đó của tương lai. Một tác phẩm lớn phải phản ảnh được xã hội đương thời, đồng thời mở được một chút nào đó cho xã hội sắp tới. Thế mà bản sắc của chúng ta là một dân tộc không chuộng sự to lớn, vĩ đại. Chúng ta không có những lâu đài, dinh thự nguy nga. So với các quốc gia có lịch sử lập quốc vài ngàn năm, tiền nhân chúng ta đã để lại cho chúng ta những giá trị tinh thần nhiều hơn là những tích lũy về của cải. Suốt hai thế kỷ nay giống nòi của chúng ta chỉ mải lo giải quyết những vấn đề trước mắt. Mà những vấn đề đó nào có to lớn gì. Đó là cơm ăn, áo mặc. Đó là tương lai cho tuổi trẻ, sự an bình cho người già. Suốt hai thế kỷ nay giống nòi ta kiệt đi vì chiến tranh. Hết nội chiến thì lại chống ngoại xâm. Hết chống ngoại xâm thì lại chống giặc nghèo, giặc dốt... Hai thế kỷ nay chúng ta không hề có một thời khoảng thảnh thơi, nhàn nhã. Với một bối cảnh xã hội như thế quả tình là khó cho một nhà văn muốn hoàn thành một tác phẩm lớn. Mai Thảo cũng phát biểu về thơ. Theo ông dân tộc Việt Nam là một dân tộc thi sĩ. Điều

đặc biệt của thi ca Việt Nam là thơ là của dân gian mà ra, chứ không phải là do những thi sĩ của cung đình. Thơ Đường của Trung Hoa phát triển từ kẻ sĩ, từ những chốn dinh thự của vua quan và đi xuống với dân gian. Chỉ có Trung Hoa vào đời Đường, cách chúng ta hơn ngàn năm mới có những thi sĩ như Lý Bạch, vào quán uống rượu khỏi trả tiền vì đã có thẻ... tín dụng của nhà vua cấp phát, để chủ quán đến lấy tiền nơi quan đầu tỉnh. Trong khi đó ngôi sao Bắc Đẩu của thi ca Việt Nam, thi hào Nguyễn Du nghèo đến độ đã có thời là thợ săn với tên hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ, lánh nạn binh đao về ở ẩn trong núi gần quê vợ. Thi hào của chúng ta có lần xuống núi được dân làng mời uống rượu, ông rất vui mừng khi ra về, lần vào túi mấy đồng tiền kẽm vợ giao cho lúc trước khi ra khỏi nhà vẫn còn nguyên không sứt mẻ gì. Ca dao của chúng ta, cái nôi của thi ca Việt Nam là một loại văn chương truyền khẩu. Mãi sau này chúng ta mới san định lại, cóp nhặt lại in thành sách giáo khoa. Thơ của chúng ta bàng bạc khắp mọi nơi. Hang cùng ngõ hẻm nào cũng có những bài hát ru em, những câu hò tình tứ. Ca dao chạm tới hết thảy mọi hệ lụy của đời sống. Ca dao không phải kiêng cữ gì bởi vì không có ai là tác giả, cho nên không ngại đụng chạm, không sợ bạo quyền. Chính ca dao đã ươm hồn thơ cho những nhà thơ lớn trước và sau thiên tài Nguyễn Du của chúng ta. Nhân nói về thi ca Mai Thảo đề cập tới vài nhà thơ hiện tại. Ông cho Tô Thùy Yên là một nhà thơ lớn, Thanh Tâm Tuyền là một nhà thơ mở được một con đường mới cho thi ca Việt Nam, và Bùi Giáng là một nhà thơ không thể nói tới đơn vị "*bài*". Bởi vì có thể nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài mà thôi, một bài thơ dài bảy, tám, chín, mười ngàn câu thơ, phải in thành hai, ba, bốn quyển thơ gì đó. Thơ của Bùi Giáng đi liền một lèo, đi thẳng một mạch. Nhà thơ quen thói ngược ngạo nên ngắt vụn ra, đặt cho những cái tên nên nó thành những bài thơ. Ông cũng đề cập tới thơ tiền chiến. Những danh tính như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Quang Dũng, Xuân Diệu, Huy Cận, Hữu Loan, Trần Huyền Trân, Hoàng Cầm, Hồ Dzếnh, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Thâm Tâm... là những nhà thơ lớn của thời tiền chiến và kháng chiến. Ông lấy làm lạ là nền thi ca mới của chúng ta đã lên tới đỉnh cao ngất ngay từ lúc mới khởi đầu. Thời gian đãi lọc đã gần nửa thế kỷ qua, những nhà thơ lớn thời đó xem chừng đông hơn những nhà thơ lớn hiện tại. Mai Thảo cho biết, hiện nay ở hải ngoại vấn đề cơm áo đối với nhà văn không còn sinh tử như trong nước. Nhưng nhà văn lại có những khó

khăn khác. Hiện nay chúng ta trú ngụ tại nhiều quốc gia, trải dài trên năm đại lục. Mỗi một nơi chúng ta đối phó với một khó khăn khác, thế mà chúng ta không có những kinh nghiệm lưu vong như cộng đồng Trung Hoa, Do Thái. Đó là hai cộng đồng dân tộc có kinh nghiệm lưu vong hàng ngàn năm. Chúng ta hiện nay chia ra làm hai thành phần dân tộc. Thành phần đại đa số hiện đang sống chết với đất nước nơi quê nhà, và chúng ta là thành phần thiểu số đang sống xa tổ quốc hàng vạn dặm. Đã thế chúng ta lại không thể nào thu về một mối, do đó phát sinh những khó khăn trong nội bộ của cộng đồng cũng như những khó khăn đến tự bên ngoài. Mai Thảo cho biết ông có nhận được những lời đề nghị mời ông về sống tại quê nhà. Ngay trong lòng Hà Nội, nơi mà ông đã phải bỏ mà đi trong tuổi thanh xuân. Những lời đề nghị này dựa vào tình bạn của mấy chục năm cũ, những lá thư rất cảm động này làm cho ông như sống lại những cung thương ngày cũ. Tuy nhiên ông chưa hề trả lời những đề nghị quyến rũ này.

5-Mai Thảo cho biết ông là nhà văn chơi với tất cả mọi người, mọi giới. Ông chỉ tránh những người xấu chứ không tránh một người nào chỉ vì họ là người Trung hay người Nam. Ông giao thiệp với các người làm văn nghệ sáng tác cũng như trình diễn. Ông đánh bạn với những người hầu sáng trong các tiệm cơm ông ăn hàng ngày, đến độ đã có những người hầu sáng khi rót rượu cho ông, thường quay mình che không cho chủ tiệm nhìn thấy đang rót rượu cho Mai Thảo, và thường chỉ thôi rót khi ông đã gật đầu ra dấu bảo thôi. Mai Thảo là bạn của những người phu xích lô trong những cuốc xe xa, gần. Nhiều phu xe nhẵn mặt ông đến độ cứ lặng lẽ đạp đi khi ông đang lúi húi móc ví trả tiền. Phải thân cận với họ như thế nào để có thể nhận được những tấm lòng ấm áp như thế. Đối với các nghệ sĩ trình diễn, ông tham dự các đêm tập tuồng mới của các nghệ sĩ cải lương cho tới khi tàn cuộc thì trời đã gần rạng. Ông lấy đêm làm ngày, mà ngày thì bắt đầu vào quá ngọ. Ông cho biết trong gần năm mươi năm nay, mỗi ngày ông móc túi ra, lấy ví trả tiền bốn lần cho bốn bữa ăn. Điểm tâm buổi sáng, cơm trưa, cơm chiều và bữa khuya. Ở trong nước cũng vậy và bây giờ ở ngoại quốc cũng thế, ông đi đi về về nơi trú ngụ của ông, bốn lần một ngày lặng lẽ như một cái bóng. Trước

sau ông viết hơn bốn chục quyển truyện. Tôi vẫn thích quyển sách đầu tay của ông là quyển "*Đêm Giã Từ Hà Nội*", cái tên của nó đánh trúng tâm tư của cả triệu người Bắc di cư nên vì thế mà độc giả Bắc đón nhận tác phẩm này như một điều tự nhiên. Dường như tâm lý quần chúng thuở chia đôi đất nước, trong cơn hoang mang của lịch sử cũng cảm nhận như vậy, do đó quyển sách đã được tái bản nhiều lần. Đó là một quyển sách đem về cho ông một số tiền tác quyền lớn. Trên phương diện văn chương chữ nghĩa ông là một người may mắn mà không may mắn. May mắn ở chỗ ông là một trong vài người chỉ sống bằng ngòi bút của mình. Suốt một đời người không làm một điều gì khác hơn là viết. Thế mà không nghèo, thế mà lúc nào cũng phong lưu cơm Tây, rượu chát và tối tối đi phòng trà, đi nhảy đầm. Quanh năm suốt tháng đánh răng vào buổi trưa, lên giường vào lúc gần sáng. Ông kiếm tiền dễ dàng và tiêu cũng dễ dàng. Chính cái bén nhọn trong cách phô diễn chữ nghĩa của ông, khiến ông vừa xuất hiện là ngay lập tức chinh phục được quần chúng. Ông trở thành một nhà văn ăn khách hơn bất cứ một nhà văn nào cùng thời với ông. Có một thời gian ông viết năm cái feuilleton trong một ngày. Chính vì năm cái feuilleton một ngày mà ông trở thành không may mắn trong sự may mắn của chính ông. Nó làm hại cho văn chương. Khi ông đứng trước "*tiền đường*" của ngôi nhà văn học, ông khoa chân múa tay, hò hét về chữ nghĩa thì tôi là một người lính hai mươi tuổi. Thế giới của Mai Thảo là một thế giới hoàn toàn xa lạ với những người lính như tôi. Nơi ông ở là thành phố, an toàn tương đối so với chỗ của tôi. Chỗ ông lui tới là trà đình, tửu quán, là phòng trà, sàn nhảy. Trong khi nơi tôi ở, tuy chỉ là một loại lính chuyên môn, nhưng không phải vì vậy mà không giáp mặt với chiến tranh. Tôi phải thú thật một điều là sau tập truyện "*Đêm giã từ Hà Nội*" của ông, tôi đọc thêm vài tác phẩm khác, những nhân vật ông dựng ra trong các tác phẩm sau này tôi không cảm được, mặc dù những thị dân thành phố thì hết sức ngưỡng mộ. Đôi khi lẩn thẩn tôi hay tự hỏi những nhân vật của Mai Thảo hình như chỉ có chơi mà không có làm. Trong lúc đất nước thì chiến tranh tơi bời hoa lá, nhân vật của ông sao mà nhởn nhơ, vô trách nhiệm quá chừng. Tuy nhiên bất cứ ai thích đọc sách đều nhận thấy Mai Thảo có một bút pháp riêng. Cách dùng chữ của ông cầu kỳ và bóng bẩy, câu văn ngắn, gọn. Trong tác phẩm của ông người ta bắt gặp những đoạn văn ngắn đẹp như một bài thơ, những đoạn văn này có thể coi như là những bài thơ xuôi mà ông đặt rải rác vào

trong truyện ngắn, truyện dài của ông. Hình như ông dễ dãi trong khi dựng truyện bao nhiêu thì ông gạn lọc chữ nghĩa bấy nhiêu. Do đó truyện của ông khi đăng hàng ngày trên các nhật báo có một sức quyến rũ riêng biệt. Từ khi qua Mỹ, đời sống của ông thu gọn lại bởi nhiều nguyên nhân. Trước tiên tiểu Sài Gòn không phải là Sài Gòn, kế đó tuổi thì mỗi ngày mỗi cao, bạn bè rải rác khắp năm châu bốn biển. Mỗi năm ông đi xa vài chuyến. Khi về thu mình trong căn gác nhỏ. Nơi đó ông hóa thân, nhập ông vào với tờ Văn thành một, chăm chút tờ báo như là chăm con mọn. Tự tay viết địa chỉ các độc giả mà không dùng computer, hàng tháng mang báo đi in, hàng tuần mang báo đi gởi. Mỗi chiều đi ăn, mỗi tuần vài cữ nhậu. Hiện nay ông chỉ còn nhậu với một số những người thân cận gần gũi. Vài năm trước đây ông nhậu mỗi buổi chiều. Ai rủ cũng đi, chẳng từ chối một ai, bởi vì đời sống sao mà buồn tẻ. Vài năm trước đây ông nhậu với đủ mọi hạng người. Tại sao không? Bởi vì ông đã tự nhận ông là người giang hồ của năm châu bốn biển. Do đó có những tiếng không lành, có những cảnh không đẹp. Chung quy cũng bởi cuộc sống ông quạnh quẽ quá, mà ngày thì dài lê thê. Tiếng là chăm nom tờ báo như chăm con mọn, nhưng thật tình giờ rảnh không phải là ít. Hơn thế nữa trong cộng đồng thu hẹp của chúng ta, dù muốn hay không ông là một danh sĩ. Có không ít những người cho rằng ngồi cùng bàn với ông là một điều vinh dự, đó là những người có lòng với chữ nghĩa, văn chương. Nhưng có không ít những kẻ khi ngồi chung bàn với ông thì tưởng chừng như đã lột xác, lắc mình một cái đã trở thành... văn nghệ sĩ. Ông vẫn là người có tiếng cao ngạo, nên chỉ thoáng qua một thời gian là ông nhận chân được những cữ nhậu như thế vừa vô bổ, vừa phí thời giờ mà đôi khi còn bực mình. Những năm gần đây ông hay uống ở nhà, vả lại ông uống nhiều hơn ăn thì cần gì phải la cà nơi quán xá. Chính vì những lời đàm tiếu quanh ông, đã làm ông cô quạnh thêm nơi đất trích này. Năm nay Mai Thảo 68 tuổi, ông làm quen với văn chương chữ nghĩa suốt năm chục năm ròng rã. Hay khác đi, khi ông bắt đầu thực hiện "*giấc mơ ngoài cửa lớp*" của ông cùng một thời gian tôi mở mắt chào đời. Thấm thoắt mà chính tôi cũng đã làm quen với chữ nghĩa cũng đã ba chục năm, quen với ông năm năm. Tôi chưa biết một người nào sống cả đời với chữ nghĩa như Mai Thảo. Tôi không biết một người nào yêu văn chương như ông. Yêu suốt từ thủở thanh xuân, cho tới khi đầu bạc gần kề miệng lỗ. Trong suốt năm mươi năm gối đầu lên chữ nghĩa

này tôi chưa hề thấy ông sử dụng chữ nghĩa như là một vũ khí đánh người. Thời của chúng ta là thời của bọn đao bút, thế mà tôi thấy ông khi viết sổ tay, nhắc đến tất cả mọi người với lòng ưu ái, cho dù trong những người ông nhắc tới không thiếu gì kẻ đối với ông "*Bên ngoài thơn thớt nói cười. Mà trong nham hiểm giết người không dao*". Cũng không thiếu gì kẻ cúc cung tận tụy bên ông chỉ vì một dòng chữ ông cho có khác gì một vòng hoa quàng cổ. Mai Thảo quả thật là một người rộng rãi trên phương diện chữ nghĩa. Chữ nghĩa nào có phải của riêng ông, chữ nghĩa của cuộc đời ông đem trả lại cho đời. Hà cớ gì ông phải chật hẹp? Mai Thảo thành danh là một nhà văn, có nhiều người tặng ông là nhà văn hàng đầu. Xin nhường phần thẩm định này cho các nhà viết phê bình văn học. Phần tôi là một người viết đi sau ông gần hai chục năm. Trong gần năm mươi quyển sách ký tên Mai Thảo tôi thích "*Đêm giã từ Hà Nội*", tác phẩm đầu tay của ông, nhưng tôi yêu "*Ta thấy hình ta những miếu đền*" tập thơ duy nhất của ông. Tôi nghĩ là chính cuộc đời ông là tác phẩm lớn nhất của nhà văn Mai Thảo. Tác phẩm đó viết bằng những trận cười thâu đêm suốt sáng, bằng những cô quạnh, tịch mịch của bẩy mươi năm méo mó chắp làm người. Hãy đọc quyển sách "*Đời*" này với một tấm lòng mở, bởi vì quyển sách đó sẽ không có chữ với những tấm lòng chật hẹp. Bởi tôi yêu tập thơ của ông, nên xin mượn thơ của chính ông để đúc kết bài viết này.

Phần phụ lục trích thơ Mai Thảo

Đợi Bạn

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen.

Thằng viết mướn

Những trang đời viết còn dang dở
Sẽ có bàn tay ấy viết giùm
Ngón cái sang trang và ngón út
Viết dòng vuốt mắt lúc lâm chung.

Trừ Tịch
Bước một mình qua ngưỡng cửa năm
Nhân gian tịch mịch tiếng mưa thầm
Chợt đâu vẳng tiếng gà lai kiếp
Báo vẫn đêm về ở cõi âm.

Có lúc
Có lúc nghĩ điều này điều nọ
Cảm thấy hồn như một biển đầy
Có khi đếch nghĩ điều chi hết
Hệt kẻ ngu đần cũng rất hay.

Cuối năm
Tận ngữ tìm lung một tĩnh từ
Tưởng còn sót lọt ở phần thư
Đập tay điếu thuốc tàn không rụng
Đã lượng đời vơi tới đáy ư?

Tinh tướng
Những ảnh hình thân cũng thoáng qua
Người gần ta nhất cũng muôn xa
Tấm gương trước mặt nhìn trân trối
Tinh vẫn còn đây tướng đã nhòa.

Quá khứ
Đôi lúc những hồn ma thức giấc
Làm gió mưa bão táp trong lòng
Ngậm ngùi bảo những hồn ma cũ
Huyệt đã chôn rồi lấp đã xong.

Dỗ bệnh
Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho

Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng.

Viết văn trở lại

Viết văn trở lại
Trước một hàng người
Im lặng và hấp hối
Sau kẽm gai cùng thẳm một trại giam
Cộng sản
Hàng người có Nguyễn Sỹ Tế ở đầu
Phan Nhật Nam ở giữa
Và Tô Thùy Yên ở cuối

Viết văn trở lại
Ở Mỹ
Nước Mỹ của những ngày dài nhất
Sự ăn không ngồi rồi khủng khiếp của tâm hồn
Lao động tám tiếng một ngày
Hay nhàn du cũng vậy mà thôi
Ăn không ngồi rồi
Ngồi rồi ăn không
Viết văn trở lại

Mới tháng đầu của mùa đông này mà ở Minnesota
Vũ Khắc Khoan đã té xấp hai lần vì tuyết
Té xấp chỉ là vì té xấp
Chúng ta đứng thẳng thế nào được nữa
Khoan
Đứng thẳng thế nào
Việt Nam đã sập
Và cái té xấp của mày trên tuyết
Như trên giấy
Một ngòi bút bẻ gẫy

Bạn bè nhắc tri âm cũng nhắc
Viết lại đi vâng thì viết lại
Trọn một ngày chủ nhật ở đại học Cornell
Tôi tới đó
Xuống phần thư đọc lại sách mình
Những trang sách xưa bài viết cũ
Bàng hữu
Những dấu tích một đời
Những ám ảnh siêu hình
Giàn giụa
Lên khỏi phần thư buổi tối mưa bay
Đi dưới mưa một mình

Tuyết sặc sỡ và nắng lạnh buốt
Ủng, lông, da, len, dạ một đống lù lù
Những sớm mai ở Virginia
Trong bếp nhà Ngọc Dũng
Tôi một đống tôi sặc sỡ tôi lù lù
Tôi viết

Ở Huntington Beach có Nghiêm Xuân Hồng
Và ở Los Angeles Võ Phiến
Mấy địa chỉ âm thầm
Sống không thành tiếng động
Những người da đen đứng câu cá suốt đêm
Dưới bãi biển mù sương
Đất nước khuất
Bầy hải âu cất cánh
Ống khói một con tàu trở về
Hơi thở. Rác. Và bọn gái điếm
Cái máy chữ Nhà Thờ
Đập nhẹ nhại trận cười xác thịt

Ở Houston có Mặc Đỗ một mắt đã loà
Vượt bốn ngàn cây số tới thăm nhau
Đi với bạn lên ngôi nhà trên núi

Thằng đã tới thềm thằng còn ở dưới
Cùng trẻ như rừng cùng già như suối

Ở Seattle có Thanh Nam cuống họng
Đứt lìa
Chứng ung thư tàn độc
Cây gậy chống trên tay
Cái mũ dạ che cái đầu trọc lốc
Trước dòng lệ Túy Hồng
Cuộc bút đàm lần cuối
Trong ngôi nhà bóng tối
Không bận gì tháng tới
Về đây đưa đám tao

Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng
Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngày ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sĩ điên thế kỉ mù rồi

Những Hồ Hữu Tường trăm năm đã xa
Những Vũ Hoàng Chương nghìn ngày đã khuất
Những bạn bè mày chúng nó đã giết
Còn viết được ư, thằng sống sót?

Thơ của Mai Thảo còn nhiều lắm, nếu trích nữa e rằng bài viết này sẽ dài thêm vài chục bài thơ. Dài có, ngắn có. Thất ngôn có, tứ tuyệt có. Tự do có, thơ xuôi có. Trước khi chấm dứt bài viết, trước thềm của tuổi 70, tôi cầu chúc ông, nhà văn Mai Thảo những điều tôi "*không*" bắt gặp trong thơ ông.⊙

California tháng Chín 1994

hoàng khởi phong

TRẦN VĂN TÍCH

phú

Văn chương phú lục chẳng hay,
Trở về làng cũ học cày cho xong.

Câu ca dao mô tả khá chính xác cách học cách thi ngày trước. Không giỏi văn chương, không rành thi phú thì chẳng nên đeo đuổi trường ốc. Hơn nữa, khi nêu cụ thể thể *phú* thì lời hát dân gian càng có lý hơn vì *thi* và *phú* là hai lối văn cử nghiệp chính, thường là thi trong một kỳ (kỳ ba). Tất nhiên đưa *thi* và *phú* vào thí vụ chưa chắc đã có thể ảnh hưởng đến chất lượng của hai thể loại sáng tác này nhưng dẫu sao thì địa vị *thi* và *phú* cũng đã được đề cao, tạo thành không khí học tập, biên soạn *thi phú*, mở rộng đội ngũ các thi sĩ, phú gia. Cho nên một câu ca dao khác khẳng định:

Thi thiên, phú bách,
Văn sách năm mươi, ngồi cười ra chữ.

Kẻ đi học đi thi ngày xưa làm chừng ngàn bài thơ, tập lối trăm bài phú, dợt độ năm chục bài văn sách là đã tạm đủ chữ nghĩa để qua lọt kỳ ba kỳ bốn để mà có hy vọng trở thành ông cử ông tú. Nhưng ngay những người không lấy lều chõng làm lẽ sống cũng viết *phú*, y như không biết bao nhiêu bậc ẩn sĩ đã làm thơ. Do đó chúng ta có thể cho rằng nếu *thi* là nghề tay phải thì *phú* là nghề tay trái của nhà nho.

Chức năng của *phú* thuở nguyên sơ là mô tả trực tiếp, phô diễn công khai chứ không nói năng quanh co, không gợi kết hợp thông qua các phương pháp so sánh, liên tưởng như *tỷ*, *hứng*. Cho nên *Kinh Thi* mới cho rằng *phú giả trực trần kỳ sự* (phú là phô bày thẳng sự việc).

Phú được ươm mầm từ trước Công nguyên, tất nhiên là trên phù sa châu thổ con sông Hoàng hà, Dương tử. Thời Khuất Nguyên, Tống Ngọc *phú* còn lẫn lộn với *từ*, hai thể loại chưa tách bạch phân biệt. Chữ *phú* có gốc nguồn ở *Tao phú*, một tên gọi khác của *Ly tao*. Tống Ngọc để lại mười sáu bài *từ*, nay còn được sáu bài, nhưng gọi là *phú*: *Cao đường phú, Thần nữ phú, Phong phú*, v.v.. Thực ra thuở đó *từ* cũng chưa phải là *từ* đúng với nghĩa của thi loại này mà thời điểm khai sinh chính thức là đời

Đường và thời điểm cực thịnh là đời Tống.

Phú định hình và thịnh hành đời Hán, giống như đời Đường có *thi*, đời Tống có *từ*, đời Nguyên có *khúc*. *Phú* đời Hán cốt để mua vui nơi cung đình hoặc mang lại cho tác giả một chức quan hay một phần thưởng vật chất. Bài *Tử Hư phú* của Tư Mã Tương Như mở cho ông cánh cửa vào chốn triều đường; bài *Trường Môn phú* khiến ông được ăn tứ một trăm cân vàng. Thử tính theo thời giá ngày nay, một cân bằng mười sáu lượng, một lượng giá lối năm trăm Mỹ kim, thì họ Tư Mã đã lãnh lối tám trăm ngàn đô la chỉ nhờ một bài văn chẳng lấy gì làm dài! *Phú* đời Hán thơ không ra thơ, văn xuôi chẳng ra văn xuôi, tuy có tôn trọng vần nhưng viết ra lại không phải để ca mà là để đọc: *bất ca nhi tụng vị chi phú*. Nó mang nặng tính chất quý phái vì chỉ thông dụng và được ưa chuộng trong môi trường hoàng tộc quốc thích. Nó rất coi trọng hình thức. Người viết *phú* đi tìm những từ thật đẹp, thật kêu, những tài liệu lạ lùng, xa xôi. *Phú* không lưu tâm mấy đến chuyện diễn đạt tư tưởng, tình cảm, chỉ cốt ca tụng công đức giới cầm quyền qua miêu tả cách ăn chơi xa hoa, rầm rộ nơi triều đường như ngự lâm, săn bắn, yến tiệc giữa những cảnh thiên nhiên lộng lẫy bao la; hoặc khắc họa cái đẹp của bậc quốc sắc thiên hương.

Tử Hư phú của Tư Mã Tương Như kể chuyện người nước Sở là Tử Hư khoe với người nước Tề là Ô Hữu rằng chàm Vân Mộng nước Sở rộng mênh mông, Sở vương đi săn bắn cực oai hùng. Hết tả núi, lại tả các loại đất, các loại đá, ngọc, rồi phía đông, phía tây, phía nam, phía bắc; bề bộn những tên động vật, ngổn ngang những tên thực vật. Ô Hữu cũng đâu chịu kém, lại cho rằng nước Tề còn có những vùng săn bắn to lớn hơn. Bài *phú* hành văn cực kỳ chọn lọc, trau chuốt; dùng từ rất mực lộng lẫy, hoành tráng; nêu ra những chi tiết khuyếch đại, cầu kỳ; chúng tôi chỉ xin đan cử một câu làm bằng cứ: *"Thôn Vân Mộng giả bát cửu, nhi hung trung tằng bất giới đế"* (Nuốt Vân Mộng đã tám chín lần, mà bụng chẳng hề vướng vít). Bài *Thượng lâm phú* tiếp tục bài *Tử Hư phú*. Vong Thị Công nghe chuyện Tử Hư và Ô Hữu thì cười lớn và mô tả công viên săn bắn Thượng lâm uyển mà thiên tử, vì quyền lợi của bá tánh đã không ngần ngại cho cải tạo thành vườn ruộng; khiến dân chúng vô cùng hân hoan và cả nước hưởng cảnh thái bình thịnh trị. Người kể chuyện không ngớt lời tán dương kẻ lãnh đạo và khi bài *phú* kết thúc thì cả Tử Hư và Ô Hữu đều nhiệt liệt hoan hô Vong Thị Công.

Chuyện Giả Nghị đời Hán Văn đế được Tư Mã Thiên chép trong *Sử Ký*, phần *Liệt truyện*, nói về Khuất Nguyên. Họ Giả là người có tài nhưng không được vua dùng, cho đi làm Thái phó của Trường sa vương. Trong bài *Phục điểu phú*, tác giả kể lời con chim cú trình bày cùng nhà thơ bị dày đi xa về lẽ đắc thất, thăng trầm ở đời, về sống, chết; chúng chỉ là những biến thiên liên tục và tất yếu; chúng chỉ là các hình thức diễn tiến của số mệnh huyền bí; vũ trụ là do một nghệ nhân đúc nặn nên — một người làm đồ gốm hay một bác thợ rèn — mà chúng ta, nhân loại, chỉ là nguyên liệu, v.v.. Bài *phú* dùng nhiều câu thơ bốn chữ. Tư Mã Thiên cho rằng: "*đọc xong bài phú Phục điểu, trong đó tử sinh được đồng nhất, khứ tựu bị xem khinh, ta lại sửng sốt bâng khuâng như vừa bừng tỉnh*".

Mai Thặng trong bài phú *Thất phát* kể rằng vương tử nhà Chu được người chữa bệnh bằng cách trình bày những thú vui do nhạc học, ẩm thực, xa mã, du lãm, chiến trận, hải dương mang lại; nhưng vương tử chỉ khoẻ khoắn khi nghe biện thuyết về triết học.

Những người làm *phú* đời Hán thường bắt chước nhau thành thói. Thấy Mai Thặng có bài phú *Thất phát*, Phó Nghị liền sáng tác bài phú *Thất khích*, Trương Hoành có bài phú *Thất biện*, Tào Thực viết bài phú *Tam đô* tán dương Trường an, Lạc dương và Nam dương, v.v. .

Phú đời Hán lưu dấu ấn ảnh hưởng rất sâu sắc đối với đời sau, tuy rằng cùng với thời gian, *phú* dần dà biến tính từ hình thức đến nội dung. Đề tài, đối tượng trở nên phong phú, thể cách không còn phô trương; chữ dùng tuy gọt dẽo nhưng không bác học và thay vì chuyên về tự sự thì lại hướng về trữ tình. Đời Nam Bắc triều *phú* trọng phép biền ngẫu, *phú* đời Đường chịu qui luật ước thúc chặt chẽ, đời Tống văn xuôi xâm nhập vào *phú* và đời Thanh văn *phú* là dạng bát cổ hạn chữ hạn vần nghiêm ngặt.[1] Nhìn chung, nhiều nhà phân tích nước ngoài nhận định rằng *phú* là một bài thơ bằng văn xuôi (*prose rythmée et rimée*, Philippe Van Tieghem[2]; *Poesie im Gewande eleganter, rhythmischer Prosa*, P. Eugen Feifel...[3]

Âu Dương Tu và Tô Thức đời Tống là những người đầu tiên vận dụng văn xuôi để viết *phú*; qua đó diễn đạt được tình, ý lưu loát hơn, thoải mái hơn,. với kết quả là những bài *phú* bất hủ như *Tiền Xích bích phú* và *Hậu Xích bích phú* của Tô Đông Pha hay *Thu thanh phú* của Âu Dương Tu. Trong những bài này, có sự kết hợp dung hoà giữa *biền văn*

và *tản văn*; cũng có những vế đối nhau— thảng hoặc không đối văn thì cũng đối ý—; bài văn cũng giữ vần; nhưng gặp trường hợp vì đối mà câu văn mất vẻ tự nhiên thì bỏ đối; khi nào vần gượng quá không ép nổi thì cũng hy sinh vận luật; ngoài ra số chữ trong từng câu từng vế không nhất thiết phải luôn luôn cân xứng và bằng trắc cũng chẳng phải là bằng mọi giá phải uốn mình theo luật.

Phép làm thơ đòi hỏi phải đối ở bốn câu giữa, nhưng trong bài *phú* thì, trên nguyên tắc, phải đối từ đầu đến cuối. Nghệ thuật của *phú* chủ yếu là nghệ thuật gò câu chọi chữ. Về tầm vóc thì bài *phú* dài hơi trong khi bài thơ thường là ngắn gọn. Cho nên tìm ý đặt câu, chọn chữ lựa vần và nhất là bố trí đối ngẫu cho bài *phú* huy động sức hưng phấn của các tế bào thần kinh đại não bội phần nhiều hơn làm thơ. Bởi vậy nhà nho có thể khẩu chiếm mà thành thi nhưng sáng tác một bài *phú* thì chẳng thể dễ dàng, nhanh gọn được. Huống chi *phú*, tự bản chất, vốn sùng thượng điển cố, trọng vọng kỳ tích cho nên cần có vốn liếng kiến thức uyên áo, ký ức hàn lâm thâm viễn thì mới viết được *phú* mỹ lệ và sâu sắc. Rồi một khi viết xong, sự lưu truyền không thể dễ dàng vì bài *phú* dài dòng khó nhớ. Do tất cả các lẽ đó nên tỷ lệ *phú* trong kho tàng văn học mới khiêm tốn. Hơn nữa, nếu luật thi có thể bớt tính cao sang đài các để trở thành phương tiện sáng tác của ngay cả người bình dân thì *phú* luôn luôn bảo vệ dáng vẻ quí phái bác học của mình.

Việt Nam đã có *phú* từ đời Lý. Trong *Kiến văn tiểu lục*, khi bàn về *phú* cổ nước ta, Lê Quí Đôn cho biết: "*Khương Công Phụ làm quan nhà Đường, thi đỗ chế khoa, thơ văn không thấy truyền lại, chỉ có bài phú Bạch vân chiếu xuân hải chép trong Uyên giám, lời văn cũng đẹp đẽ.*"

Bạch vân chiếu xuân hải quả có những câu văn điêu luyện, âm điệu uyển chuyển, hình ảnh phong phú:

Bạch vân ung dung, giao duệ hồ xuân hải chi trung,
Phân vân tầng hán, hiệu khiết trường không.
Tế ảnh sâm si, hạp vi minh ư nhật vực,
Khinh văn lịch hoãn, phân kính hoảng ư tiên cung.
(Mây trắng ung dung, toả sát giữa mặt biển xuân,
Mây giăng tầng biếc, sáng sủa cả tầng không mênh mông.
Bóng sắp so le, bao thành ánh sáng quanh cõi mặt trời,

Mâu nhẹ lớp lớp, chia đều ở cung tiên).

Chúng ta thấy rằng câu văn *phú* thuở bấy giờ —cách ngày nay mười hai thế kỷ— chưa tôn trọng qui tắc đối, nó là văn pháp cơ bản của thể *phú*, vốn được xây dựng chủ yếu trên thể văn biền ngẫu.

Đời Trần trong một số khoa thi sĩ tử đã phải làm *phú*. "*Năm Kỷ hợi 1179, tháng mạnh đông, vua và thái hậu ngự ra điện Sùng Chương thi tam giáo về các môn chép thơ cổ, làm thơ phú, kinh nghĩa, làm toán*" (*Việt sử lược*) *Phú* cũng được vận dụng trong sinh hoạt hằng ngày nơi cung đình: "*Năm Quí Mùi 1043, mùa hạ tháng tư vua ngự đến chùa Tùng sơn ở châu Vũ ninh, thấy trong toà điện nát có cây cột đá đổ nghiêng, vua có ý định sửa chữa lại điện đó, cột đá bỗng nhiên đứng thẳng lại. Vua liền sai nho thần làm bài phú để ghi lại việc lạ*". (*Toàn thư, Bản kỷ, Kỷ nhà Lý*). Nếu căn cứ theo *Cương mục* thì vào thời Nguyễn Thuyên đã có một số cây bút viết *phú*: "*Nguyễn Thuyên có tài làm thơ phú bằng quốc ngữ, nhiều người bắt chước. Vì thế sau này làm thơ quốc âm gọi là Hàn luật*". (*Cương mục, Chính biên, q.7, Chương 26, Lời chú*).

Phú đời Trần được tập trung trong công trình *Quần hiền phú tập* do Hoàng Sản Phu [4] biên tập, Trình Văn Huy phê điểm, Nguyễn Thiên Túng đề tựa năm 1457. Đến năm 1728, Nguyễn Trù xúc tiến bổ sung và in lại[5]. Bùi Huy Bích trong *Hoàng Việt văn tuyển* chép được mười ba bài *phú* của các tác giả Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Bá Thông, Lý Tử Tấn, Nguyễn Mộng Tuân.

Từ đời Mạc trở đi, *phú* được khai thác thường xuyên hơn. Với Nguyễn Hãng, ngôn ngữ dân tộc bắt đầu bước vào thể *phú* với tất cả tư thế oai vệ, chững chạc. Qua các đời Lê, Nguyễn, dưới những ngòi bút của Nguyễn Bá Lân, Nguyễn Công Trứ, *phú* Nôm tiếp tục phát triển về cả hình thức lẫn nội dung chứa tải, với những lĩnh vực trình bày mới, những khuynh hướng diễn đạt riêng (chẳng hạn trào lộng, châm biếm).

Nếu muốn thử phân loại theo nội dung các bài *phú* do cha ông trước tác, chúng ta có thể thấy những khuynh hướng sau:

*** Khuynh hướng thuật hoài thác chí:** Nguyễn Nghiễm với *Khổng tử mộng Chu công* trình bày ý hướng tôn phù nhà Lê như thuở nào Khổng tử khuông phò nhà Chu; bài *Thuật hoài phú* của Nguyễn Khản kể lể ân tình với chúa Trịnh Sâm sau vụ án Canh tý[6]; Mạc Đĩnh Chi với *Ngọc tỉnh liên phú* tự ví mình như bông sen quí trong giếng ngọc nhưng phải có người sành mới biết thưởng thức; *Trảm xà kiếm phú* của Sử Hy Nhan

mượn thanh kiếm chém rắn để phê phán việc sử dụng vũ lực; *Tịch cư ninh thể phú* của Nguyễn Hãng tán dương thú vui ẩn dật nơi lam sơn cùng cốc, v.v..

* **Khuynh hướng tán tụng thù tạc**: bài phú *Ngọc thụ đốt hoa* của Đỗ Thế Giai ca tụng công đức chúa Trịnh Doanh, bài phú *Tiến sĩ tán* của Nguyễn Đình Tố đề cao học vị Tiến sĩ. Cũng có những bài *phú* hướng về ca ngợi cảnh đẹp của đất nước như *Đế đô hình thắng phú* của Bùi Vịnh, *Tây hồ phong cảnh phú* của Ngô Thì Sĩ.

***Khuynh hướng trào lộng châm biếm**: bài *phú Ngả ba hạc* của Nguyễn Bá Lân hóm hỉnh phản ảnh sinh hoạt bình dị, quê mùa, trên một vùng sông nước với ngôn ngữ dân gian, rất ít điển cố, từ ngữ Hán học; bài *phú Thầy đồ ngông* của Nguyễn Tiến Đức mô tả một nhà *Nho chạy gạo chạy tiền, thất điên bát đảo; làm gà làm vịt, tứ đốm tam khoanh*; bài *phú Thầy đồ dạy học* của Trần Tế Xương dùng thể hài văn để tự giễu với giọng cảm khái bi phẫn, khiến người đọc không khỏi bùi ngùi cho thân thế nhà thơ, có tài có chí mà bước công danh lận đận, đành cam phận làm ông đồ cùng bốn con ăn báo vợ.

* **Khuynh hướng bút chiến**: bài *Tây hồ phú* của Nguyễn Huy Lượng nói về cảnh Hồ Tây ở Hà nội nhưng thực chất là ca ngợi sự nghiệp cũng như công lao hiển hách của triều đại Tây Sơn; bài *Chiến tụng Tây hồ phú* của Phạm Thái đập lại bằng cách nêu lên những nét tiêu sơ ảm đạm của Hồ Tây; ngụ ý chế độ Tây Sơn bạo ngược khiến vận nước suy đồi, đen tối[7]. Về giá trị văn học, bài của Chiêu Lỳ đặc sắc hơn, mặc dầu nó ở vào thế *đối đối nan*.

* **Khuynh hướng anh hùng ca**: một số bài *phú* tuy tả cảnh nhưng có những đoạn mang dáng dấp sử thi hào hùng *như Bạch đằng giang phú* của Trương Hán Siêu, *Lam sơn giai khí phú*, *Nghĩa kỳ phú* của Nguyễn Mộng Tuân; *Xương giang phú* của Lý Tử Tấn; nhắc đến các chiến công thời Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán, diệt Hoằng Thao, nhà Trần bắt sống Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp; hay trình bày hào khí của nghĩa quân trong cuộc kháng chiến chống Minh cùng phẩm chất hào hùng và mưu kế linh hoạt của các lãnh tụ khởi nghĩa.

* **Khuynh hướng thuyết lý giáo dục**: bài *Cư trần lạc đạo phú* của vua Trần Nhân Tông bác bỏ việc cực nhọc lên núi trì giới tu hành mà đề cao tinh thần chủ động, ngồi giữa thị thành vẫn có thể giữ cho lòng tự tại, sáng suốt, vứt bỏ dục vọng để đạt tới giác ngộ, Niết bàn; bài phú

Cung trung bảo huấn của Bùi Vịnh có nội dung dạy dỗ các phi tần thị nữ nơi cung đình phải biết giữ đức tính cần kiệm, nghiêm trang, không được ghen tuông, lăng loàn; hai bài *Nam dược quốc âm phú* và *Trực giải chỉ nam dược tính phú* của Tuệ Tĩnh thiền sư, một bài chữ Nôm, một bài chữ Hán, chỉ dẫn về công năng khí vị, chỉ định của các vị thuốc bắc thuốc nam.

***Khuynh hướng ký gửi tâm tình**: đại biểu là bài *Hàn nho phong vị phú* của Nguyễn Công Trứ và bài *Tài tử đa cùng phú* của Cao Bá Quát; cả hai đều là những tác giả đặc biệt tài hoa, quán triệt sâu sắc ngôn ngữ dân tộc, có vốn liếng ngữ học phong phú, có năng lực sáng tạo đôi dào. Cậu ấm Trứ thuở hàn vi túng bấn, tính xoay xở theo nghề thầy địa, thầy lang như các nhà nho lỡ vận thường làm, nhưng rồi cũng chẳng xong, lại phải trở về nghề cũ, ngâm nga thi phú, dùi mài kinh sử để đợi thời. Nhà nho làng Phú thị thì ngán ngẩm cho tình cảnh khốn đốn của bản thân và ngán ngẩm cho nhân tình thế thái; lời phú có lúc để lộ cảm giác buồn bã ưu phiền và trạng thái ủ dột tái tê; có lúc lại bực dọc uất ức, cao ngạo ngang tàng. Cả hai bài *phú* cùng mang rõ màu sắc của hai tâm hồn nghệ sĩ, để cho tình cảm chi phối mạnh mẽ lý trí.

Về hình thức, *phú* được viết hoặc bằng chữ Nôm hoặc bằng chữ Hán; có khi pha điệu *Sở từ*.

Dù vận dụng ngôn ngữ nào thì sự lựa chọn thể *phú* cũng là do nhu cầu trình bày những chi tiết tự sự, nêu lên các khía cạnh tâm tư hay biện bạch về những điểm cần nghị luận mà chỉ có văn vần mới có đủ thể tích, dung lượng chứa tải, không bị ngôn từ gò bó.

Nhằm trình bày tính chất của những hiện tượng được miêu tả một cách gợi cảm, nhà làm *phú* thường vận dụng biện pháp ngoa dụ, cường điệu hoặc phóng đại. Nhưng khoa trương lại không phải là bịa đặt, tô vẽ, tưởng tượng đơn thuần, mà là cung cách làm lớn hơn lên, vẽ nổi hơn lên những nét đặc trưng thuộc cảnh vật hay/và của cảnh ngộ vốn có thật trong đời sống. Dùng sức mạnh kỳ xảo của ngòi bút lông, nhà thơ viết *phú* làm cho những bản chất vốn ẩn náu sâu kín của một hiện tượng nào đó trở nên rõ rệt, chói lòa; hơn nữa, còn tạo ở người thưởng ngoạn một thái độ cảm xúc mạnh mẽ đối với bản chất của hiện tượng.

Thuốc men rắp bòn chài gỡ bữa, song nghĩ câu "ý dã" thế nào cho đáng giá lương y;

Thầy bà mong dối trá kiếm ăn, lại nghĩ chữ "dũng như" phép chi

được nổi danh pháp chủ.

Túng bấn thì phải tháo vát là điều tự nhiên, nhưng chính những nỗi điêu đứng khó khăn trong khi xoay xở là điều đớn đau tủi nhục cho kẻ nghèo, nhất là khi kẻ nghèo ấy có tư cách, nhân phẩm và là một nho sĩ vẫn nuôi hoài bão trí quân trạch dân như Nguyễn Công Trứ. Thành ra nghề bốc thuốc kê toa trở nên phương tiện *bòn chài, câu y giả ý dã*[8] trở thành rào cản nghiệp vụ. Thành ra tuy gọi là *Hàn nho phong vị phú* đấy nhưng cái phong vị đó đâu có gì phong lưu phong nhã mà chỉ là phong trần phong sương. Tính chất của đối tượng mô tả—và qua đó tính chất của tâm trạng—đã được hai câu *phú* nhấn mạnh một cách xuất sắc.

Dưới ngòi bút già dặn và điêu luyện của một số nhà thơ, nhiều bài *phú* Hán Nôm với đặc tính nhạc học và cấu trúc văn học riêng tây, với tiết tấu nhịp nhàng, với thanh điệu hài hòa; đã diễn đạt được những sự việc cao cả, đã khắc họa được những cảnh vật hùng vĩ, đã ký thác được những tình tứ sâu xa, đã phu diễn được những tư tưởng cao siêu qua một kiến trúc từ cú uy nghi, đường bệ, cân đối, long trọng, trang nghiêm, đồ sộ.⊙

Chú thích

[1] Văn bát cổ còn gọi là văn chế nghĩa, văn kinh nghĩa hoặc thời văn. Tên là bát cổ vì một bài gồm tám vế: phá đề, thừa đề, khởi giảng, đề cổ, hư cổ, trung cổ, hậu cổ, kết cổ (những vế này có thể có tên gọi khác). Văn bát cổ là biền văn, không có vần mà có đối. Ở Việt Nam, văn bát cổ bắt đầu được sử dụng trong các khoa thi từ năm Mậu Thân 1728, niên hiệu Bảo Thái thứ chín, do đề nghị của Nguyễn Công Hãng (*Cương Mục, Chính Biên*, q.37). Trên Văn Học số 96, tháng 4. 1994, tr.5, dòng 4 từ trên xuống, tôi đã nhắc đến thể văn này nhưng người trình bày đánh nhầm "bác cổ".

[2] Philippe Van Tieghem. *Dictionnaire des Littératures*. PUF. PAris. 1984. Tome II, p. 1419-1420.

[3] P. Eugen Feifel, S.V.D.. *Geschichte der chinesischen Literatur*. Wissenschaftliche Buchgesellschaft. Darmstadt. 1959. p. 132-137.

[4] Có tài liệu ghi là Hoàng Tùy Phu.

[5] Chỗ này có điểm còn tồn nghi. Tôi sử dụng bản chữ Hán do Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hoá cho chụp lại trong *Hoàng Việt văn tuyển* của Bùi Huy Bích in tại Sàigòn năm 1971. Lời mở đầu của tác giả họ Bùi in theo cỡ chữ nhỏ, mỗi dòng hai mươi chữ, có bốn dòng như vậy; đến dòng thứ năm thì chỉ có sáu chữ: "Lang Xương phái hầu Nguyễn Trù" rồi bỗng dột ngột chuyển sang dòng thứ sáu (nghĩa là bỏ trống mười bốn chữ) với năm chữ: "Loại hiệu giải trùng san." Nếu đọc ngược lên dòng thứ tư cho trọn nghĩa thì sẽ có một câu như sau, được trình bày ở ba dòng kế nhau nhưng đứt đoạn: "Bảo Thái cửu niên Mậu thân, Hình bộ Hữu Thị lang Xương phái hầu Nguyễn Trù Loại hiệu giải trùng san". Như vậy phải chăng người "hiệu giải trùng san" là Nguyễn Trù Loại, chứ không phải Nguyễn Trù như các tài liệu ấn hành ở miền Bắc (Chẳng hạn *Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung quốc xâm lược*, Viện Văn Học, NXB Khoa học Xã hội, Hà nội, 1981, tr. 295-296 hoặc *Tạp chí Văn học*, Viện Văn học Hà nội, số 6. 1974. tr. 94) ghi nhận? Tuy nhiên vì cả *Đại việt lịch triều đăng khoa lục* lẫn *Lê triều lịch khoa Tiến sĩ đề danh bi ký* đều chỉ ghi nhận danh tính Nguyễn Trù đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khoa Đinh sửu 1697 (riêng *Đăng khoa lục* còn cho biết Nguyễn Trù làm đến Hình bộ Hữu Thị lang, tặng Công bộ Tả Thị lang, Xương phái hầu) mà không hề có vị Tiến sĩ nào tên họ Nguyễn Trù Loại nên tôi theo các tài liệu của miền Bắc. *Cương Mục, Chính biên, q. 37* cũng ghi: "Mậu thân, Bảo Thái thứ chín (1728), tháng ba, mùa xuân, bổ dụng Nguyễn Trù, Hữu Thị lang bộ Hình, kiêm giữ chức Tư nghiệp" (Quốc tử giám, TVT).

[6] Nguyễn Khản tham gia âm mưu giành ngôi chúa của Trịnh Khải năm Canh tý 1780. Khi âm mưu thất bại, anh cả Nguyễn Du súyt bị giết nhưng nhờ trịnh Sâm nghĩ đến công lao nên tha cho tội chết, chỉ cách chức và giam giữ. Vào dịp này, ông làm bài phú *Thuật hoài* kể lể sự tình dâng lên Trịnh Sâm.

[7] *Từ điển văn học*, Tập II, tr. 68, Nhà XB Khoa học Xã hội, Hà nội, 1984 cũng như Vũ Thanh Hằng trên *Tạp chí Hán Nôm* số 2 năm 1988, tr. 83 cho rằng Nguyễn Huy Lượng biên soạn bài *Chiến tụng Tây hồ phú* do chính Chiêu Lỳ ghi nơi lời tiểu dẫn (Dương Quảng Hàm, *Việt Nam thi văn hợp tuyển*, Bộ Giáo Dục, Trung tâm Học liệu, Sàigòn, 1968, tr. 90) thì lại là năm Canh thân 1800. Đây là một điều nghịch lý mà tôi chưa tìm được lời giải thích.

[8] Ý là ý vậy: đọc sách ý điều quan trọng là lĩnh hội được ý ẩn tàng trong sách.

TRÚC CHI

Thu

Dã vàng hoa cúc lối sương vây
Lá đã lang thang, rừng đã gầy
Ngùi trông chiếc lá lìa cành mọn
Ờ nhỉ, mình chung phận lạc loài.

Ly bôi chén cạn đã lâu rồi
Nghìn trùng cố quận sầu chưa nguôi
Giờ thu gửi nhớ vào chai lạnh
Sóng sánh vơi đầy, đầy lại vơi.

Trống trải phòng văn trận gió vàng
Men nồng không ấm nẻo thu sang
Một trời mưa lá bao tâm sự
Lá ngổn ngang lòng cũng ngổn ngang.

Loạn ly lưu lạc đầu càng bạc
Áo ấm khoác thêm đời thấy già
Vèo đưa chiếc lá qua khung cửa
Không ánh trăng khuya cũng nhớ nhà (1)

(1) Câu này rút ý từ cái tứ bất hủ của Lý Bạch trong hai câu:

Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố [illegible]

Dịch nghĩa: Ngẩng nhìn trăng sáng, cúi xuống chợt nhớ quê cũ. (Tác giả chú)

TẠ QUỐC TUẤN

không gian và thời gian trong thơ vương duy

Thơ của Vương Duy (701-761), một thi sĩ Trung Hoa đời Đường (618-907), thường hay diễn tả tương quan giữa con người và thiên nhiên. Đề tài được thi sĩ nói tới nhiều nhất là cảnh phù du của cuộc sống con người lồng trong hiện tượng bất biến, trường tồn và hoán tân của thiên nhiên. Tuy đây là một đề tài cố hữu trong thi ca Trung Hoa nhưng Vương Duy đã khéo dùng một số vần thơ, phần lớn là bốn câu năm chữ, để dung hợp hai ý niệm không gian và thời gian một cách đầy triết lý và đồng thời cũng rất thi vị. Ông không diễn tả những ý niệm về không gian và thời gian một cách khô khan; ngược lại, qua những dòng thơ ngắn ngủi, ông làm cho người nghe hay đọc cảm thấy một cách thấm thía ý nghĩa cuộc đời của con người bé nhỏ trong vũ trụ bao la bát ngát.

Mỗi một bài thơ của Vương Duy đều nói lên sự cô độc cùng là cảnh tạm bợ, nhất thời, trong đời sống con người trước sự trường tồn và vô hạn của vũ trụ thiên nhiên. Ông đã dựa vào chính nỗi cô đơn trong đời sống của bản thân mình mà sáng tác những bài thơ bất hủ.

Theo Vương Duy, người ta sống càng cô độc hay càng xa cách xã hội bao nhiêu thì người ta càng cảm thấy mình cô đơn, lạc lõng bấy nhiêu. Mặt khác, thiên nhiên càng trì cửu, càng bao la, càng trật tự bao nhiêu thì cuộc sống con người thấy càng tạm bợ, càng ngắn ngủi, và lạc thú của con người càng chóng phai mờ bấy nhiêu. Do đó, bằng cách nhấn mạnh vào hai khía cạnh không gian hay thời gian, hoặc cả hai, Vương Duy đã gợi cho chúng ta ý niệm về sự cô lập của con người.

Trong mỗi bài thơ, Vương Duy đã ghi lại giây phút của một sự việc, một hành động, một tác động, dù chỉ là cỏn con không đáng chú ý, để khiến cho chúng ta biết rõ bản thân của mình trong thiên nhiên, và qua đó tìm được một niềm an ủi, mặc dầu kinh nghiệm này chỉ là thoảng qua trong giây lát. Sở dĩ như vậy là vì mỗi một bài thơ tự nó đã là hiện thân và hình ảnh vĩnh tồn của giây phút đó. Đối với Vương Duy, chính hành động sáng tác một bài thơ cũng là sự tham dự vào nhịp điệu trong trật tự của thiên nhiên. Ngay cả lúc chúng ta đọc hay nghe ngâm một bài thơ

của Vương Duy, chúng ta cũng làm sống lại kinh nghiệm đó.

Thường trong mỗi bài thơ bốn câu năm chữ của Vương Duy, hai câu đầu bao giờ cũng nói về sự đau khổ trong đời sống con người - như là lưu đày, chia ly, tuổi già, cô độc - thường đưa người ta đến chỗ than van, thất vọng, hay bi thương. Những khổ cảnh của con người đó trong thơ Vương Duy đều dựa trên khốn cảnh cá nhân của chính thi nhân. Mặt khác, hai câu thơ sau thường nói lên sự kiện là kinh nghiệm đau khổ đó được thăng hoa bằng sự con người hội nhập vào giây phút vận chuyển tuần hoàn của thiên nhiên. Vương Duy diễn tả sự hội nhập này bằng nhiều phương thức, như là biểu tượng thi ca, điển cố, ám dụ, v.v..., thường thấy trong các thi phẩm của các thi sĩ cùng thời hay trước thời ông. Tuy nhiên, Vương Duy đã luôn luôn dùng chính kinh nghiệm cá nhân, đơn giản, của mình làm nguồn soi sáng sự hội nhập đó để đem lại cái an tĩnh cho tâm hồn giữa cảnh cô quạnh, tiêu điều, thê lương của cuộc sống con người.

Trước hết, chúng ta hãy thử nghiên cứu bài thơ "Tống Xuân Từ"sau đây của Vương Duy thì sẽ thấy rõ. Chỉ với 20 chữ chúng ta có thể thấy chân tài của Vương Duy khéo diễn tả tương quan giữa con người và thiên nhiên và sự hội nhập của con người vào thiên nhiên.

Tống xuân từ	Lời tiễn xuân
Nhật nhật nhân không lão,	Ngày qua ngày lại già đâu tới,
Niên niên xuân cánh qui.	Xuân thắm năm năm trở lại đây.
Tương hoan tại tôn tửu,	Vui vẻ cùng nhau say cất chén,
Bất dụng tích hoa phi.	Tiếc làm chi nữa cánh hoa bay.
Vương Duy	Trần Trọng San dịch

Qua bài thơ này Vương Duy muốn diễn tả một phương thức hội nhập của con người vào trong thiên nhiên, dù chỉ trong giây lát ngắn ngủi nhưng cũng đem lại niềm an ủi cho con người trước cảnh phù du, sầu khổ và cô đơn. Bài thơ bắt đầu bằng sự xác nhận các khuôn mẫu nhất quán và kế tục thấy nơi con người và thiên nhiên mà Vương Duy trình bày qua hai yếu tố tương phản chính.

Câu 1 "*Nhật nhật nhân không lão*" tuyên bố một sự thật phũ phàng trong cuộc sống con người và cũng là một sự mất mát vĩnh viễn: con người mỗi ngày một (nhật nhật) già đi (lão). Còn câu 2 "*Niên niên xuân*

cánh qui" lại nói lên sự tồn tại cố định và trường cửu của thiên nhiên: mỗi năm (niên niên) xuân lại về (cánh qui).

Trọng tâm của câu 1 là từ "nhân" (con người) đối lại với từ "xuân" (mùa xuân) của câu 2. Qua hai từ này Vương Duy đã nêu lên hai thực thể tương phản: con người và thiên nhiên. Mặt khác, hai từ "cánh" (lại) và "qui" (trở lại, về) của câu 2 đã nhấn mạnh vào sự luôn luôn phục hồi, hay nói cho đúng hơn, sự luân hồi, của thiên nhiên và đồng thời sự tương phản với hai từ diễn tả sự tiêu cực "không" (trống rỗng) và sầu khổ "lão" (già) của câu 1. Như vậy, hình ảnh "không lão" và "cánh qui" đã nói lên một sự thật đau lòng, chua xót của đời sống con người: tất cả là trống rỗng hư vô (không) trong khi con người từ lúc lọt lòng mẹ đã từng ngày từng ngày một tiến dần trên con đường già nua (lão) không cách cứu vãn hay kéo lại được.

Như vậy chỉ mới qua câu 1 chúng ta thấy con người đã lâm vào một bế tắc, một hoàn cảnh bi thương: mỗi ngày một trống rỗng, già nua. Hoàn cảnh này lại là một định luật bất di bất dịch. Đồng thời, con người dường như càng ngày càng xa cách xuân, dù xuân mỗi năm một trở lại để phục hoàn và canh tân vạn vật.

Thoạt trông chúng ta tưởng là sự phản ý giữa hai câu 1 và 2 có tính cách căn bản, chủ yếu và tối hậu, con người không sao thoát được. Sự thực không phải như vậy. Bài thơ đã chuyển nhanh từ câu 1 sang câu 2 là câu nhấn mạnh vào sự phục hoàn của mùa xuân, tức là nó báo trước một quyết tâm của Vương Duy để thoát ra khỏi bế tắc.

Câu 3, "*Tương hoan tại tôn tửu*" (1), là điểm chuyển của bài thơ. Nó chủ trương con người cần phải vui với chính cảnh phù du của cuộc đời. Hai từ "tương hoan" (chung vui) diễn tả một ý niệm phi thời gian. Mặt khác, vì chúng không có ý chỉ một sự phân biệt về thời gian, hai từ này, và cả câu 3 nữa, ngụ ý chỉ tính trực tiếp của hành động chia sẻ của con người. Vương Duy vạch cho thấy trong sự hội nhập của con người vào thiên nhiên này có chứa dựng niềm hoan lạc. Vì thế, sự nhận ra phản ý, sự ý thức được một phản đề về số phận ngắn ngủi của con người và sự phong phú phi thời gian của thiên nhiên không đưa con người đến chỗ tuyệt vọng, và ngay cả sầu thảm nữa. Chính sự tham dự vào việc cùng bạn hữu uống rượu đã khuyến khích một thái độ tham dự vào chu kỳ của thiên nhiên. Chính hành động tham dự vào một khoảng thời gian của cuộc sống đã khiến cho người ta có thể sống trong khung cảnh của một

thực tại vĩnh cửu và chỉ biết đếm quá khứ và tương lai như là những chặng đường thoáng qua của một thiên nhiên vĩnh viễn tự phục hoàn.

Như vậy, bằng một hành động đơn giản là tham dự vào thiên nhiên, người ta có thể thấu hiểu cảnh phù du của cuộc đời không sao tránh được mà gạt bỏ sự buồn sầu, thương tiếc hay bất cứ một trạng thái tâm hồn tiêu cực nào khác để có thể trầm tĩnh suy niệm ngay cả sự phù du của vẻ đẹp trong một hình thức mỏng mảnh nhất là đoá hoa.

Câu 4, "*Bất dụng tích hoa phi*", nhắn người đời không nên thương tiếc ngày xuân trôi qua khi nhìn những cánh hoa rơi và cũng chẳng nên tiếc gì đến cuộc sống tạm bợ của con người cả. Cái cảm giác chua cay của một sự mất mát và phí phạm nói trong câu 1 của bài thơ bằng cách nhấn mạnh vào việc thời gian trôi qua không lấy lại được cuối cùng cũng vượt qua được bằng hành động tham dự mà cực điểm là sự suy niệm về sự vĩnh viễn canh tân, về sự thay đổi cần thiết không tránh được trong cái bất biến. Sự hân hoan tham dự vào một giây phút của sự sinh tồn mà Vương Duy đề nghị ở đây là một lối thoát duy nhất cho hình ảnh đáng buồn của cảnh già nua và phí phạm trong đời sống con người.

Người ta có thể cho rằng sức mạnh của bài thơ đã bị giảm đi một phần vì câu cuối cùng có vẻ muốn dạy dỗ người đời quá. Tuy nhiên dù có thực như vậy thì từ "phi" ở câu 4 này cũng không làm cho bài thơ trở nên nhạt nhẽo. "Phi" có nghĩa đen là "bay". Nó phù hợp với cảm giác kích thích đắc ý mà Vương Duy muốn truyền đạt tới người đọc hay nghe trong lúc người ta cố vượt qua ý nghĩ sầu thảm về cuộc sống phù du của con người. Ngoài ra, "phi" còn diễn tả tính chất không gian của cái vô trọng lượng và mỏng mảnh. Vì thế từ "phi" hết sức quan trọng cho việc phát triển đề tài của bài thơ.

Nói tóm lại, qua bài "Tống Xuân Từ" này Vương Duy đã trình bày hoàn cảnh của con người bằng khuôn thước thời gian. Tiến trình biến hóa mỗi ngày và cùng kiệt trong câu 1 và sự phục hoàn vĩnh cửu trong câu 2 được giải quyết trong câu 3 bằng một hình ảnh phi thời gian tĩnh chỉ: đó là sự "tương hoan." Thế rồi đột nhiên bằng hai từ cuối cùng của câu 4, yếu tố thời gian được diễn tả bằng một hình ảnh không gian, "hoa phi" (những cánh hoa bay trong không gian), một biểu tượng hữu hình của cuộc sống con người, mỏng mảnh và không bền, nhưng dù sao cũng vẫn đẹp như thường.

"Tống Xuân Từ" rõ ràng không phải là một bài thơ diễn tả tình cảm

một cách qui ước. Vương Duy đã kể lại một kinh nghiệm khải địch bắt nguồn từ sự hội nhập của con người vào thiên nhiên, một kinh nghiệm mà tuyệt đỉnh là sự đồng nhất giữa chân và mỹ.

Trong bài nhật mộ thi "Tống Biệt" Vương Duy đã nói lên nỗi sầu khổ và cô đơn của con người khi phải sống xa cách xã hội, dù tự nguyện hay khi bị lưu đày, mặc dù một đôi khi cuộc sống đó có thể mang lại cho người ta một niềm an ủi hay một sự yên tĩnh tâm hồn.

Tống biệt	Tống biệt
Sơn trung tương tống bãi,	Trong núi vừa đưa tiễn,
Nhật mộ yểm sài phi.	Chiều tà đóng cửa tre.
Xuân thảo minh niên lục,	Cỏ xuân sang năm biếc,
Vương tôn qui bất qui?	Vương tôn biết có về?
Vương Duy	Trần Trọng San dịch

Cái sầu khổ nêu trong bài thơ bắt nguồn từ việc thi sĩ tiễn chân người bạn tới thăm trong khi ông sống lưu đày và có thể là người bạn đó từ giã ra đi để không bao giờ trở lại nữa.

Hai chữ "sơn trung" (trong núi) bắt đầu bài thơ hàm ý chỉ thi sĩ sống một cuộc đời thoái ẩn, cô đơn, xa lánh xã hội, chung quanh không có ai. Cảnh tự cô lập của Vương Duy còn được nhấn mạnh bằng ba chữ "yểm sài phi" (đóng cửa tre) ở câu thứ 2. Với động tác đóng cửa ở một vùng núi hẻo lánh sau khi tiễn bạn, Vương Duy chẳng những đã tự giam mình bên trong một khu vực giới hạn, thoát khỏi thế giới bên ngoài, và còn đồng thời đóng chặt cánh cửa tâm hồn, không tiếp xúc với xã hội loài người nữa. Như vậy, qua các câu thơ thứ 1 và 2 chúng ta thấy Vương Duy đã tự giam mình, tự cô lập mình tới hai tầng, hai lớp: trong núi và sau cánh cửa, hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Ngoài ra, hai câu thứ 1 và 2 mỗi câu còn thuật lại một động tác có tính cách tối hậu hay chung điểm của sự phân cách và cô đơn mà Vương Duy đã trải qua như diễn tả trong các chữ "bãi" ở cuối câu đầu và "nhật mộ" ở đầu câu thứ 2.

"Bãi" ngụ ý tối hậu. Chữ này có nghĩa là sự "tận cùng," "chấm dứt," hay trạng thái "xong," "chết" của một hành động mà ở đây là hành động tiễn bạn đến thăm. Nếu không có chữ "bãi" chúng ta hiểu là sau lần viếng thăm này của người bạn còn có thể có nhiều cuộc viếng thăm

khác, cũng của người đó hay là của nhiều người khác nữa. Trái lại, với việc dùng chữ "bãi" chúng ta phải hiểu rằng cuộc viếng thăm này là cuộc viếng thăm cuối cùng, chẳng những là của riêng người bạn này mà còn của nhiều người khác nữa, dù là trong một thời gian rất lâu dài. Có thể là Vương Duy đã biết đây là cuộc tiếp xúc cuối cùng giữa ông và bạn bè do hoàn cảnh gây nên hoặc do chính ông muốn như vậy. Nói cách khác, với chữ "bãi", liên lạc giữa Vương Duy với thế giới bên ngoài hoàn toàn chấm dứt. Hơn nữa, chữ "bãi" cũng nhấn mạnh vào tính cách ngắn ngủi của sự xã giao giữa người với người. Việc người bạn tới thăm thật là ngắn, vì chỉ là tới thăm chứ không ở lại. Sau việc viếng thăm, chắc chắn là đã mang lại một niềm vui trong giây lát, Vương Duy lại rơi vào cảnh cô đơn dài dằng đặc. Sự tạm bợ của cuộc viếng thăm này do đó càng làm nổi bật sự tạm bợ của đời người.

Mặt khác, "nhật mộ" chỉ giai đoạn cuối cùng của một ngày (*nhật*: ngày; *mộ*: cuối, *muộn*, chiều), tức là vào lúc chiều tà hay hoàng hôn, thời gian một ngày bắt đầu chấm dứt. Vào buổi chiều tà hay lúc hoàng hôn, màn đêm đen tối bắt đầu bao phủ không gian, vũ trụ. Cảnh huy hoàng, sáng lạn của một ngày đã chấm dứt.

Cũng vậy, với việc đóng cửa sau khi tiễn bạn vào lúc hoàng hôn, cuộc sống vui tươi, rực rỡ, lắm bạn nhiều bè, của Vương Duy đã chấm dứt hoàn toàn. Thay vào đó là một chuỗi ngày đen tối, ảm đạm, mờ mịt, cô quạnh của một tương lai lưu đày.

Như vậy, trong khung cảnh thiên nhiên bao la, bát ngát, biểu tượng bằng hai chữ "sơn trung," động tác đóng cửa cổng "yểm sài phi" vào lúc bóng đêm đen tối bắt đầu bao phủ, diễn tả qua hình ảnh "nhật mộ," đã tạo nên một tương phản không gian sâu đậm. Vương Duy đã biến cảnh chia tay thành một cơ hội phản chiếu sự cực kỳ bé nhỏ của con người trong vũ trụ. Đồng thời, thi sĩ muốn nói lên tình trạng cực kỳ gò bó, khép kín, giới hạn của đời người, vốn được coi là một cuộc lưu đày trên thế gian.

Câu thơ thứ 3 "*Xuân thảo minh niên lục*" là câu trổi bật nhất trong toàn bài "Tống Biệt". Cũng giống như nhiều bài thơ khác, chẳng hạn "Tống Xuân Từ", qua hình ảnh "cỏ xanh sang năm biếc", Vương Duy một lần nữa nói đến sự hoán tân trường tồn và thường xuyên của thiên nhiên trong chu kỳ một năm. Năm nào cũng vậy, sau ba tháng đông cây cỏ tiêu điều, trời đất âm u, lạnh lẽo, đầy băng tuyết, mùa xuân lại quay

trở lại để tô điểm cho vũ trụ thêm vẻ rực rỡ tươi tốt, qua hình ảnh "cỏ xanh biếc" và cũng mang cho lòng người, nhất là những người tha hương hay lưu đày, một niềm vui mới, một hy vọng mới. Việc mùa xuân quay trở lại là một sự thực tuyệt đối và thường xuyên, đều đặn không ai có thể phủ nhận. "*Xuân thảo minh niên lục*" nhấn mạnh lần nữa nguyên tắc bất biến của một trạng thái luôn luôn biến đổi. Đồng thời nó cho chúng ta thấy rõ hơn tính cách tạm bợ và mỏng manh của đời sống con người, hai ý niệm rất quen thuộc của Vương Duy.

Câu "*Xuân thảo minh niên lục*" này cùng với câu thơ thứ 4 và cuối cùng của bài "Tống Biệt", "*Vương tôn qui bất qui?*" lại còn nhắc chúng ta nhớ đến hai câu thơ thứ 7 và 8 của bài "Chiêu ẩn Sĩ" của Khuất Nguyên (343?-278 TCN), người đã từng bị sống lưu đày:

Vương tôn du hề bất qui,
Xuân thảo sinh hề thanh thanh.

Tạm dịch là:

Vương tôn đi không trở lại,
Cỏ xuân vẫn mọc xanh um.

Vì bài "Chiêu ẩn Sĩ" cũng liên quan đến một người sống đời lưu đày nên rất có thể hai chữ "vương tôn" trong câu thơ "*Vương tôn qui bất qui*" của Vương Duy ám chỉ chính Vương Duy, lúc đó đang sống lưu đày, tuy là tự chọn chứ không phải là bị lưu đày như Khuất Nguyên.

Đi xa hơn nữa, "Tống Biệt" không phải chỉ nói đến một khía cạnh về cuộc sống lưu đày của chính Vương Duy mà còn ám chỉ về đời người nói chung nữa. Qua bài này Vương Duy đã chuyển hóa sự thực lưu đày của ông thành ám dụ về chính cuộc sống con người để chúng ta suy gẫm về thân phận con người nói chung. Bằng phương thức loại suy đối chiếu giữa cái thoái hóa bất phản hồi của đời người và sự tuần hoàn trường tồn theo chu kỳ của thiên nhiên, chúng ta sẽ thấy rằng sống là lưu đày, dù như một lãng tử hay như một ẩn sĩ tự chọn cuộc sống này. Trạng thái lưu đày này là thực tướng của chính sự hiện hữu của con người, mà kết quả là cô lập, tạm bợ, ngắn ngủi và phân ly. Như vậy là với kinh nghiệm bản thân và với việc sáng tác thơ, Vương Duy đã tham dự vào một giai đoạn của trật tự thiên nhiên và qua sự tham dự này đã bị thu hút vào trong trật tự đó.

Chúng ta lại thấy hai yếu tố thời gian và không gian đã được Vương Duy đặt xen lẫn nhau trong bốn câu thơ của bài "Tống Biệt" để diễn tả

một thế giới trong đó mỗi vật, dù là bình thường hay phi thường, mang một ý nghĩa thâm trầm và linh động.

Hiện tượng thiên nhiên vững bền nhất, chịu đựng nhất, và có lẽ cả thiêng liêng nhất, đã được trình bày theo yếu tố không gian như cảnh trần thế theo kinh nghiệm của Vương Duy, diễn tả qua chữ "sơn." Chữ thứ nhì "trung" đặt người quan sát (không nói trong bài thơ) vào trong khung cảnh một cuộc phân ly. Cùng với chữ thứ năm "bãi" câu thơ đầu "*Sơn trung tương tống bãi*" chẳng những đã nhấn mạnh vào tính cách nhất thời của một hành động nhân sự là thăm viếng mà còn cả vào tính cách tối hậu của sự mất mát do hành động phân ly gây nên. Câu thứ nhì, "*Nhật mộ sài yểm phi*," phát triển khung cảnh đó theo yếu tố thời gian bằng hai chữ "nhật mộ." Qua sự hiệp thông cảm xúc với cảnh ủ rũ, buồn sầu của buổi chiều tà, báo trước một khoảng thời gian dài tối tăm, mờ mịt, hành động "yểm sài phi" tái xác nhận hai sự kiện là phân ly và mất mát đó.

Mặt khác, tuy hai ý niệm "sơn" và "sài phi" cách biệt nhau rất xa về mọi phương diện, chúng cũng đồng thời tạo nên cảnh tượng vật chất và tâm lý của bài thơ. Hơn nữa, đứng về yếu tố thời gian, các hành động đơn giản của con người như "tống biệt," "yểm sài phi"... có thể được coi là tương đương với "nhật mộ" tức là một giai đoạn trong chu kỳ một ngày. Chúng đều nói lên giai đoạn cuối cùng của hành động nhân sự, như chấm dứt việc thăm viếng (tống biệt), chấm dứt một giai đoạn bỏ ngỏ sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài (yểm sài phi).

Ngoài ra, chúng ta còn thấy bài thơ "Tống Biệt" ám chỉ (tuy không nhấn mạnh) đến một ý niệm khác là tuy các hành động phân ly có tính cách tối hậu (diễn tả qua từ "bãi"), tình hình không đến nỗi quá tuyệt vọng. Cũng như một ngày mới sẽ nối tiếp một ngày tàn, rất có thể sẽ có một việc mở cửa khác để đón bạn (bạn vừa chia tay hay bạn khác) đến thăm theo sau sự chia tay hiện tại. Ám chỉ đó được diễn tả theo sự chuyển biến của hai câu thơ thứ ba và thứ tư. Sự gián tiếp đề cập tới hai câu thơ về lưu đày trong bài "Chiêu ẩn Sĩ" của Khuất Nguyên ở đây thành ra rất có ý nghĩa và việc Vương Duy biến hóa tính chất thời gian do đó hết sức quan trọng.

Thực vậy, Khuất Nguyên đã đề cập tới sự sung mãn do mùa xuân mang tới, cây cỏ mùa xuân lại xanh tươi (*Xuân thảo sinh hề thanh thanh*), để nói lên một niềm hy vọng, nhưng niềm hy vọng này không bao giờ

thực hiện được, nó đã bị tiêu tan rất nhanh chóng vì người bạn lưu đày vẫn không trở về (*Vương tôn du hề bất qui*). Ngược lại, Vương Duy cũng đã nêu lên niềm hy vọng đo mùa xuân đem tới (*Xuân thảo minh niên lục*), nhưng ông mong sẽ không bị thất vọng như Khuất Nguyên. Ông đã hỏi người bạn lưu đày là trước cái đẹp của một tương lai gần ấy ("minh niên" tức "sang năm") bạn có thể từ chối được không, có chịu trở lại hay không (Vương tôn qui bất qui)? Chúng ta nên chú ý là từ "bất" nằm giữa hai từ "qui" trong câu thơ của Vương Duy không có tính cách phủ định như từ "bất" trong câu thơ của Khuất Nguyên. Trong khi từ "bất" của Khuất Nguyên hoàn toàn có tính cách phủ định tuyệt đối vì nó khẳng định sự "không trở lại" của người lưu đày, nghĩa là người lưu đày đã có một lựa chọn dứt khoát và chắc chắn rồi, từ "bất" của Vương Duy không mang tính cách phủ định chút nào. Trong Hoa ngữ khi trạng từ "bất" được đặt giữa một động từ được nhắc đi nhắc lại, thì "bất" không chỉ sự hoàn toàn phủ định. Trái lại nó mang lời mời người được hỏi nên có một sự lựa chọn rõ ràng giữa các đề nghị. Thí dụ "tiên sinh yếu bất yếu?" (ông có muốn không?) hay "sư phụ khứ bất khứ?" (thầy có đi không?). Do đó, câu "*Vương tôn qui bất qui*" của Vương Duy chính là một lời mời người bạn nên có một thái độ tích cực và dứt khoát. Nói cách khác, bằng cách nhấn mạnh vào các sự mong đợi có tính cách thời gian ("minh niên" tức "sang năm") và bằng cách nhắc đi nhắc lại chữ "qui" (trở lại), Vương Duy đã tạo nên một bối cảnh thơ trong đó phân ly và mất mát đã được thăng hoa.

Tuy sự hy vọng, như cỏ sang năm (thảo minh niên), chưa phát triển rõ ràng và thời gian cùng không gian chẳng qua chỉ là hai kích thước của trí tưởng tượng của Vương Duy, nhưng vào giai đoạn đó (minh niên) niềm an ủi và an tĩnh tâm hồn thế nào cũng sẽ tới. Vì vậy, các sự kiện về cảnh đời tạm bợ và phân ly của con người sẽ vẫn còn hay sẽ chấm dứt đều tùy theo sự quyết định của chính con người, như được trình bày trong câu thơ thứ 4 của bài "Tống Biệt" qua hình thức một lời mời lựa chọn thái độ. Quyết định này mỗi người phải tự chọn lấy, không ai có thể làm hộ được.

Nói tóm lại, trong quan niệm của Vương Duy, con người phải tự làm chủ lấy vận mệnh của mình. Đành rằng con người sinh ra trên trái đất này đã bị số phận an bài - sống là tạm bợ, sống là lưu đày, sống là đau khổ buồn sầu, sống là mất mát -, nhưng chính con người phải tự

mình quyết định lấy là có nên an phận tiêu cực chấp nhận cuộc sống như vậy không, hay phải tìm cách vượt qua bằng mọi cách. Theo Vương Duy, cách tốt đẹp nhất là phải biết hòa mình, biết hội nhập vào trong thiên nhiên. Phương thức này được Vương Duy nhắc đi nhắc lại trong rất nhiều bài thơ của mình.

Đọc thơ của Vương Duy chúng ta thấy thi sĩ thường nói nhiều đến sự cô đơn, kiếp phù du, và lưu đày của cuộc sống con người trên trần thế. Tuy nhiên, dù mấy ý tưởng này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, chúng ta không hề thấy nhàm chán, bởi vì mỗi bài thơ lại nói lên một khía cạnh hay một vẻ khác của các ý tưởng đó.

Chúng ta đã xét các ý tưởng đó trình bày trong hai bài thơ "Tống Xuân Từ" và "Tống Biệt". Ở đây chúng ta hãy xét một bài khác, "Tân Di ổ" [2], một bài có lẽ được thi sĩ sáng tác vào lúc suy lặng trầm tư, nên đã được trình bày hoàn toàn có tính cách miêu tả nhiều hơn.

Tân Di ổ	Xóm Tân Hi [3]
Mộc mạt phù dung hoa,	Trên cành phù dung nở
Sơn trung phát hồng ngạc.	Trong núi mầm hồng phơi
Giản hộ tịch vô nhân,	Không người bờ suối vắng
Phân phân khai thả lạc.	Lác đác hoa rụng rơi
Vương Duy	Vũ Thế Ngọc dịch

Trong bài thơ này ta không thấy dấu hình ảnh Vương Duy như trong các bài thơ khác. Ông đã tự tách mình ra khỏi khung cảnh, chỉ để lại giọng kể chuyện, như một khách bàng quan đang đứng ở một thế giới khác nhìn ngắm cảnh vật và kể lể tâm sự.

Câu thơ 1 gợi lại câu thơ 22 và 23 của bài "Tương Quân" của Khuất Nguyên, gồm lời than phiền của kẻ lưu đày:

Thải bích lệ hề thủy trung,
Tiềm phù dung hề mộc mạt.
(Nào ai trong nước lượm bích lệ,
Hay hái phù dung trên ngọn cây?)

Hai câu thơ của Khuất Nguyên nhấn mạnh vào tính cách vô ích của một việc không thể làm được cũng như một ước muốn của thi sĩ nhưng không sao thỏa mãn được và một ý niệm về một sự mất mát bàng bạc trong toàn bài thơ của thi sĩ Khuất Nguyên. Ngoài ra, qua hai câu thơ

này Khuất Nguyên còn nói lên nỗi đau khổ của con người trước sự mất mát và tạm bợ của đời sống, như ông cũng đã nói lên trong hai câu 37 và 38 của cùng bài thơ:

Thời bất khả hề tái đắc,
Liễu tiêu dao hề dung dữ.
(Nào ai níu được thời gian lại,
Chi bằng hãy thử dạo chơi thêm).

Như vậy là trong câu thơ 1 của bài "Tân Di ổ, "*mộc mạt phù dung hoa*", Vương Duy đã gợi lại thái độ thông thường của mọi người cho rằng đời sống của con người trên trần gian này chỉ là một cuộc sống tạm bợ, một cuộc lưu đày. Tuy nhiên, Vương Duy không chấp nhận thái độ đó, như chúng ta sẽ thấy trình bày trong toàn bài thơ. Trái lại, mục đích của thi nhân khi gợi ý đến hai câu thơ 22 và 23 của Khuất Nguyên than vãn về một việc không thể làm được là cốt để nói rằng than vãn gì cũng vô ích.

Điểm đáng chú ý là Vương Duy đã đảo ngược thứ tự hai câu thơ 22 và 23 của Khuất Nguyên để mở đầu cho bài thơ "Tân Di ổ" của ông. Như vậy chúng ta có thể hiểu là việc này báo cho mọi người biết rằng thái độ ông trình bày trong bài "Tân Di ổ" sẽ hoàn toàn trái ngược với thái độ sầu khổ của Khuất Nguyên.

Câu thơ thứ 2 bắt đầu bằng hai chữ "sơn trung" (trong núi) rất quen thuộc trong nhiều bài thơ của Vương Duy (ví dụ "Tống Biệt") với ý khơi động lại quan niệm về sự cô lập của con người nói chung và của Vương Duy nói riêng trong vũ trụ bao la bát ngát. Tuy nhiên, trong ba chữ tiếp theo đó, "phát hồng ngạc" (nở nụ hồng), diễn tả một thứ hoa sống động hoàn toàn tương phản với hoa lệ của Khuất Nguyên, không gian bao la bao hàm trong hai chữ "sơn trung", có một tâm điểm nơi nụ hoa đỏ nở. Nói cách khác, câu thơ thứ 2 của bài "Tân Di ổ" chứa đựng một nhận xét về thế giới thiên nhiên: khung cảnh nơi thi sĩ đi tìm kiếm cách thăng hoa. Còn đáng chú ý hơn nữa là việc dùng chữ "phát" (bừng nở): nó biểu lộ một sức sống mãnh liệt và bộc phát của thế giới thiên nhiên và cũng đồng thời nói lên, bằng cách loại suy, sự chuyển biến sinh động của tinh thần con người. Như vậy là khung cảnh không gian gợi lên trong câu thơ thứ 2, tương phản với khung cảnh nhân tạo gợi trong câu thơ đầu, đồng thời cũng là khung cảnh thời gian của hành động con người. Ở đâu hoa nở thì ở đó tinh thần cũng bộc phát.

Trọng điểm của Vương Duy sau đó chuyển sang giai đoạn khác. Câu thơ thứ 3 bắt đầu bằng hai chữ "giản hộ" (nhà bên khe suối) hàm ý chỉ sự cô đơn của con người mà thi nhân là tiêu biểu. Cường độ của sự cô đơn này được hiểu theo nghĩa quan hệ giữa người quan sát (Vương Duy) và khung cảnh thiên nhiên rộng lớn hơn bao trùm lấy mình. Nhất là nó được đề cao bằng ý của chữ "tịnh" (yên lặng, cô đơn, lẻ loi, không tiếng người) và được nhấn mạnh thêm bằng hai chữ "vô nhân" (không có người). Mặt khác, tuy câu thơ thứ 3 nói đến sự cô đơn, yên lặng qua ba chữ "tịnh vô nhân", nhưng đó không phải là nguyên nhân của sự sầu thảm tuyệt vọng và ý thức vô ích mà Khuất Nguyên đã than vãn. Trái lại, quyết tâm của Vương Duy, như chúng ta đã thấy báo trước trong hai câu thơ 1 và 2, được biểu lộ một cách đột ngột bất ngờ trong câu thơ cuối cùng của bài "Tân Di ổ", tức là "*Phân phân khai thả lạc*" (Hoa nở đầy tàn rồi rụng).

Thế giới thiên nhiên, có sức sống đầy sáng tạo như được diễn tả bằng chữ "phát" trong câu thơ thứ 2, ở đây được lộ ra như một tiến trình hằng cửu, hoa nở rồi rụng vô tận. Tiến trình này chẳng những chỉ là một sự vận chuyển theo chu kỳ của tạo hóa mà còn mang tính cách sung mãn như biểu tượng bằng chữ "phân" (đầy) được dùng tới hai lần. Trong sự nở đầy tràn và rơi rụng của hoa là một hình ảnh của tiến trình trọn vẹn kinh nghiệm của thiên nhiên và con người. Trong khuôn khổ đó, sự cô lập và hiu quạnh của con người đã bị thu hút vào trong tiến trình hằng cửu này không sao tránh được. Ngụ ý của bài "Tân Di ổ" như vậy là sự giác ngộ về điểm này và chính là kết quả của sự sống cô đơn. Do đó, một ngôi nhà bên khe suối, yên tĩnh và không ai lui tới, giữa một khung cảnh bao la tuyệt đẹp của thiên nhiên trở nên trọng điểm của tiến trình biến hóa của con người. Vì thế núi non, cây cỏ, hoa nở hoa tàn, và cả khe suối nữa, chính là các hình ảnh của sự thăng trầm và trường tồn. Chúng nhắc cho chúng ta nhớ đến tiến trình biến thái bất biến của vũ trụ thiên nhiên, bởi vì khe suối vẫn bất động trong khi nước chảy không ngừng, cây cối vẫn bất động trong khi hoa nở rồi rụng, và núi non thì hằng cửu mặc dù hình dáng và màu sắc của nó có thể bị thay đổi. Phân tích như vậy, chúng ta có thể nói tới các kích thước thời gian và không gian trong một bài thơ của Vương Duy. Tuy nhiên, theo quan niệm của thi sĩ cũng như theo kinh nghiệm của người đọc, cả hai kích thước này kết hợp lại với nhau thành một sự thuần nhất hữu hiệu và sinh ra một ấn tượng độc nhất

NGUYỄN TẤN SƠN

Tình ma

Tặng Đại bường Nguyễn Hữu Bôi

Em về từ tiền kiếp
Rủ ta vào tương lai
Trong cơn say đồng thiếp
Tình mê hoài chưa hay.
Cõi trời và cõi đất
Cõi nào là cõi riêng
Cõi người không chân thật
Mà cõi tình thiêng liêng
Cõi em đầy mộng mị
Cõi tôi lời nhân gian
Nên không thành tri kỷ
Nên không là tri âm

Em cho ta mùa hạ
Ta tặng em mùa đông
Những nụ hôn rất lạ
Đưa nhau chốn phiêu bồng
Em về. Ta ở lại
Bao dung giọt lệ ngà,
Như dòng sông chảy mãi;
Chảy mãi về khơi xa.
Thương. Một đời ngồi nhớ.
Thương. Một đời chia xa.
Hai khoảng đời cách trở
Tình ma! ôi tình ma!

và hợp nhất về vai trò của con người trong toàn tiến trình của thiên nhiên. ⊙

tạ quốc tuấn

(1) Trong sách *Thơ Đường* của Trần Trọng San thì câu này là "Tương hoan hữu tôn tửu" (quyển I, nxb. Bắc Đẩu, Sài Gòn, 1973, tr. 98).

(2) Bài thơ này rất ít được các thi nhân hay học giả Việt Nam dịch sang Việt ngữ. Theo chỗ chúng tôi được biết, mới chỉ có Vũ Thế Ngọc dịch và in trong sách của ông nhan đề là *Vương Duy Chân Diện Mục*, East West Institute Press, Sunnyvale, California, 1987.

(3) Trong cả hai phần phiên âm chữ Hán và phần dịch Việt ngữ ông Vũ Thế Ngọc đã thay từ "Tân đi" bằng "Tân hi" tuy phần chữ Hán lại viết là "đi." Sđd, tr. 165.

MAI KIM NGỌC.

trong phòng hồi sinh

1.

"Cảm ơn anh đã tới thăm bác. Cảm ơn anh đủ mọi thứ. Bác nằm nhà thương chẳng có ai tâm sự, nhiều khi buồn lắm...

"Anh cũng ở Huế lâu nhỉ. Thời anh đến chơi với em Dũng, anh đang học đệ tứ phải không. Mau quá, bây giờ các anh các chị ai cũng có dâu có rể rồi. Còn bác thì già, già quá...

"Sáng mai, mấy giờ bác mổ anh có biết không... Tám giờ phải không... chắc bảy giờ y tá sẽ đánh thức bác rồi... Lúc nãy cái cô y tá Kelly tới sửa soạn cho bác. Vừa cạo cho bác, cô ấy khen bác lông ngực còn rậm hơn cả Mỹ chính cống... Phải dùng đến hai con dao cạo Bic mới cạo xong... Bao nhiêu đàn bà đã chết mê chết mệt bộ lông này, thật là uổng...

"Chuyện gì bác cũng nói với anh được... Giao tình hai bác cháu mình thật là lạ, anh nhỉ. Bác biết có nhiều cái anh khác bác, nhưng anh vẫn quý bác. Lạ nữa là anh lấy cái Trang, lẽ ra phải gọi bác bằng Ba...

"Bác nghĩ hai bác cháu mình không 'ba ba con con' với nhau, không phải tại quen xưng hô bác cháu với nhau từ trước, từ hồi anh còn học thành chung. Bác nghĩ hai chữ 'ba con' nó làm hỏng cái giao tình giữa bác cháu mình đi...

"Bác cháu thì chuyện gì cũng nói được với nhau, kể cả chuyện đàn ông với đàn ông... Bố con có cái kẹt của bố con, để gì cởi mở... Như cái Trang chẳng hạn... Bao giờ nó cũng cư xử như thể là ngoài bổn phận làm cha, bác không có một đời sống nào khác... Lúc nào cũng oán với trách ngầm. Một năm nó nói với bác không hơn một ngàn chữ, chưa được một trang truyện ngắn của anh.

"Anh ngồi xuống đi...

"Bác không sợ chết đâu, thọ như bác còn thọ hơn cả cái thọ *cổ lai hy* người ta vẫn nói. Anh biết đấy, khi anh đưa bác đi bác sĩ Hùng, bác đã tính không mổ. Nhưng mà các anh nhất định khuyên bác mổ. Bạn bác ở hội người già cũng vậy... Cũng như anh, họ bảo, già thì già cơ thể còn

tốt, tim mạch như người 50, cái bướu ung thư còn mới, cắt đi có thể khỏi luôn. Mà mổ xong, vẫn còn đủ phổi để sống một đời thong dong. Tất nhiên sẽ phải bỏ đánh tennis được, nhưng những chuyện khác vẫn còn làm được cả... "Anh cười bác hả. Bác biết anh cười chuyện gì. Anh cười chữ *khác* phải không. Anh giống con Trang, lúc nào cũng ngầm trách bác chơi bời. Trời cho bác sức khỏe, trời cho bác nhiều sinh khí hơn người, không muốn chơi cũng phải chơi...

"Mà bác chơi bời cũng chỉ vì thương vợ, anh ạ. Anh coi bác gái đấy, từ xưa đến nay, lúc nào chẳng mình hạc xương mai... Thành thử đẻ xong con Trang là bác phải kiêng... Thủa ấy nào có thuốc men gì, kiêng là kiêng theo con trăng, cả tháng chỉ còn bốn ngày trước, bốn ngày sau, là an toàn... Đời sống vợ chồng tình nguyện rút lại còn một phần tư... Nhưng thương vợ thì phải vậy...

"'*Qui veux aller loin, ménage sa monture*,' Tây nó đã có câu ngạn ngữ. Anh đi Mỹ lâu chắc quên tiếng Pháp rồi hả. Đại ý là muốn đi xa thì phải dưỡng ngựa. Vợ chồng đường dài trăm năm. Lúc nào cũng cỡi, cũng phi nước đại, ngựa nào chịu nổi...

"À, bác quên, anh tiếng Pháp cũng còn rành lắm... Bác nhớ hôm bác nói câu châm ngôn chí lý ấy trước mặt bác gái, anh đã hiểu nên mới bảo khẽ bác là coi chừng sợ bác gái buồn...

"Con Trang thì nó cho là anh tế nhị... Nhưng mà bác nghĩ tế nhị không phải bao giờ cũng đáng khen... Bác nói thật nhé, cái tế nhị của anh nhiều khi làm đời sống mất sinh khí đi... Chuyện đường xa dưỡng ngựa hôm ấy, bác gái đâu có giận bác, còn thích nữa. Anh không nhớ là hôm ấy trên bàn tiệc có người tối dạ không bắt được ý bác, bác phải trỏ ngay vợ dõng dạc giới thiệu '*Voici ma monture*', bà đã không phản đối lại còn tủm tỉm cười.

"Anh cho là bác gái cười ngượng, khổ sở mà cười? Anh này có dâu có rể rồi mà chưa hiểu đàn bà... Đàn bà thích được đè, thích được cỡi, anh biết không. Chính họ bảo bác vậy...

"Anh lại đỏ mặt rồi...

"Anh chun mũi giống con vợ anh quá. Tao biết hai vợ chồng bay trong bụng cho tao là ông già mắc dịch...

"Nhưng anh muốn nói chuyện khác hả?

"Ừ thì nói. Chuyện văn học nhé. À, bác có đọc kỹ bài anh viết về Huế. Bác phê bình thẳng tay nhé... Anh viết như người viết từ ngoài viết vào, như không phải dân Huế mà viết về Huế... Ai đời viết về sông Hương mà không viết về con đò Huế...

"Khổ quá, anh đừng cãi bác, bác già nhưng bác chưa lẫn... Đúng, anh có viết về con đò, nhưng viết còn sáo lắm... chưa viết thẳng vào cốt lõi của con đò... Anh không dám viết về chuyện ngủ đò... Hỏng hết...

"Chuyện con đò sông Hương nó như con cá riếc đuới ao đánh lên còn dẫy đành dạch, miệng còn ngáp ngáp, vẩy còn sáng như bạc, vây còn cụp còn xòe linh động như cánh én... Thay vì cứ đưa tươi cho bác ăn gỏi, anh sửa soạn thành một con cá chết nhồi trấu, mất lờ đờ, mình cứng ngắc, thậm chí cũng không còn mùi cá nữa, một con cá để bỏ lồng kính bầy xa-lông...

"Anh bảo anh không có chất liệu hả. Chưa xuống đò bao giờ hả... Thế hồi ấy anh còn trinh hả... Tội nghiệp con Trang, thế là cái đêm tân hôn của con gái rượu của bác đã chẳng ra gì rồi... Cả cô dâu chú rể đều ngốc nga ngốc nghếch thì còn làm ăn gì nữa...

"Trở lại chuyện văn học.

"Anh không có chất liệu thì bác cho anh chất liệu. Anh không biết thì bác kể cho anh nghe. Bác sẽ kể cho anh lần đầu tiên bác xuống đò. Lần đầu tiên thôi nhé... Hà hà, cái mà mấy ông nội thi sĩ hay tán dóc gọi là thủa ban đầu ấy...

"Anh phải tưởng tượng là Huế ngày xưa, hồi anh chưa đẻ, Huế của thời bác, Huế của *Les Amis du Vieux Huế*. Hồi ấy bác đang học tú tài triết ở Khải Định, mới *fiancé* với bác gái... Bác gái là tiểu thư con quan, hoa khôi kinh đô, kín cổng cao tường, phép nhà nghiêm lắm... Nhưng lễ đính hôn rồi, sự kiểm soát bên ông bà ngoại con Trang cũng nới một chút. Chỉ có đi xi-nê thì bao giờ cũng có người kèm, còn đến nhà chơi thì kể như bỏ mặc. Khi có khách người lớn đến, lấy cớ nhường phòng khách cho các cụ, bà ngoại con Trang cho phép con gái tiếp chồng chưa cưới trong phòng riêng trên gác. Tất nhiên là cửa để hé mở, nhưng cũng khá tự do, vì cái cầu thang có mấy bậc gỗ cọt kẹt, và cả nhà không ai đường đột vào phòng ai...

"Nhưng tự do thì cũng có giới hạn... Những lần thăm nhau như vậy, bác ra về thật là trăm đường cơ cực. Chẳng thà không tự do hẳn, nhưng cái tự do nửa vời chỉ làm cho người ta khốn khổ thôi. Chuyện đời chẳng thà bất nhịn đói hẳn. Như vậy còn tử tế hơn là cho chấm mút, vừa biết mùi lại bắt người ta chết thèm...

"Anh lại đỏ mặt rồi... Anh với con Trang thật là xứng đôi, lúc nào cũng nhăn mặt nhăn mày khi bác nói chuyện đời... Nhưng mà hai đứa bay đâu có hiền, đẻ mấy đứa con rồi nhỉ, sáu hay bảy... có khi lại còn hai năm ba đứa phải không... Đồ đạo đức giả...

"Bác mắng yêu, đừng để bụng nhé. Để bác vào chuyện...

Một hôm thăm vị hôn thê về, no không ra no đói không ra đói, bác quyết định đi ngủ đò. Anh phải biết cảnh bác bấy giờ, quyết định ấy không dễ dàng gì...

"Nhờ mấy thằng bạn khốn sớm, bác đã biết những con đò sông Hương là những phòng ngủ nổi lưu động, và trong mỗi phòng ngủ ấy là một người đàn bà sẵn sàng bán những cái đàn ông muốn mua. Khi nghe chuyện tụi bạn, bác tưởng tượng ra khoang đò là những khoảng không gian bí mật chứa đựng tất cả huyền bí mê ly của trái cấm tổ tông...

"Bác nằm mơ thấy nội cảnh những con đò ấy nhiều lần, những cảnh chăn êm nệm ấm, âm nhạc êm dịu, những người đàn bà đẹp như ma liêu trai mà khi tỉnh dậy bác không nhớ được dung nhan, chỉ nhớ thân mình tay chân thon như cành dương liễu vỏ trắng ngần ngộn, và nhớ cái cảm giác khó tả khi xấu hổ lẫn lộn với cái kiêu hãnh của nam tính...

"Thỉnh thoảng bác nằm mơ thấy bác gái trong đò, và cùng với bác gái, bác đi nốt con đường hoan lạc ban ngày đã bỏ dở dang... Những lần như vậy, thức giấc, bác thấy mình có lỗi với vị hôn thê. Và để đền bù cho bác gái, bác cố gắng để dành cái trinh tiết đàn ông của bác cho vợ...

"Nhưng tối hôm ấy, ở nhà ông ngoại con Trang ra, bác nhất định xuống đò. Có lẽ tại đêm đó là đêm rằm. Anh làm khoa học, có thể anh biết tại sao.

"Nghiệm lắm anh ạ, là cứ mỗi khi trăng tròn là bác mất ngủ, ngay cả bây giờ tuổi này thỉnh thoảng cũng vậy. Dù có nằm trong nhà, mắt không thấy trăng, bác vẫn nghe như có cái gì nó gọi mình ngoài trời... Tựa hồ như bác có khả năng bắt được những băng tần yêu ma của trăng để trăn trở thao thức với những đam mê u uẩn không còn hình tướng từ đời kiếp nào... Nhưng mà nói cho văn chương thế thôi, bác không muốn

anh hiểu lắm bác có ý siêu hình hay huyền bí với anh... Thật ra cái u uẩn lớn nhất là cái thèm dâm mà không dâm được...

"Anh bảo trăng có sức hút của trăng à... Chắc anh đúng... Tại vì bác đọc ở đâu rằng người ta nguyên thủy là cá... Có lẽ khi trăng tròn, máu huyết trong tim mạch bỗng nhớ gốc nguồn xa xưa là nước biển, và bắt chước nước biển, nổi cái dâm lên ào ạt như sóng thủy triều... À, chắc trời cho bác máu huyết nhạy cảm với trăng hơn mấy thằng đàn ông gà chết...

"Nhưng mà để nói nốt chuyện ngủ đò...

"Ngang bến đò Thừa Phủ, khóm liễu cuối vườn hoa như bất mất bác. Như đã nói với anh, mỗi lần thấy thân cây liễu thon dài vỏ trắng ngồn ngộn dưới trăng là bác nghĩ đến đàn bà cởi truồng... Nhưng lần này bác không nghĩ đến đàn bà chung chung, mà nghĩ đến bác gái, không hẳn hoàn toàn khỏa thân, mà khỏa bán thân, như trong cái giới hạn vị hôn phu với vị hôn thê thời ấy ngấm ngầm được phép...

"Bác tới thẳng mấy con đò đang đậu dưới lùm xi cổ thụ. Bác hú họa gọi cửa con đò đậu ngoài nhất. Bác gọi đến lần thứ hai, bên trong lục cục tiếng chăn chiếu xê dịch, và sau cùng tiếng người đàn bà còn ngái ngủ mời bác lên đò...

"Phải thú nhận là mới bước vào khoang bác đã vỡ mộng. Bác chỉ thấy nghèo túng và bệ rạc. Cái hoa của tội lỗi không kỳ ảo như bác chờ đợi, và nội cảnh con đò lôi thôi lam lũ như khúc ruột già nhơ nhớp của kinh thành. Từ mùi ẩm hôi của chăn chiếu đến quần áo nhầu nhĩnh dơ bẩn của người đàn bà, tất cả làm bác đội.

"Bác muốn trở lên bờ, hối hận đã thuê đò đêm thay vì thuê giờ. Nhưng người đàn bà đã chèo đò ra giữa sông.

"Cô chèo ngược lên phía cầu Bạch Hổ. Được một khoảng khá xa, cô neo thuyền lại rồi chui vào khoang với bác.

"Như cố gắng tạo không khí, cô hát cho bác nghe. Cô hát bài "Nước Non Ngàn Dặm". Cô không có giọng, tiếng ca mờ côi vất vả, khốn khổ tìm nương tựa nơi một tiếng tì bà hay một nhịp phách mà không thấy. Cái bệ rạc của cô như mỉa mai nội dung cao sang của bài hát, và thật là khôi hài và phạm thượng khi cô ví mình với công chúa Trần Huyền Trân, hoàng hậu Chiêm quốc...

"Bác ngồi yên nghe hát, vẫn không thấy hay, nhưng thấy trong cố

gắng của cô cái sòng phẳng tội nghiệp để giao cho bác món hàng xứng đáng với món tiền bác đã trả... Bác nghĩ đến bà hàng xóm nhà trọ, một bà nội trợ thích hò, hò mà không có mảy may tài nghệ. Bác nếu lấy giọng hò trật nhịp của cô gái sông Hương như một chút gì tầm thường, do đó bình thường, để hiền lương hóa đôi chút cái khung cảnh ô uế.

"Cái gớm bớt dần, bác nghe căng thẳng dịu đi và bắt đầu thấy thương hại. Bác thư giãn làm cô thư giãn. Và khi bác thú nhận là lần đầu bác xuống đò, cô hoàn toàn sung sướng, tựa hồ cái bất động của bác chỉ tại nhút nhát mà ra. Tự tín hơn, cô hăng hái giúp bác như cô giáo vỡ lòng học trò. Nhờ cô rành nghề lại ân cần tận tâm, món hàng sau cùng được tiêu thụ.

"Lát sau, nằm sóng đôi bên cô, bác nhìn ra sông. Trăng đã lên cao nhưng lờ mờ như một quả cầu đỏ trong sương. Bốn bề im vắng, và bác ngạc nhiên nghe thoải mái thấm nhuần cơ thể. Bác nghĩ chuyện đàn ông đàn bà, nếu gặp hoàn cảnh lãng mạn, hay đoan trang, hay ý hợp tâm đầu, chắc phải đã lắm, chắc tuyệt vời... Nhưng mà trần trụi ra, không lãng mạn, không yêu ương, không tâm đắc như bác với cô gái ăn sương, thì thật ra cũng không thể gọi là đau đớn hay khổ sở gì... Không ít thì nhiều, có thể gọi là sướng... Khẳng định là như vậy...

"Cô chống khủyu tay, nghiêng đầu nhìn bác. Cô bảo anh, 'Anh nghĩ gì? Đàn ông mới mất trinh thật là tức cười. Coi anh nằm thẫn thờ, yêu lắm... Em nói thật đấy...' Rồi bất thần, cô ngả người qua, hôn bác lên miệng. Hơi thở hôi hám của cô phả xuống mặt bác, và dưới ánh sáng của ngọn đèn hột vịt trong góc khoang, bác thấy hàm răng ố vàng cáu bựa của cô. Bây giờ thì bác thấy nhầy nhụa.

"Cái ghê tởm lúc nãy bác đã dần xuống, nay lại trỗi dậy. Bác bỗng cảm thấy bị bao phủ bởi mùi mồ hôi người, mùi xú uế, bài tiết bởi tất cả những khách chơi đã xử dụng con đò, đã xử dụng chăn chiếu, đã xử dụng thân xác người ca kỹ từ trước đến giờ. Cái gối vải ẩm và rìn rịn dưới má bốc lên mùi tanh của nước rãi khô tích lũy từ đời nào. Ruột gan bác nôn nao như người ăn trúng độc. Bác nghĩ đến cái hôn của cô đến cái lưỡi trơn tuồn tuột như con cá khoai luộc chưa chín, và nước chua từ thực quản bác ứa ra nhờn nhợn đầy miệng. Bác nhổm dậy chạy ra mạn thuyền mửa thốc mửa tháo.

"Bụng bác gò lại như muốn vặn hết phủ tạng ra ngoài, và bác nghe trong đêm lạnh tiếng bác mửa lõm bõm xuống nước, âm thanh thô tục như bản năng hèn mọn của con người. Bác nghe mạch máu đập nơi hai màng tang thật mạnh nhưng thật chậm, càng ngày càng chậm hơn như sắp sửa ngừng. Tay chân rã rời, bác nằm vật xuống. Giá buốt xâm chiếm lấy bác, cái lạnh từ ruột gan lạnh ra, tựa hồ như từng mẩu nước đá vụn theo tim mạch luân lưu đi khắp thân thể.

"Bác như thoát xác thấy chính mình nằm bất động trên ván thuyền, thấy sương đã phủ gần hết mặt sông, thấy đám ghe đánh cá bên kia bờ đã bị phủ kín chỉ còn le lói dăm ba ánh đèn... Bác nghĩ bác sắp chết, và cái chết cũng êm ả và không có gì đáng sợ.

"Một con vạc bay đâu đó trong bầu trời sương đục cất tiếng kêu thất thanh lạc lõng... Tiếng kêu như thức tỉnh bác, và bác ghi nhận bác đang chết một cái chết âm thầm nhục nhã. Bác vùng lên, tuổi xanh của bác phản kháng một cách mãnh liệt và tuyệt vọng cái lạnh cái chết vừa xâm chiếm cả xác lẫn hồn bác...

"Bỗng ai đâm kim vào đầu xương cụt nơi bàn tọa bác, cái đau sắc và nhói đánh thức bác dậy. Rồi hai bàn tay đàn bà bắt đầu xoa bóp ngực bác... Bác nghe mùi khuynh diệp, và hai bàn tay lại xoa bóp lưng bác, bụng bác, tay chân bác. Xoa đến đâu bác thấy ấm đến đấy, và bác nghe khoan khoái tựa hồ sự sống theo cái ấm trở lại cơ thể bác. Nửa tỉnh nửa mê, bác tưởng tượng khuôn mặt dài các của bác gái đang lo lắng nhìn bác, và bác nhắm mắt lại tin tưởng là mình sẽ sống lại. Cơn đau đầu như chẻ đôi sọ bác, nhưng bác sung sướng đón nhận nó, tựa hồ cái đau đuổi cái lạnh cái chết đi...

"Rồi bác tỉnh thật. Bác nghe lạo xạo dưới lưng những hạt cát trên chiếc chiếu cũ mà bác đoán chân dất chân giầy đủ kiểu của khách chơi trước bác đã tha vào. Bác biết bác đang nằm trong khoang thuyền, và chắc người đàn bà đã kéo bác vào trong.

"Bác lại thấy mùi hôi hám của chăn chiếu. Mùi tanh tanh từ chiếc gối lại đưa lên mũi bác, nhưng thay vì ghê tởm, bác hít mạnh một hơi dài, hành động cấp bách thúc như bản năng. Bác nghe ngọt ngào tràn ngập hai buồng phổi. Mùi hôi hám không còn hôi hám nữa, mà là biểu hiện của sự sống, của sinh khí, và bác đón nhận nó với cái vui mừng của

người từ cõi chết giá lạnh trở về.

"Bác mở mắt để thấy cô gái làng chơi đang đánh gió cho bác bằng đồng xu bảo hộ. Anh có biết đồng xu ấy không nhỉ, nó cỡ đồng đô la Mỹ bây giờ, nhưng đúc bằng đồng đỏ. Chắc cô đã vất vả lắm khi đánh gió, chiếc áo cánh của cô ướt dầm dán vào bộ ngực lép, và trán cô nhễ nhại mồ hôi. Bác với tay cởi khuy áo cổ cô. Bác ngắm hai chiếc vú đã bắt đầu hơi héo như hai chiếc gương sen cuối hạ, và bác thấy đẹp.

Như không để ý đến bác, cô nói, 'Em trai tỉnh lại rồi.'

Bác hỏi cô về cái sẹo bên vú phải khoảng chín giờ, tròn như ông sao tám cạnh... Vẫn tiếp tục đánh gió, cô bảo, '*Thằng Lê dương nó lấy thuốc lá đốt chị...*' Giọng cô bình thản như kể lại một vết đứt tay nhỏ đã lâu vì làm bếp, và tâm trí cô như chuyên chú vào sức khỏe của bác.

"Dưới ánh đèn hột vịt đã vặn cao bấc cho thêm sáng, cô điếm có cái gì khang khác, không hẳn chỉ vì cách xưng hô đã đảo lộn, trước em nay chị... Cô cười, răng cô bây giờ khô và môi cô se lại như môi cô thợ gặt một trưa nắng tháng bảy... Môi ấy răng ấy không còn ghê tởm như mấy giờ trước, mà làm bác nghĩ đến cơn khát dễ chịu một trưa hè đi coi lúa cho ông nội trên mấy cánh ruộng chín sớm.

"Rồi cô bỗng hoàn toàn thay đổi. Không phải là ánh đèn hột vịt nữa, mà một nguồn sáng từ nội tâm soi sáng khuôn mặt cô, phát hiện ra cái đẹp bấy lâu dấu giếm, từ nơi cái tóc, cái tai, cái mắt, cái mũi, từ nếp da hai bên má, từ đôi mày... Cô giống hệt, không phải vị hôn phu của bác, mà bà chị họ hay săn sóc cho bác mỗi khi bác về chơi quê ngoại. Hai chị em chơi với nhau từ thủa con nít, lớn lên vẫn thân nhau, đến nỗi bác mẹ hai bên có lần lo ngại...

"Tại sao anh nhìn bác trân trân... Anh đừng nghĩ bậy, bác không phải là đứa loạn luân... Mặc dầu khung cảnh nhà quê hồn nhiên, mặc dầu hai đứa không lạ gì cảnh gà lợn cặp đôi nhan nhản trong nông trại của bà ngoại, những lần đi tắm suối với chị, bác không bao giờ có ý nghĩ bất chính trong đầu... Những lần ấy, bác chỉ thấy chị đẹp và định bụng lớn lên bác sẽ lấy một người con gái giống hệt chị...

"Trở lại cô điếm. Cô nói, '*Em trai phải nghe chị, từ giờ đừng có đi chơi đĩ nữa.*' Bác khó chịu với chữ đĩ cô dùng để tự chỉ mình. Nhưng mệt mỏi, bác nhắm mắt ngủ lại. Khi cô kéo chăn lên cằm bác, bác nghe lại cái mùi người ta tích lũy từ vải chăn, lẫn với cái ấm của đầu nóng ở lưng, ở ngực, ở bụng dưới, để thành một cái gì rất dễ chịu, có thể gọi là

hạnh phúc...

"Tảng sáng, bác mở mắt thấy cô vẫn ngồi canh bác. Thấy bác thức cô ra bếp còn cuối ghe hâm lại bình thủy cháo gà chắc mua sẵn từ đầu tối... Bác nghĩ có lẽ cái lệ của cô là đãi khách bát cháo gà... Bác ăn hết một bát, cô đổ nốt bát còn lại ra cho bác. '*Em ăn cho mau lại sức, chị không đói...*' cô bảo bác. Bác ăn xong mồ hôi vã ra, cô lấy khăn lau bác khô rồi lại lấy dầu ra đánh...

"Bác thức dậy thì thuyền đã cập bến, và cô gái đã bỏ đi không biết tự bao giờ. Bác mặc quần áo rồi chui ra khỏi đò, thấy mình ở bến Đông Ba chớ không phải bến Thừa Phủ. Bác tiếc là không được tạ từ cô như ý bác.

"Đi dọc bờ sông về phía chợ, bác thấy thành phố buổi sáng rất tươi mát, và đời sống rất đẹp. Bác thấy lòng thanh thản trong sáng hơn là lúc trước khi xuống đò. Và kỳ khôi hơn nữa, bác thấy trong sáng thanh thản hơn hẳn lúc vừa ở nhà vị hôn thê ra...

"Bác nghĩ nhờ cô gái sông Hương, bác học được bao nhiêu chuyện mới, từ cái sảng khoái thú vật mà êm ả sau khi làm tình, cái lạnh thê lương se thắt gan ruột của kẻ vừa mới chết, cái ngọt ngào bất ngờ của mồ hôi người khi bác từ cõi âm trở về... Bác không ngờ cái mặt người ta dù là mặt đĩ có thể có lúc thanh thoát cao sang như mặt thiên thần...

"Tức cười là bác lại thấy cô đĩ giống bà đầm giáo sư Pháp văn của bác. Không phải giống về dung nhan hình hài, vì bà đầm không những rất sang mà còn rất trẻ, rất đẹp... Nhưng giống là vì bà hay dạy bác về cái đẹp của đời sống qua những bài giảng văn... Chỉ có điều là bà bị trói buộc trong lý thuyết của văn phạm ngữ vựng. Có lẽ ngôn ngữ bà khuôn thước quá, khoa bảng quá, nên khi bà nói với học trò về cái quý hóa của đời sống, thì chính đời sống thật đã héo hon mà chết đi trong bài giảng của bà... Không, bà không thể dạy cho bác rằng khi người ta từ cái lạnh lẽo của sự chết trở về, thì sự sống trong thể hiện lam lũ nhất cũng đẹp như mơ như mộng, và mùi hôi người ủ trong chiếc chăn cũ của cô điếm có thể ngọt như nước cam lồ...

"Anh bảo bác văn chương hả... Tất nhiên rồi, bác không phải bao giờ cũng thô bạo, và bác có thể có những cảm nghĩ tốt lành về đàn bà... Bác có thể tán dương dàn bà bằng những lời văn vẻ trong sáng như tiểu

thuyết cải lương của anh...

"Không phải vậy sao?

"À, té ra anh trách bác... Té ra anh không muốn viết chuyện của bác thành truyện... Anh nói vòng vo, như bác vẫn hiểu anh cho là cái nhìn của bác chà đạp lên nhân phẩm đàn bà... Anh cho là bác sai, coi điếm như bà, và coi đàn bà tử tế như điếm... Nhưng đàn bà tử tế nào... Anh muốn nói bác gái hay bà giáo Pháp văn...

"Anh này sắc miệng như con Trang... Kể cũng tức cười, chỉ có hai vợ chồng anh là dám hỗn với bác... Nhưng mà dù sao đó cũng là những cảm nghĩ thật của bác lúc ấy...

"Ngang qua chợ Đông ba, mùi đồ ăn từ tiệm cà-phê Phấn tỏa ra làm bác thấy đói. Chén cháo gà cô điếm đãi lúc gần sáng đã tiêu hóa tự bao giờ. Bác bước vào tiệm, gọi ly cà phê sữa và ổ mì thịt, nhưng khi móc túi thì chiếc ví đã mất. Bác vội vã trở lại bến, nhưng chiếc thuyền không còn đó nữa. Nhớ lại đêm qua, có lúc lơ mơ tỉnh lại, bác thấy cô lúi húi với đống quần áo bác vứt bừa bãi trong khoang.

"Bác nghĩ đến chữ "đĩ" cô đã dùng để tự chỉ cô, và bác nghĩ đến chuyện trình cẩm. Nhưng bác lại đổi ý. Vẫn còn lãng mạn, bác nghĩ cô là hiện thân của đời sống. Bác tự hứa là sẽ không trình cẩm cô, ai nỡ đem đời sống đi nạp cho bót cảnh sát...

"Nhưng rồi bác cũng phải đi trình cẩm, vì tất cả giấy tờ tiền bạc của bác trong ví. Một tuần sau, cẩm tới nhà trọ gọi bác lên sở nhận diện thủ phạm. Bác không có nhà, họ để lại trát đòi. Bác tính sẽ lên bót nhận lại ví, cho cô ít tiền, rồi xin cẩm tha cô.

"Nhưng hôm sau đảo chính Nhật, và mãi tuần sau bác mới lên sở cẩm ược. Chánh cẩm người Pháp đã bị bỏ tù cùng với một số nhân viên thân tín khác. Sở đang tổ chức lại dưới chính thể Trần Trọng Kim, mọi người bận rộn với trật tự mới, quốc ca mới, quốc kỳ mới, không ai nhớ cô điếm ăn cắp bị bắt đã được thả chưa, hay đã bị giao cho hiến binh Nhật để xung vào nhà thổ quân đội Nhật. Sổ sách đã bị đốt và không ai biết cô hiện ở đâu mà tìm...

"Anh phải đi làm bây giờ hả... Thôi anh đi đi, chiều có rảnh vào chơi với bác...

2.

"Anh Tùng à, trở lại cái vụ mổ của bác, anh nghĩ có nguy hiểm lắm không... Sống chứ anh nhỉ... Anh cứ nói thật, anh biết đấy, bác không sợ chết đâu... Đến hôm suýt chết dưới đò bác cũng không sợ nữa là... Chỉ lạnh thôi, đúng là cái lạnh cõi âm...

"Còn bây giờ sống cũng lạnh nữa... Anh coi, chăn đệm này, Mỹ nó giặt trắng ngần, sạch trong sạch bóng... Ngửi chỉ thấy mùi xà-phòng...

"Anh Tùng à, cho bác ly rượu vang.

"Ở đâu bàn ấy... Bác nằn nì lắm họ mới cho đấy... Ông bác sĩ phải ra lệnh cho y-tá, với lý do là một chút rượu vang tối nay có lợi chứ không có hại... Anh Tùng có thích rượu vang không nhỉ? Bác thích lắm, hồi bác đi công cán bên Pháp... Trên đời sướng nhất là một chai rượu vang ngon và một mâm phó-mát đủ loại...

"À, anh Tùng, chăn nệm bệnh viện này, bao nhiêu người đã dùng trước bác nhỉ, sống có, chết có, nội thương có, ngoại thương có, mà sản khoa cũng có... Vậy mà không một vết máu của nạn nhân bị đụng xe hơi, không một vết nước đầu đối của bà mẹ sắp sanh, không cả một vết nước tiểu của ông già bán thân bất toại... Tất cả thơm tho trắng ngần...

"Bác hiểu anh nói gì... Tất nhiên là phải khử trùng cho vệ sinh, cho khỏi truyền nhiễm bệnh người này sang người khác... Nhưng mà tẩy trùng kỹ quá, giặt sạch quá, không còn vết tích gì của bao nhiêu đời sống đã qua đây, đã xử dụng chăn nệm này trước bác...

"Bác có linh tính bác sắp chết. Anh đừng sợ bác nói gở, bác cháu mình, chuyện gì chả nói được... Bác không nói gở đâu...

"Có nhiều điều lắm... Thứ nhất, suốt năm nay, bác lần lượt gặp lại hầu hết những người đàn bà đã ăn nằm với bác... Ngót nghét cả trăm... Mỗi người một nghề, mỗi người một cảnh, và mỗi người gặp lại đều đem lại cho bác thất vọng... Nói chung không ai khốn khổ, và có nhiều người còn có thể gọi là thành công... Nhưng nhìn lại khuôn mặt cố nhân, bác thấy chút gì ngày xưa bác quen biết và say mê, nơi khóe mắt hay nụ cười hay dáng điệu, đã bị pha loãng bởi những kinh nghiệm sống riêng của họ mà bác không dự phần từ khi chia tay. Pha loãng đến chỗ không còn nhận ra được nữa... Vậy mà họ lại rất dễ nhận, vì khi già đi, họ mất cái đặc thù bác thấy nơi họ hồi trẻ, để rốt cuộc họ giống nhau như chị em ruột...

"Thật ra là không hẳn là bác thất vọng với họ, mà thất vọng với đời sống... Anh không hiểu? Sự việc là, mỗi một người đàn bà cho đến khi gặp lại, tiêu biểu cho một ngả khác của cuộc đời bác đã có thể đi. Với mỗi người, bác đã có thể sống với họ lâu hơn, để đến những thú vui khác, những khám phá khác về sự sống... Người đi du lịch, tất nhiên không phải thấy ngã ba đường nào cũng rẽ vào xem, nhưng khi về nhà vẫn thú vị là thế giới còn hứa hẹn nhiều cái mình chưa xem và có thể xem thêm... Thành thử khi biết đường nào cũng dẫn về thành La Mã thì thất vọng. Cái khốn khổ của bác khi gặp lại cố nhân nó là như vậy... Một bà già là một bà già, anh ạ... Cuối đời, về già với bà già nào đi nữa thì cũng vậy thôi... Mấy ai còn tìm được nét đặc thù cũ nơi bà già của mình...

"Bác thấy điểm này giống cái mà Mỹ nó gọi là *flashback*, cái hiện tượng trước khi chết người ta thấy lại rất nhanh, gói ghém trong vài giây tất cả cuộc đời của mình... Cái *flashback* của bác chậm, kéo dài cả năm nay, toàn chuyện đàn bà, nhưng vẫn là *flashback*... Mà đã thấy *flashback* là sắp chết phải không?

"Điềm thứ hai ấy à? Bác không quên đâu, chỉ ngại anh không muốn nghe chuyện bác nữa thôi... Điềm thứ hai là như thế này... Bệnh bác tuy nan y nhưng biết sớm nên có thể khỏi dứt được, vậy mà bác không tha thiết, không nghe trong bác cái ý chí chiến đấu mãnh liệt với thần chết như hôm bác bị thượng mã phong trên đò...

"Một phần có lẽ tại cái gì cũng sạch quá... Anh cũng viết văn, bác nghĩ anh hiểu bác muốn nói gì...

"Anh ạ, bất thần người ta đối xử với bác rất sạch... Lúc anh chưa vào, bác béo đít cô y tá, cái cô Kelly tóc vàng mắt xanh ấy...

"Anh làm gì mà hốt hoảng như vậy, béo đít cô y tá một tí đã có làm sao, có ai chết đâu. Bác không có béo đau, chỉ béo vừa đủ để tạo vấn đề... Vả lại cái đoạn quan trọng đáng bận tâm, đáng hốt hoảng, bác chưa kể đến mà anh đã hốt hoảng...

"Cái quan trọng là bác đợi cô ấy la lối hay tát tai bác... Vậy mà không, cô ta chỉ nghiêm mặt bảo chuyện bác làm trái nội quy bệnh viện, là không nên... Cô ta xử lý hành động của bác như một sự việc vô hồn của công việc hàng ngày của cô, chỉnh bác một cách vô hồn như điều

chỉnh cái máy sang nước biển đang bơm thuốc vào cơ thể bác...

"Người thân cũng không hơn gì... Bác gái vừa ra về, cũng chỉ tìm cách trấn an bác là cuộc mổ sẽ thành công... Không một tiếng trách tiếng than về những lỗi lầm cũ của bác, chuyện cờ bạc, chuyện mèo mỡ, chuyện lem nhem với con ở, bao nhiêu chuyện có thật hay vì ghen mà tưởng tượng ra, những chuyện chỉ mấy năm trước thôi bà ấy còn cằn nhằn bác...

"Tất nhiên những chuyện gọi là tốt của bác, bác gái đã không nhắc lại từ lâu. Nhưng từ khi bác đau, những chuyện xấu, bà ấy cũng không nói tới... Bác gái làm như quãng đời mấy chục năm ăn ở với nhau cũng sạch sẽ như tấm vải trắng trải giường này... Kể như là chẳng có gì...

"Con Trang vợ anh cũng vậy, nó làm như cuộc mổ ngày mai nhẹ như con nít bẻ chiếc răng sữa... Bác bao giờ cũng là người cha gương mẫu... Và nó chưa bao giờ khổ sở hay mất mặt vì bố... Không một lời trách anh ạ... Cái hiếu thảo của nó cũng nhạt nhẽo như chăn nệm nhà thương.

"Tùng ơi, anh đã hiểu bác rồi chứ gì. Đấy, vấn đề là cái gì cũng sạch quá, sạch đến chỗ tẩy luôn cái thần ra khỏi sự sống...

"Bác thích nói chuyện với anh lắm... Có thể anh không đồng ý với bác, nhưng anh bao giờ cũng chịu khó nghe bác... Chuyến này đi xa, bác chỉ nhớ anh...

"Anh ngồi yên cho bác nói cho hết nào... Bác thương anh như bạn thương bạn... Hồi anh mới hứa hôn với con Trang, bác đã lo cho anh, cho hai đứa không phải khốn khổ như bác, như bác gái hồi ấy... Nhiều lần bác bắt cả nhà đi xi-nê để anh chị được tự do. Hồi dám cưới anh, cặp sâm Nhị-hồng cho con Trang mang lên Đà Lạt, bác phải lùng mua khắp Sài Gòn mới kiếm được... Anh tây học không tin, nhưng tuần trăng mật không có sâm thì còn gì là tuần trăng mật...

"Anh lại đỏ mặt rồi... Thật ra đỏ mặt cũng tốt... Phải có máu đỏ chảy trong tim mạch mới đỏ mặt được... Thằng Robot bằng nhom bằng sắt mỗi ngày hai mươi tư tiếng cầm đèn xì hàn khung xe cho hãng Toyota làm gì biết đỏ mặt...

"Sự đời thường tre già thì măng mọc, nghĩ cho cùng thì thế hệ bác thế là hết rồi. Sống lấn sang thế hệ anh nhiều khi nghĩ cũng chán... Đàn ông thì nhu mì như đàn bà, còn đàn bà thì lạnh như nước đá...

"Anh muốn về cho bác nghỉ hả... Hay là anh giận bác... Hay nghe

chuyện ông già mắc dịch đã no tai rồi...

"Ừ, mà cũng trễ rồi, anh về đi, về nghỉ đi. Bác cũng gắng ngủ một chút để sáng mai mổ... Nói chuyện với anh, bác hả lắm...

3.

"Anh Tùng, anh đã đến rồi à. Thế là cuộc mổ thành công... Chắc còn hơi thuốc mê, chưa thấy đau đớn gì.

"Họ vừa mới gỡ ống thở ra, anh vào sớm hơn một chút chắc bác không nói chuyện được với anh vì cái ống còn mắc trong họng...

"Mấy giờ rồi anh nhỉ? Sáu giờ chiều rồi à... Họ đánh thuốc mê hay thật, bác ngủ như chết, chẳng biết gì... Thức dậy chỉ rát cổ tí thôi... Lần đi ngủ đó chết giả còn thấy lạnh, lần này thì không... Hoàn toàn không, như cả mấy giờ đồng hồ mình không sống mà cũng không chết... Thật ra không cả ngủ nữa, vì ngủ thì còn nằm mơ...

"Bác thức dậy nhẹ nhàng, quá nhẹ nhàng. Đúng như người ta đồn, các bác sĩ ngành hồi sinh của Mỹ giỏi thật...

"Nhưng mà bác vẫn có linh tính là bác sẽ chết... Cuộc mổ thành công mà bác không thấy mừng... Cái hồi sinh kỳ này sao nó không trọn vẹn... "Lần trước trên đó... Ô, bác nhớ cái đau điếng người của mũi trâm nhọn đâm vào xương đít. Bác nhớ mùi khuynh diệp, mùi người, mùi đời sống... Đã quá... Bây giờ tất cả chỉ có mùi vải giường giặt xà-phòng thật sạch...

"Anh có nhớ bệnh viện mình bên nhà không nhỉ... Cái mùi *crésine*, mùi *teinture d'iode*, vào bệnh viện thăm ai về là nó thấm vào người, ngửi quần áo cả ngày còn thơm mùi nhà thương... Thời bác còn trẻ, sao cái gì cũng có hương, có vị...

"Bác cảm ơn anh, nhiều lắm. Anh viết văn, bác mới nói với anh được những chuyện này... Người ngoài ai buồn nghe...

"Anh để mặc bác, khi nào bác thấy mệt, thấy cần nghỉ bác sẽ cho anh hay... Bác muốn hỏi anh một chuyện... Anh nghĩ bác làm bác gái xấu hổ hả, bác không tốt với vợ hả...

"Không tốt vụ gì ấy à... Vụ chung chung, đại loại như chuyện cỡi ngựa đấy... Nhưng mà thôi, anh chưa mở miệng, bác đã biết anh sẽ nói gì rồi... Anh giống con vợ anh, lúc nào cũng giở cái tế nhị ra... Mà bác cũng lẩn thẩn, già đầu rồi mà còn hỏi trẻ con về những chuyện mình đã biết rõ mười mươi...

"Nhưng nhờ anh, thì bác có chuyện nhờ...

"Anh là bác sĩ, chuyên về bệnh già, anh dễ có dịp giúp bác. Anh để ý tìm cô Luyến dùm cho bác... Hôm nọ ở hội người già, bác nghe nói về sau cô ấy lấy chồng Nhật, bây giờ chồng chết dọn sang Cali, không biết ở đâu... Cô Luyến cỡ tuổi bác, thật ra hơn bác năm bảy tuổi, nhưng bây giờ giữa bảy mốt và bảy lăm bảy sáu thì sự sai biệt có nghĩa lý gì. Chắc nghe tiếng anh giỏi về bệnh già, thế nào cô ta cũng tìm tới khám...

"Bác có ảnh không ấy à. Cái anh này lẩn thẩn... Đi ngủ dò ai mà tặng hình với ảnh... Mặt mũi, bác cũng không nhớ nữa là... Mà có nhớ thì cũng vô ích, nửa thế kỷ qua ai chả thay đổi.

"Nhưng cô ấy có cái sẹo hình sao tám cạnh, hai cánh phía trên hơi ngắn... Sẹo ở ngay chín giờ, nơi vú phải, cái thằng Lê Dương lấy thuốc lá dốt cô nó thuận tay trái...

"Có thể cô ấy oan anh ạ... Có thể lúc cô ấy gấp quần áo cho bác thì chiếc ví đã rơi sẵn ra khoang đò rồi... cô ấy nhặt được... Có thể bị cám dỗ giữ luôn, có thể chưa kịp trả thì bác đã đi trình cẩm...

"Tội nghiệp cái bát cháo gà... Về sau bác mới biết là đám điếm sông Hương tin là cháo gà ăn ngay sau khi hành nghề là thuốc bổ âm... Để bồi dưỡng cho cái âm khí vừa mất... Vậy mà cô ấy nhịn phần cô cho bác ăn cho mau lại sức...

"Đáy bể mò kim, nhưng nếu gặp được, anh giúp cho cô ấy được gì thì giúp cho bác... Bác để sẵn ít tiền dành dụm riêng ở đáy ngăn kéo bác... Con Trang nó biết chỗ đấy... Mà cô ấy không nhận tiền thì nhận nghĩa giùm cho bác... Anh nói với cô ấy là bác rất ân hận đã trình cẩm cô...

"Anh bảo bác lãng mạn... Lãng mạn cái con khỉ già, bác không có gà chết như vậy...

"Té ra không phải chuyện lãng mạn... Thôi anh khỏi nói hết ý...

Anh chưa thở ra bác đã biết anh nghĩ gì. Anh bắt bẻ bác cái chữ '*Nghĩa*' phải không, rằng lúc này ân oán bác phải thứ tự phân minh, rằng chữ *Nghĩa* này phải dành cho bác gái mới xứng... Đúng tim đen anh chưa...

"Nhà văn các anh cái tóc chẻ tư... Tình nghĩa gì chuyện ngủ đò... Chẳng qua là hôm qua vui chuyện với anh nên mới nhớ lại... Chẳng qua là lúc vui miệng nên chữ nghĩa không chuẩn... Thật ra anh phải công nhận là bác bao giờ cũng muốn công bình với mọi người... Vậy thôi...

"Ái chà, trứng khôn hơn rận. Anh bảo gì. Tâm bác đâu sao cũng tốt, chỉ tại cái miệng dữ dằn thôi à... Anh thật tâm thấy vậy hay chỉ nuốn an ủi bác... Anh nói cái gì, *khẩu nghiệp* hả, anh theo đạo Phật từ bao giờ... Giờ này anh còn nói chuyện tốt xấu với bác... Sao không nói luôn hai chữ *Sám hối*...

"Thôi, bác cháu mình nói thế đủ rồi...

"Anh kệ bác... Bác nhắm mắt cho nó khỏe, không có vấn đề gì đâu... "Nhưng mà cái máy lạnh này nó vặn hơi quá cỡ, anh có thấy lạnh không...

"Anh không run à.... Bác lạnh quá, lạnh từ trong ruột lạnh ra... Như có nước đá vụn lưu thông trong mạch máu bác... Anh đắp thêm chăn cho bác, chăn dư họ để trong cái tủ góc phòng kia kìa.

"Uả, sao anh hốt hoảng vậy...

"Anh nhận chuông gọi y tá vào làm gì. Nhân viên nhà thương bây giờ xúm đầy xung quanh giường bác, người hối hả vặn máy này người hối hả vặn máy nọ, huyên náo chẳng ra làm sao...

"Thế này là thế nào...

"Anh đuổi họ ra giùm bác, bác đuổi mà chẳng đứa nào chịu nghe... "Anh khóc cái gì... Đàn ông mà mau nước mắt...

"Anh thạo tiếng Anh, giúp bác đuổi chúng nó ra...

"Tụi nhân viên bệnh viện thật là khó chịu và vô phép... Phòng bệnh riêng của bác mà chúng làm như chỗ không người... Mấy đứa xúm xít xung quanh giường...

"Ủa, lão già nào nằm trên giường bác kìa...

"Xem nào, lão mê man, ngực quấn đầy băng... Chúng chích thuốc cho lão, chúng hà hơi vào miệng lão, đẩy máy hô hấp nhân tạo tới... Chúng đưa điện cực lên ngực lão... Chúng bấm nút, điện giật, lão gồng

cong người lên như bị sài uốn ván rồi lại nằm vật xuống giường... Cứ như cảnh cấp cứu trong xi-nê Mỹ... Một đứa banh mắt lão ra chiếu đèn vào nhìn rồi lắc đầu...

"Nhưng mà cái lão bệnh nhân sao trông quen quá, như thấy hàng ngày mà không biết ở đâu...

"Thôi chết bác rồi, lão ta chính là bác...

"Tùng ơi, người ta lấy chăn phủ mặt bác lại...

"Cái chăn nhà thương Mỹ chẳng có mùi gì, cả mùi xà phòng bây giờ cũng không ngửi thấy nữa... Trời ơi, nếu có cái chăn của Luyến... Bác thèm quá, giá được ngửi cái mùi khuynh diệp ấy, cái mùi mồ hôi ấy, cái mùi nước rãi ấy, cái mùi của Luyến... ôi, cái mùi của sự sống...

"Nhưng mà anh nghe kỹ đây... Bác không còn bao nhiêu thì giờ...

"Anh gắng tìm Luyến cho bác... Luyến có cái sẹo nơi vú phải, khoảng chín giờ...

"Tại vì cái thằng Lê dương nó thuận tay trái..." ⊙

mai kim ngọc

NGUYỄN TẤN SƠN

Mộng du

Giấc ngủ được vỗ về bằng những giấc mơ
Nụ hôn lỡ thì trên môi thằng con trai tròm trèm bốn
mươi bồi hồi chi lạ
Đêm mù lòa treo cao tinh cầu đồng lõa
Dẫn đường tôi
lạc vào miền cổ tích có em
Nghe mùa thu xa thậm thịch bước chân gần
Nghêu ngao huyền sử...
Thức giấc nửa chừng hóa kẻ mộng du...

TRẦN DOÃN NHO

ảo ảnh

Ông Hy đứng dậy, rời khỏi ghế, tiến đến chiếc bàn kê cao dùng làm bục để đọc diễn văn. Hơi mất bình tĩnh, ông vướng cái áo vào góc bàn. Loay hoay một lát, ông mới ổn định ở vị trí. Ông rút từ túi áo trên cặp kính cận và bài diễn văn viết sẵn. Nói diễn văn, chứ thực ra đó là một trang giấy ghi vội ít dòng cảm tưởng của ông nhân ngày Thương binh liệt sĩ. Ông im lặng nhìn quanh để lấy bình tĩnh. Cái hội trường nhỏ của Ủy ban nhân dân phường chỉ đủ chứa vài chục người. Đa phần tham dự viên là các nhân viên làm việc tại phường, các công an khu vực, một số thương binh và vợ con các liệt sĩ. Ông Hy vừa nhìn giấy... lại vừa ứng khẩu. Ông nói, giọng cảm động: "Thưa các đồng chí, bầy tôi...tôi rất vui mừng đến...đến dự lễ hôm nay. Nhân dân ta có Đảng và Bác lãnh đạo...đã thành đạt rất nhiều chiến công. Nhân dân ta luôn luôn biết ơn những người...đã...đã hy sinh. Thương binh, liệt sĩ có công to đối ...đối với Tổ quốc. Họ hy sinh thân mạng, gia đình. Tổ quốc ta vẻ vang hôm nay...là...là nhờ họ. Đảng và nhân dân rất quan tâm chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ. Nhưng đất nước ta còn khó khăn, Đảng còn trăm công ngàn việc phải giải quyết. Các đồng chí thương binh, các gia đình liệt sĩ phải phấn đấu hơn nữa, khắc phục khó khăn, tin tưởng ở chính sách của Đảng và Nhà nước... Bầy tôi... à...Chúng tôi tổ hưu trí phường, cố vấn Đảng ủy Phường chúc các đồng chí sức khoẻ, thắng lợi. Dạ...xin hết..." Hội trường vỗ tay. Ông Hy bước xuống dãy ghế đầu, ngồi xuống, lấy khăn ra chậm mồ hôi. Xướng ngôn viên tiếp tục giới thiệu một đại biểu khác lên bục phát biểu. Ông vừa lắng tai nghe, vừa ngẫm nghĩ đến số tiền mà Tỉnh ủy cho nhân ngày lễ Thương binh Liệt sĩ. Ba mươi ngàn. Không đủ. Ông nhìn lá cờ đỏ sao vàng lớn giăng ngang hội trường, tượng bán thân bác Hồ bằng thạch cao đặt trên bàn. Ở nhà, cái "bùng binh" đắp ra cũng chỉ có hai chục ngàn. Ông vỗ tay khi đại biểu phụ nữ kết thúc bài phát biểu. Chết cha, bốn giờ rồi. Ông Hy giật mình. Ông dáo dác nhìn quanh, rồi e dè đứng dậy. Ông đến bên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Phường nói nhỏ:

– Cho tui lui trước. Bốn giờ mười lăm là phải mở rạp quét dọn để chiếu xuất chiều. - Trời, gần xong rồi, đồng chí rán ở lại chút nữa.

– Không được. Phải sắp xếp bàn ghế, quét dọn. Năm giờ chiếu xuất chiều rồi.

– Thế ai nhận bằng với lá cờ thi đua của Tỉnh?

– ờ...thì nhờ tạm đồng chí nào đó cũng được. Tôi giữ chìa khoá rạp, phải đến sớm.

– Đồng chí sợ bọn con buôn đó à?

– Không phải, mình không làm họ thuê người khác. Ông nhìn Chủ tịch Ủy ban với đôi mắt van lơn tha thiết. Cuối cùng, chủ tịch ủy ban nói:

– Thôi được, tùy anh. Còn số tiền...

– À...đồng chí... à anh gởi nơi thằng Khiêm, con tôi.

Ông Hy vội vàng bước ra khỏi hội trường, lấy xe đạp đạp vội đi. Lúng túng làm sao đó. ông để quai dép cao su móc vào "pê đan" khiến ông suýt té, dây "sên" trật ra ngoài. Ông bỏ sên vào, đạp đi, lại trật nữa. Thấy không xong, ông dắt bộ, bụng hồi hộp, sợ trễ giờ không ai mở cửa cho cô bán vé. Vừa đi vừa chạy, rút cuộc ông cũng đến được rạp. Ông vứt đại chiếc xe đạp nằm ngã xuống vệ đường, hấp tấp lấy xâu chìa khoá mở cửa. Cô Bê —con ông chủ video— đang đứng đợi.

– Sao trễ vậy chú? Bê hỏi.

Ông Hy thở hổn hển:

– Phải dự lễ Thương binh Liệt sĩ ở Phường.

Cô gái không nói gì, đứng yên nhìn. Ông Hy loay hoay mở khoá, loay hoay quét dọn, sắp sửa lại ghế ngồi cho khán giả. Ông làm việc cần cù, cẩn thận. Như người lão bộc coi sóc khu vườn cho ông chủ nhỏ. Xong việc, ông ra ngồi trước cổng, xé vé. Khán giả vào rạp hết, ông ngồi canh cửa. Một buổi tối ba xuất. Công việc đơn giản, không có gì nhọc nhằn, và hoàn toàn thích hợp với người có tuổi như ông Hy. Có điều, lương hướng chẳng là bao. Độ này rạp videó tư nhân mọc lên khắp nơi. Khán giả phân tán, nên số người xem thưa thớt. Vả lại, phim chưởng Hồng Kông xem mãi cũng nhàm. Hàng tháng, người chủ trả cho ông ba chục ngàn. Chẳng nghĩa lý gì, nhưng việc sao, tiền vậy, ông Hy đâu có thể đòi hơn được. Có một việc, đã là may lắm rồi.

Khi xuất hai vô rạp, chị bán hàng thịt ở phía trước bắt đầu dọn dẹp ra về. Chị kêu:

– Chú lấy mấy miếng xương này về hầm cháo ăn, chú.

Ông Hy cám ơn rối rít. Ông lấy mấy bịch ni-lông để cho chị bán hàng trút vào đống xương thừa đã róc hết thịt. Ông buộc cẩn thận, lòng vui mừng vì có chút thịt cho bữa ăn. Thỉnh thoảng, mấy chị bán hàng tốt bụng vẫn giúp ông như thế. Ông nhận, không hề thắc mắc, tủi hổ. Vì thực sự, ông quá cần.

Tan xuất cuối, đã mười giờ rưỡi đêm. Ông khoá cửa cẩn thận, rồi dắt chiếc xe dạp "cà tàng" đi bộ về. Bịch xương khá nặng, gác lên ghi đông xe, thỉnh thoảng rớt xuống đường nhựa, ông phải mất công lượm lên mấy lần. Đến nhà, Khiêm vẫn chưa về. Chắc có mối, ông thầm nghĩ. Đẩy cánh cửa khép hờ, ông luồn vào trong, nhẹ nhàng bật hộp quẹt châm ngọn đèn dầu nhỏ ở góc nhà. Có ngọn điện, nhưng ông không bật vì sợ tốn, hơn nữa, ông không muốn quấy phá giấc ngủ của hai đứa cháu. Ông rón rén đến giường hai đứa cháu, sờ đầu và bụng đứa bé lớn. Hâm hấp nóng. Cả hai đứa đều ngủ ngon lành. Mẹ chúng nằm vắt vẻo ở một tấm ván kê sát tường, chân cẳng thò ra ngoài chiếc mùng đã rách toe tua. Muỗi vo ve như hát. May mà có một cái mùng lành lặn cho hai đứa nhỏ, không thì, chắc muỗi ăn thịt chúng luôn.

Ông Hy lấy bịch xương bò ra, rửa ráy sạch sẽ, nhóm lửa bắc soong hầm. Ông nhìn kỹ thấy cũng còn khá nhiều thịt bám vào xương. Ông lẩm bẩm:

– Cũng có vài chén cháo cúng mẹ nó.

Ông loay hoay xếp đặt lại ảnh của vợ ông trên cái bàn thờ nhỏ, thì nghe có tiếng Khiêm về. Ông nhìn ra, thấy Khiêm đang dựng xe đạp. Ông hỏi khẽ:

– Thế nào, có mối hả Khiêm? Kiếm được khá không?

Khiêm gỡ cái mũ vải, vày vò lại chùi mồ hôi trên mặt, thở dài:

– Có mối mà rồi cũng như không. Đã thế, "lốp" sau còn lủng nữa.

Giọng ông Hy băn khoăn:

– Có chuyện gì vậy con?

Khiêm nhổ nước bọt:

– Tổ mẹ, chở một con điếm đi lên tận Linh Mụ. Hắn nói đứng đợi đó, hắn vô nhà người quen rồi trở ra. Tui đợi hoài mãi không thấy. Té ra hắn phỉnh tui, hắn trốn đâu mất. Mất công đợi cả mấy tiếng đồng hồ. Đạp về, đói bụng, lại bị đinh đâm lủng ruột. Cái ngày quỷ quái gì đâu,

xui tận mạng. Chú mới về à? Lễ lạc họ cho được mấy?

– Tỉnh cho ba chục ngàn. Mà con chở chi cái bọn gái đứng đường đó.

– Ai mà biết. Chừ mới biết. Nói thế, chứ biết cũng chở. Ai có tiền là chở.

Ông Hy nghe mùi rượu toát ra từ Khiêm.

– Say chưa?

– Chưa. Tiền đâu uống cho nhiều mà say. Uống một cốc về ngủ thôi. Hôm nay có ai cho chi không, Chú?

– Có, xương bò.

– Tui đói bụng quá.

– Đợi một hồi nữa. Tau nấu cháo, múc ít chén cúng mạ mi đã.

– Sao chú không nấu miếng cơm?

– Cơm thì ăn với nước mắm hoặc muối ớt thôi. Mấy cái xương bò chỉ có hầm, thịt đính vào xương không róc ra được.

Khiêm nhìn ông Hy:

– Có ba chục ngàn tiền liệt sĩ của mạ tui, sao chú không mua một miếng gì mà cúng?

Ông Hy nhìn đứa con gái lớn của Khiêm:

– Thế vụ mổ túi mật con bé lớn thì sao?

Khiêm gật đầu, im lặng. Một lát, anh lại hỏi:

– Mà ba chục ngàn mô có đủ?

– Tau có bỏ bùng binh hai chục nữa.

– Phải mất một trăm hai, cả tiền phòng, tiền bác sĩ, tiền thuốc. Theo tui, kệ xác nó.

Ông Hy nhìn Khiêm khó chịu:

– Con mi mà cứ như con ai không bằng.

– Thì tui mô có muốn đẻ.

Ông Hy tức tối:

– Mi không muốn đẻ thì ai muốn?

Khiêm liếc nhìn chị vợ đang ngáy:

– Chú với cái con chết bầm nớ chứ ai.

Ông Hy đun củi vào soong cháo:

– Say rồi cứ nói tầm bậy tầm bạ.

– Tui đâu có nói sai. Chú thì nói tui lấy vợ đi, Chú xin cho vô làm trong Thương nghiệp. Còn con vợ tui thì nói cứ đẻ để hắn có con hắn

bồng, cực mấy hắn cũng nuôi.

Ông Hy dịu giọng:

– Cứ nói hoài cái chuyện đó. Thì tau cũng chạy đôn chạy đáo gặp đứa này đứa nọ để xin. Bọn chúng cứ hứa mãi. Bọn chúng nói mi Trung sĩ ngụy, nhiều khi cũng hơi khó.

Khiêm giằn giọng:

– Ngụy với không ngụy. Bày đặt ra cả! Tiền với không tiền thì có.

– Mi nói oan tụi nó tội. Bọn nó đứa nào cũng từng nằm hầm nằm hố với tao. Hạt muối cắn hai...

Khiêm gạt:

– Thôi được rồi! Chú có xin chưa chắc tui đã đi làm. Chú coi, cháo chín chưa?

Ông Hy lẫng lặng chăm lo nồi cháo. Khiêm rửa ráy xong, vào lấy chân hích hích vào người chị vợ:

– Dậy ăn cháo. Ngủ gì mà như chết.

Chị vợ ú ớ nhỏm người dậy, rồi lại nằm xuống ngủ tiếp. Khiêm xua muỗi rồi đẩy chị vợ vào, chèn mùng lại, lẩm bẩm:

– Không dậy mà ăn miếng cháo thịt.

Khiêm lót giấy ngồi giữa nền nhà, nhìn ông Hy múc cháo. Ông lấy đũa rĩa chút ít thịt còn bám vào xương, đổn vào hai tô, sắp lên bàn thờ cúng bà Mẹo, vợ ông. Ông thắp nhang, khấn khứa. Mùi thịt phảng phất. Khiêm chảy nước bọt. Anh rút trong túi quần ra hai mẩu sắn. múc cháo chấm ăn. Anh lấy miếng sắn vớt lên những rẽo thịt hiếm hoi lẩn quất đâu đó trong soong cháo. Anh chíp miệng, cố thưởng thức cho hết hương vị của thịt. Anh nhìn ông Hy:

– Bữa nay, bụng tui toàn sắn với muối ớt. Tưởng trúng mối, mua ít con cá nục, té ra bị lừa.

Ông Hy bưng tô cháo, nhìn ảnh vợ ông, nhìn Khiêm, rồi nhìn hai đứa cháu, và cảm thấy lòng hơi ấm lại. Nghèo đói, rách rưới, nhưng sum họp. Chả bù với những ngày hẩm hiu, một mình một bóng ngoài miền Bắc, lòng cứ ngong ngóng vô Nam. Khiêm chợt nhìn ông, thở dài:

– Con vợ tui, hắn lại có mang nữa.

Ông Hy giật nẩy mình. Tô cháo súyt rớt xuống đất. Nhưng ông chợt trấn tĩnh. Sợ Khiêm để ý cử chỉ của mình, ông nói lãng:

– Mạ mi chết e cũng đã mười sáu, mười bảy năm rồi hé?

– Tui cũng không nhớ rõ. Tui đi lính, ở nhà xã nó gọi lên, gọi xuống

rồi bắt đi mất tăm. Chết năm nào, ngày nào, tui chẳng biết.

– Bởi vậy tao lấy ngày Thương binh Liệt sĩ làm ngày giỗ.

Ông im lặng một lát, rồi chợt xuống giọng ngậm ngùi:

– Có ba chục ngàn tiền liệt sĩ lại chẳng có gì cúng cho mụ.

Khiêm định nói gì, nhưng im lặng. Anh nhìn hai đứa con, nhìn cái bụng vợ, thở dài. Ông Hy nói:

– Tao nghĩ hết cách rồi, chẳng biết kiếm đâu cho đủ tiền.

Khiêm đứng dậy, vỗ tay vào trán:

– Khổ ơi là khổ. Con đau, vợ đẻ. xe đạp thì hư.

Không để ý đến lời than vãn của Khiêm, ông Hy nghĩ đến việc phải xoay chạy gấp số tiền để mổ cho đứa cháu nội. Vì sau đó ông còn phải lo thêm một việc nữa: sự ra đời của đứa cháu thứ ba. Mọi việc, ông luôn luôn cảm thấy là của ông. Từ việc chiếc xe đạp thằng Khiêm hư đến dâu đẻ, cháu đau, nhà xiêu mái dột... Rồi việc Đảng, việc phường, việc giữ gìn phẩm chất của một đảng viên... Ông âm thầm lo lắng, xoay xở, thu vén. Bằng sự cần cù, chịu đựng. Không than van, trách cứ.

Ông bưng hai tô cháo trên bàn thờ xuống, đưa cho Khiêm:

– Mi ăn một nửa, để dành cho vợ mi một nửa. Còn một tô để cho hai đứa nhỏ.

Khiêm không chịu:

– Chú ăn một tô đi. Bốn bà con tui một tô cũng được.

– Không, tau có liên hoan chút chút ở phường rồi. Ông nói láo.

Khiêm yên tâm ăn phần cháo của mình và cất phần còn lại cho vợ con. Anh chùi miệng, chui vô mùng, hối ông Hy tắt đèn.

Ông Hy ngồi nghĩ xa nghĩ gần một lát rồi trải chiếu xuống nền, quấn tấm mùng rách quanh người, cố ngủ. Nghe tiếng cọt kẹt, tiếng thở hổn hển, tiếng hun hít ở giường bên của vợ chồng thằng Khiêm, ông lẩm bẩm:

– Tổ cha cái thằng, miệng thì cứ nói tui không ham cái thứ đó, mà đêm nào có chút rượu vào là hùng hà hùng hục, không ai ngủ được.

Ông Hy trằn trọc cả đêm, nghĩ tới nghĩ lui, nghĩ xa nghĩ gần mãi đến gần sáng mới chợp mắt được. Nhưng Khiêm kêu ông sớm:

– Tui lấy bánh xe của chú bỏ vô xe tui. Tui tranh thủ "thồ" sớm kiếm chút đỉnh. Chú liệu đi vá xe giùm tui.

Thế là ông dành thức dậy. Ông rút điếu Đà lạt hút. Con vợ Khiêm cũng đã dậy, ngồi trên tấm phản ngáp vắn ngáp dài. Nút áo đứt để lộ cái bụng trắng, tròn trịa. Ông Hy liếc nhìn. Đúng rồi, cô con dâu lại có mang. Thực là đã nghèo lại gặp eo. Nuôi hai đứa con lớn gần đứt hơi, chưa kịp lại sức, thì đứa lớn đau, túi mật bị sạn. Chưa xoay đủ tiền để mổ, giờ lại phải lo chuyện sinh đẻ cho con dâu. Rốt cuộc, chỉ một mình ông. Vì ông muốn có một gia đình, một hơi ấm. Ông muốn bù đắp lại những ngày lăn xả ngoài chiến trường, những ngày cô độc khi đi tập kết ở miền Bắc.

Ông hỏi con dâu:

– Con sinh năm nay hay sang năm?

– Chắc năm nay. Mà anh Khiêm không cho sinh, anh nói tui đi phá thai, chẳng có tiền đâu để sinh, để nuôi con.

Giọng ông cương quyết:

– Bọn bây không nuôi, tao nuôi. Đừng nói bậy.

Cô con dâu bĩu môi:

– Nuôi cực, nuôi khổ như Chú tui hông ham. Tui phải phá thôi.

– Tổn đức con à. Giòng thằng Kiêm hiếm con.

– Cộng sản như Chú mà cũng mê tín à? Tui nhất định phá...

Ngẫm nghĩ một lát, cô dâu thở dài:

–....Mà phá cũng phải có tiền!

Ông Hy an ủi:

– Chịu khó đi con. Con cái là lộc...

Cô dâu cười:

– Chú cùng Đảng ủy phường đi vận động sinh đẻ có kế hoạch, mà sao lại hối tui đẻ cho nhiều... Nói thế, chứ tùy chú. Chú có đảng, có đồng chí, Chú ráng nuôi cháu. Tui chỉ biết ngủ với đẻ.

Ông Hy im lặng. Cái kiểu nói của hai vợ chồng Khiêm ông nghe đã quen tai rồi. Chúng nó vô trách nhiệm. Chúng nó có quyền vô trách nhiệm. Như ông đã từng vô trách nhiệm. Bỏ nhà ra đi kháng chiến năm 16, 17 tuổi. cưới vợ được có vài tháng, lại ra đi tập kết. Ở miền Bắc được vài năm lại "ra đi " chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Vợ ở nhà bị kêu lên, gọi xuống, rốt cuộc bị chết ở trong tù. Con đẻ ra lại đi lính Ngụy. Ông nghĩ mình không làm gì sai trái, nhưng vẫn cảm thấy có lỗi. Được

việc cho Đảng, nhưng mất việc nhà. Bởi thế, đến cái tuổi sáu mươi, ông đưa cái vai gầy mòn, nhỏ bé của mình ra gánh.

Cô con dâu vươn người đứng dậy, ngáp rồi nói:

– Chú nghe chi chưa?

– Chưa.

– Phường sẽ dời trụ sở đi chỗ khác.

Ông Hy lại giật mình.

– Sao tao lại chẳng nghe nói gì cả vậy?

– Hồi hôm ông chủ tịch ủy ban vào đây đưa tiền liệt sĩ cho Chú, luôn tiện báo việc đó để Chú sửa soạn.

Ông Hy cắn môi. Lại thêm chuyện nữa. Lâu nay ở tạm yên trong phòng sau của Trụ sở Ủy ban, nay lại phải dời đi. Đi đâu? Trụ sở mới có thừa chỗ để xin một góc không? Bây giờ ông Hy mới thấy bối rối. Ông nhìn hai đứa cháu còn say sưa nằm ngủ và cảm thấy xốn sang. Áo quần rách rưới, mặt mày lem luốc, ăn uống bữa đói bữa no. Hồi xưa, khi đi làm cách mạng, ông mơ ước biết bao nhiêu! Ông sẵn sàng hy sinh với viễn tượng con cháu ông sẽ sung sướng, hạnh phúc. Bây giờ, con đó, cháu đó, không hơn bao nhiêu so với thời ông còn nhỏ. Thành tích ông có thừa, nhưng thành tích không đẻ ra tiền. Vả lại, ông không có đầu óc công thần. Ông muốn sống lương thiện, không dựa dẫm, không van nài, đòi hỏi. Ông chúa ghét đám người chuyên môn lấy thành tích ra để tranh giành địa vị, tiền bạc.

Giờ này, ông đang cần tiền để lo cho đứa cháu thân yêu của ông lên bàn mổ. Với gia đình thuộc diện "chính sách", bệnh viện có chiếu cố, xét giảm cho ông một số tiền, nhưng không đáng kể. Đắn đo suy nghĩ, rốt cuộc, ông chỉ còn một con đường: nhờ đám bạn cũ giúp đỡ. Bà con thì chịu rồi. Từ ngày ông về, bà con đã giúp đỡ ông nhiều. Lẽ ra, "miền Bắc nhận hàng, miền Nam nhận họ", bà con giúp ông cái áo, cái quần, thì ông dùng cái thế "cách mạng" của ông để chạy việc làm, xin tha thuế, hay giảm năm cải tạo... Nhưng ông chẳng giúp được ai. Điều đó làm ông vẫn còn áy náy.

Thôi, vuốt mặt một lần, tìm tới với bạn bè vậy, đám bạn vẫn thường khen ông liêm khiết, nhưng chê ông nhát gan, sợ tay nhúng chàm.

Ông Hy đưa cô con dâu hai đồng, bảo đi vá xe cho thằng Khiêm, ôm hôn hai đứa cháu, rồi lấy mũ ra đi. Đến tìm ai chừ? Thằng Thản, Phó chủ tịch ủy ban phường, thằng Minh đồn trưởng đồn công an, thằng

Hinh trưởng phòng Hình sự, thằng Vương, giám đốc Thương nghiệp quận, hay thằng Nhuận, chủ nhiệm hợp tác xã Mây-Tre xuất khẩu? Vừa đi, miệng rít những hơi thuốc dài, ông lần lượt vận dụng ký ức, kiểm điểm lại những khuôn mặt bạn bè, những người, lúc này lúc khác, vào sinh ra tử cùng ông trên chiến trường hay trong công tác. Có thằng đã xanh cỏ, có thằng tàn phế, có thằng phản bội, có thằng giàu sang, nhà cao cửa lớn... Cuộc đời như một giấc mơ!

Ông Hy bước đi, đắm đuối trong hồi ức, kỷ niệm lớn, kỷ niệm nhỏ ào ào tràn về như nước lũ. Lục soát lại, bỗng dưng ông nhận ra, ông quá tốt, quá tình nghĩa với bạn bè, với đồng chí. Biết bao lần, ông trụ chốt để thằng Thản, thằng Minh rút lui khi bị địch truy kích. Thằng Nhuận thì ông cõng chạy xuống hầm. Thằng Hinh thì ông bênh vực hết mình trong cuộc họp đảng ủy để hắn khỏi bị hạ tầng. Thằng Vương thì đúng là hạt muối cắn hai, khi ở chung hầm cũng như khi về cứ. Còn, còn nhiều nữa. Thế mà tụi nó tệ, tệ thật. Kể từ ngày ông xin nghỉ hưu vì bệnh, chẳng thằng nào ghé lại. Chúng nó chê ông nghèo mà không thông thời vụ. Chợt nhớ ra một điều, ông lẩm bẩm:

– À, thằng Vương còn có tình. Hắn lo cái vụ liệt sĩ cho mụ vợ. Hay mình ghé thằng Vương.... À mà giờ này hắn đâu có nhà, về huyện thì xa quá. Hay đợi tối vậy.

Tính tới, tính lui, ông Hy quyết định quay về nhà, đợi tối.

Dắt xe đạp ra khỏi rạp vidéo, Ông Hy còn ngoái đầu lại dặn thằng Khiêm:

– Nhớ là luôn luôn ngồi ở cửa rạp. Đừng uống rượu. Lớ xớ là mất việc như chơi. Đây là việc tư nhân, chứ không phải việc nhà nước. Làm ăn ấm ớ, họ đuổi tau liền.

Vương làm việc ở huyện, nhưng lại có cái nhà ở thành phố. E cũng cả mấy năm nay, ông không ghé. Ông tự ái. Đáng lẽ ra hắn phải ghé thăm mình mới phải. Đời hắn đi lên, trong lúc đời mình đi xuống. Vả lại, cái chỗ thương nghiệp của hắn bây giờ là ông nhường cho, mà cũng chẳng phải vậy. Hồi đó, mấy anh trên giao cho mình nắm cái thương nghiệp, mình sợ trách nhiệm mình dùn cho nó. Làm thương nghiệp trước

đây vốn có tiếng mà không có miếng, rất dễ bị ở tù, lại bị bà con bạn bè hay lui tới quấy rầy. Ông muốn yên thân, xin làm y tế cho khoẻ. Ai ngờ, thời thế đổi thay. Cái thằng thương nghiệp đâm ra ngon. Tự nhiên, ông nuốt nước bọt. Chẳng biết nhờ hắn giúp đỡ, hắn có khinh mình không.

Nhà ông Vương ở tận Tây Linh, gần sát bờ thành. Tay này cũng lanh, giải phóng xong chụp ngay cái nhà của một gia đình bỏ đi, nhờ phường hoá giá. Hồi chiến tranh, anh ta lù đù là thế, đến khi hoà bình, lại trở nên linh hoạt, nhanh nhẹn và xoay xở rất giỏi. Chỉ có ông, vâng, chỉ có ông quá kém. Cũng không phải ông kém. Trước sau như một, chỉ vì ông tin, tin ở chủ nghiã, ở đảng, ở mấy anh trên. Ông tin rằng đảng đã đánh thắng được giặc thì đảng cũng thực hiện được sự công bằng, bình đẳng trong xã hội.

Nghĩ ngợi lang bang điều nọ, điều kia, ông Hy đến nhà ông Vương hồi nào không hay. Ông dụi mắt nhìn lại số nhà và cây nhãn lớn trước ngõ. Thì đúng là nhà Vương, bạn ông. Nhưng sao lạ thế này. Dựa vào chiếc xe đạp, ông đứng ngẩn người ra nhìn quanh. Nhà hai tầng kiểu hiện đại, tường cao vây quanh vườn, mái hiên rộng, cửa kính cửa cổng tân kỳ. Chẳng khác gì ngôi nhà của một tay trưởng ty hay tư sản nào đó thời trước. Trong đầu óc ông, ông cho rằng tất nhiên là Vương phải khá hơn hồi trước, nhưng không thể nghĩ là Vương lại có thể giàu có như thế này. Hắn được vàng hay hắn trúng số? Ông tự hỏi.

Tiếng chó chợt sủa ầm lên khiến ông giật mình. Một con chó to cao đềnh dàng ào ra. Ông luống cuống để rơi chiếc xe đạp xuống đất. Ông định thoát ra ngoài, thì một người đàn bà chạy ra la chó. Vừa nhìn thấy ông, người đàn bà la lên:

– Trời, anh Hy. Anh vào hồi nào mà không lên tiếng gì cả vậy?

Ông Hy lắp bắp:

– Chị Vương đó à. Ai mà biết chị nuôi con chó Tây to vậy. Hồi trước muốn vào thì tôi cứ vào đại, chứ có lên tiếng gì đâu.

Người đàn bà cười:

– Xin lỗi, tôi quên. Anh Vương tôi mới mua con chó bẹc dê mấy tháng nay. ối giời, chó Tây mắc lắm, mà anh Vương tôi lại thích chó mới phiền. Chỉ rưỡi lận, đó anh Hy.

Con chó ngừng sủa, chồm chồm lên cánh tay chị Vương.

– Trời, chỉ rưỡi!

Như được trớn, chị tiếp:

– Ăn nhằm gì anh. Con chó của ông Nghị, thương nghiệp Tỉnh đến hơn hai chỉ cà. Anh Vương tui mua thế là rẻ đấy. Chả là, mình có giúp họ đôi ba việc lăng nhăng gì đó, họ vừa bán vừa biếu. À mà mời anh vô nhà. Có anh tôi trong... À, mãi nói bậy bạ quên hỏi chị và mấy cháu độ này thế nào, làm ăn khấm khá không?

– Dạ cũng thường, chị. Mà chị quên rồi... Nhà tôi mất từ lâu.

Chị Vương xuề xòa:

– Ấy chết, xin lỗi anh, già rồi lẩn thẩn, quên trước quên sau, chị nhà được cái liệt sĩ mà... Anh Vương ơi, có khách qúy đấy nhé. Nhớ giữ anh ấy lại lai rai chơi. Anh Vương ơi... Anh Hy, anh đi lối này, có cái thảm chùi chân phiá trước. Cái cửa lớn kia ít khi mở lắm, chỉ khi nào tiếp mấy anh trên tỉnh hay trung ương về mới mở. Mình như trong nhà, anh Hy há. Trông anh độ này ốm dữ hén!

Ông Hy im lặng nghe chị Vương nói. Chị nói giọng Bắc, pha chút Huế, chút Sài Gòn trông ngồ ngộ. Bộ quần áo lụa trơn, khá mỏng, đồ lót bên trong nổi bật lên khiến ông Hy không dám nhìn. Ông theo lời chỉ dẫn, bước vào trong nhà. Nền nhà láng bóng, vách mới tinh tươm, tranh ảnh dán đầy. Tây có, Tàu có. Giữa phòng khách, có bộ xa-lông khảm xa cừ, tủ búp-phê với đủ thứ rượu. Tượng bán thân Hồ Chí Minh bằng thạch cao kê trên một chiếc ghế riêng bằng đá. Ba bốn tấm huân chương kháng chiến lồng kính, cái treo trên tường, cái dựng trên tủ. Tự dưng ông Hy cảm thấy lạc lõng như đi vào một xứ lạ.Người bạn chiến đấu xưa như xa hẳn tận nơi nào. Ông đứng lặng giữa gian phòng, người chợt lạnh ngắt.

Giọng nói quen thuộc của ông Vương kéo ông ra khỏi trạng thái xúc động kỳ quặc đó:

– Hy đâu, ông lặn nơi nào mà dữ vậy ông?

Ông Vương xuất hiện giữa phòng khách, tươm tất trong bộ pi-ja-ma thẳng nếp, mặt mày hồng hào, tươi tắn:

– Làm gì mà đứng sững vậy. Vào đây, ông bạn. Trời, lâu quá không gặp nhau. Ông tệ thì thôi. Rảnh rỗi chẳng thèm ghé. Tôi thì ông biết đó, chẳng có chút thì giờ. Hồi đánh giặc nguy hiểm là thế, gian truân là thế mà chẳng thiếu thì giờ hàn huyên. Giờ hoà bình lập lại, công tác lu bu, hết họp hành lại đi công tác. Riết, vợ con cũng đâm chán. Nói thật với ông, nhiều khi không phải nói dại chứ, tôi thấy hồi đánh giặc thế mà thoải mái hơn nhiều, tình nghĩa hơn nhiều.

Ông Vương vừa nói vừa cười hể hả. Ông vít vai ông Hy kéo đi vào

phòng trong:

– Vào đây, vào đây, đêm nay ta nhậu một bữa cho đã. À, mà này, thằng con ông độ này ra sao? Có việc làm chưa? Nhà cửa thế nào?

Ông Hy buồn rầu lắc đầu:

– Tôi không có được may mắn như ông. Không nhà, không cửa, không việc.

Ông Vương ôm hai vai ông Hy xoay lại, nhìn thẳng vào mặt ông Hy:

– Ông thì khi nào cũng nói giọng tiêu cực. Ông không có vì ông không thích thôi. Ông trong sạch, liêm khiết.

Ông Hy gỡ tay ông Vương ra, cười:

– Thôi, đừng móc họng tôi nữa. Tôi có hề nói tôi liêm khiết, trong sạch gì đâu. Tánh tôi, có gì nói nấy.

Ông Vương cười theo:

– Tôi cũng thế, nghĩ sao nói vậy. Ôi, mà thôi, sá gì ba cái lăng nhăng trẻ con đó. Vào đây, vào đây. Đời người không mấy chốc! Có mấy người bạn đang nhậu.

Hai người đi vào phòng ăn. Phòng ăn khá rộng. Một cái bàn có phủ khăn, đồ ăn, bia bọt ngổn ngang. Hai người đàn ông đang nhậu. Thấy ông Hy vào, họ đứng lên bắt tay.

Ông Vương giới thiệu:

Đây là anh Hy, người bạn thân nhất của tôi. Còn đây, anh Hà, hiện đang hợp đồng kinh doanh với Thương nghiệp Huyện, chú Toán, trưởng ban Tài vụ. Ngồi, ngồi xuống đi ông Hy. Cũng người quen biết cả.

Ông Vương mở lon Heineken, rót vào ly cho ông Hy và đề nghị:

— Nào, ta cụng ly một cái cho khí thế.

Ông Hy nâng ly lên, uống cầm chừng. Vừa uống, ông vừa quan sát những món ăn: sò huyết ăn với muối tiêu có vắt chanh, nồi trường kẹp rau sống chấm mắm nêm, lươn xào lăn, à, có cả lòng heo, món ông rất thích. Góc bàn bên kia có một đĩa gì là lạ, ông chưa hề thấy, chắc là gân. Không biết món này thế nào. Ông bỗng thèm ăn dễ sợ. Ông đói bụng. Vả lại, toàn món ngon vật lạ. Ông cũng có dự tiệc tùng, liên hoan nhiều, nhưng ông có cảm giác bàn ăn hôm nay trông đã quá.

Toán, còn trẻ, chắc cỡ hai mươi mấy, đứng dậy:

– Chú Hy uống chưa hết. Mời chú "vào ba ra bảy". Chú vào sau, phải ba ly tiếp, gọi là "chào bàn".

Ông Hy lắc đầu:

– Tôi không quen chú à.

Toán lắc đầu quầy quậy:

– Không được đâu, chú phải ba ly chào bàn. Nếu cần, cháu xin phép tiếp chú.

Người đàn ông tên Hà cũng tán đồng, nâng ly mời:

– Chú Toán nói phải đó. Nào, mời anh, ta cụng nhau làm quen.

Ông Hy năn nỉ:

– Xin lỗi mấy anh, tôi chịu, để cho tôi từ từ.

Ông rán núc hết ly bia. Hà ngồi gần bên, nói tiếp:

– Cứ uống dại đi anh ơi. Say đâu có chết ai. Có uống mới vui, uống mới thật.

Hà trông nhỏ tuổi hơn ông Hy và ông Vương. Anh mở gói thuốc "ba số năm" mời ông Hy hút. Ông hút thử thấy nhẹ hẳng, không đã bằng thuốc rê. Ông Vương gắp cho ông miếng nội trường:

– Ăn đi, ông bạn, món đặc biệt đó, phải đặt trước mới có.

Ông Hy chấm miếng nội trường kẹp rau sống ăn. Nhai thấy dòn dòn, đã miệng, nhưng không được ngon, có lẽ vì loại này trơn, chấm nước không thấm. Ông nhìn đĩa lòng. Gan có, tim có, cật có. Lòng ăn khoái khẩu, nhất là chấm nước mắm chanh tỏi. À có, chén nước mắm nằm khuất dưới đĩa rau sống.

Ông Vương vỗ vai ông Hy và nhìn hai người kia:

– Có thể nói anh Hy là bạn nối khố của tôi. Bọn tôi chơi thân nhau từ hồi còn giữ trâu dưới làng. Cùng đi kháng chiến, lại cùng ở đơn vị. Anh huyện ủy viên vừa chiến đấu vừa làm công tác y tế. Tính anh hay giúp đỡ bạn bè lắm. Anh giúp tôi nhiều phen. Hạt muối cắn hai. Đúng là hai đứa tôi hạt muối cắn hai.

Toán cười:

– Giờ thì lon bia chia hai.

Hà vỗ tay hoan hô. Ông Vương mở một lon bia, chia hai:

– Vô, ông Hy. Đời không mấy chốc Ông giữ gìn làm chi cho lắm.

Ông Hy ráng uống hết. Ông cảm thấy trong người bừng bừng. Ông gắp mấy miếng lươn ăn. Ông rùng mình. Ngon quá. Thấy hứng khởi, lợi dụng lúc mấy người kia trao đổi gì đó, ông gắp thêm mấy miếng nữa, kẹp xà lách, và nhanh vào miệng. Trông bộ mấy tay nhậu này cũng chẳng quan tâm gì đến việc ăn. Họ hút thuốc liên tục. Thuốc ba số năm để cả "túi" trên bàn. Ông lấy một điếu nữa, đốt hút. Không cảm thấy

ngon. Nhưng dù sao cũng đắc tiền. Một điếu có cả sáu, bảy trăm đồng trong lúc một ngày ông hút thuốc rê chưa tời đồng bạc. Hút cả uổng, ông nghĩ. À, sao mình không cất vài điếu. Thế là, chốc chốc, ông lại giả vờ rút một điếu làm như hút, nhưng bỏ vào túi quần.

Ba người đang bàn bạc chuyện làm ăn. Ông lắng nghe, nhưng không hiểu mô tê gì hết. Ông tự nhiên ăn và rót bia uống. Lúc này ông cảm thấy khoái mùi bia. Ông mở lon, rót từ từ vào ly, nhìn bọt bia ùn lên miệng, và những hạt lăn tăn liên tục từ dưới đáy ly trồi lên, trông thực vui mắt.

Hà chợt xoay sang ông Hy:

– Kìa, ăn đi anh. À, anh thử món này chưa. Toán, đẩy đĩa "ngầu pín" qua đây.

Toán đẩy sang. Hà gắp bỏ vào chén ông Hy:

– Anh biết món này là món gì không?

Ông Hy lắc đầu. Hà ghé tai ông Hy nói nhỏ:

– Là c. bò đó.

Ông Vương cười.

– Ông thử ít thôi, chứ nhiều vô thì phiền vì không có "bãi đáp". Thứ này là đại bổ dương, ông biết không?

Toán thắc mắc:

– Sao lại không có "bãi đáp", chú Vương?

– À, tôi cũng quên nói cho mấy ông rõ. Chị Hy chết trước giải phóng. Chị là liệt sĩ. Nhiều khi nghĩ thấy tội bà thật. Lấy chồng có mấy tháng, chồng lên chiến khu rồi đi tập kết biệt tăm. Ở nhà bị bắt lên bắt xuống.... ờ mà thôi, xin lỗi anh Hy, nhắc chi mấy chuyện cũ, buồn chết. Thôi uống!

Ông Vương mở bia lốp bốp, rót vào bốn ly:

– Nào, "dô"

Ông Hy cũng hăng hái nâng ly. Bây giờ, ông uống thấy hăng hái dễ dàng và cảm thấy sảng khoái. ực ực, ực ực. cuống cổ ông trồi lên trụt xuống đưa những hớp bia mát lạnh, kỳ thú đi vào cơ thể. Đặt ly xuống, ông cầm đũa ngắm nghía các món ăn. Thêm vài miếng ngầu pín nữa đi. Lạ miệng, nghe cũng ngon. Rút thêm một điếu ba số năm nữa. Rít vào một hơi, thấy lâng lâng. Ông đưa tay bóp bóp túi quần, đếm thử. Xem chừng cũng được bảy, tám điếu rồi. Về đổi thuốc rê hút. Hay bán lấy tiền cũng được. Tụi nó thừa tiền, xài phí như thế, không lấy cũng uổng.

Ông Vương quay sang bàn tính chuyện cơ quan với Toán: nào tỷ suất đô la, thuế quốc doanh, thuế xuất khẩu, thuế nuôi trồng rừng... Ông Hy uống một hớp bia, quay sang Hà ngồi kế bên:

– Anh hợp đồng làm ăn với Thương nghiệp huyện?

– Vâng, tôi hợp đồng trầm và gỗ. Anh bây giờ làm gì, ở đâu?

– Tôi về hưu bốn năm rồi.

– Về hưu sớm thế.

– Tôi ưa nghỉ ngơi cho khoẻ. Anh trước công tác ở cơ quan nào?

Ông Vương nghe hỏi thế, xen vào:

– Trưởng ban hai quận đấy!

Ông Hy ngạc nhiên:

– Trưởng ban hai quận. Vậy anh là ngụy?

Ông Vương cười:

– Thì không ngụy chẳng lẽ Việt cộng. Ngụy thứ thiệt đấy, anh có ngán không?

Ông Hy núc tiếp một hơi bia, chùi miệng, nhìn vào mặt Hà:

– Anh sĩ quan chế độ cũ mà có đi học tập cải tạo không?

Hà cười:

– Sơ sơ bảy năm thôi. Tôi được xếp vào loại ác ôn.

Ông Hy lẩm bẩm:

– Bảy năm... bảy năm thôi à. Ban Hai là cơ quan bắt giam người.

Ông hỏi Hà:

– Anh ở quận nào?

– P.N. Sao, quê anh ở đó hay anh hoạt động ở đó?

– Anh có biết bà Đặng thị Mẹo không?

– Không anh à. Mà ở làng nào?

– Làng N.

– Tôi biết làng N, nhưng chẳng nhớ ai tên là Mẹo cả. Lại nữa, lâu quá, mười mấy năm giải phóng rồi, tôi cũng quên hết.

Ông Hy chợt nghiêm mặt, nhìn thẳng vào mắt Hà:

Tôi thì tôi không quên. Anh là Trung Úy Hà, Trưởng ban Hai quận P.N. Anh bắt vợ tôi và tra tấn vợ tôi đến chết. Đặng thị Mẹo là vợ tôi.

Hà đặt ly bia xuống bàn, ngạc nhiên nhìn ông Hy.

– Tôi không hề biết ai là Đặng thị Mẹo và tôi cũng chẳng tra tấn ai đến chết.

Ông Hy gằn giọng:

– Có. Tau...à...à...tôi có bằng chứng.

Hà xô ghế đứng dậy:

– Anh ... ông không phải quản giáo, không phải chấp pháp, ông làm gì ông thẩm vấn tôi.... Tôi có tội, tôi đã đi cải tạo.

Ông Hy cũng xô ghế đứng dậy. Đột nhiên ông thấy một nỗi giận dỗi tràn lên, hoà với một sự hưng phấn kỳ lạ, y như thể ông vừa chụp được một kẻ thù từ lâu vuột mất. Ông cầm ky bia lên tay, mắt trừng trừng nhìn Hà. Thấy không khí đột nhiên căng thẳng, Toán chạy qua đứng giữa hai người. Còn ông Vương vẫn bình tĩnh ngồi, vừa nhấp bia, vừa nhìn hai người. Toán năn nỉ:

– Xin chú, xin anh. Chuyện gì có đó. Gây gỗ nhau mất vui. Chú Vương chú buồn.

Ông Hy bỗng đột ngột nguôi ngoai, y như lúc nãy đột ngột giận dỗi. Ông ngồi xuống, lấy gói thuốc rút một điếu nữa, châm hút. Hà cũng từ từ ngồi xuống. Anh nuốt nước bọt, mở một lon bia khác. Ông Hy gắp một miếng lòng heo, không chấm nước mắm, bỏ vào miệng nhai.

Bàn nhậu lắng xuống một lát. Ông Vương bưng thêm một thùng bia để lên bàn, đẩy đến khoảng giữa Hà và Ông Hy, cười:

– Tôi cũng trông hai anh đụng độ nhau một trận cho vui, hoá ra không có gì. Tôi phạt hai anh một thùng, ráng uống cho hết, vì cái tội gây rối bàn tiệc.

Ông Vương khui thùng, mở hai lon đưa cho hai người.

– Trăm phần trăm đi, rồi tôi nói chuyện này cho nghe, vui lắm.

Hà ngửa cổ. núc một hơi. Còn ông Hy rót vào ly, uống mấy lần mới hết. Ông gắp tiếp một miếng lươn, kẹp rau sống và lá giấp cá, bỏ vào miệng nhai ngồm ngoàm. Ông Vương vỗ vai ông Hy:

– Đời có nhiều chuyện thực đáng buồn cười. Anh có nhớ cái vụ liệt sĩ của chị, tôi làm cho anh trước đây không?

– Sao không nhớ. Hôm qua, tôi mới lãnh tiền của Tỉnh.

– Chính ông bạn Hà giúp ông đấy.

– Giúp tôi? Ông này là ngụy, mắc chi giúp tôi?

Hà cũng nhìn ông Vương thắc mắc:

– Tôi giúp?

– Anh còn nhớ, tôi với thằng Điềm, Trưởng Công an Huyện nhờ anh ký xác nhận vụ huyện bắt giữ bà Đặng thị Mẹo không?

Hà sực nhớ, gật đầu:

– ừ, có. Hồi đó tôi ngán gần chết, nhưng nể mấy anh tôi cũng ký đại.

Ông Vương nhìn ông Hy:

– Chuyện thế này: Vụ chị chết không rõ ràng, thiếu bằng chứng, tụi xã không chịu lập hồ sơ liệt sĩ. Vả lại, tụi nó nói con anh đi lính ngụy. nhân chứng lại chết hết. Cuối cùng, thằng trưởng Công an Huyện tìm được một cách: nhờ anh Hà đây, vốn Trưởng ban Hai quận, ký xác nhận có bắt giữ và có biết bà Đặng Thị Mẹo chết trong tù. À mà chuyện này anh biết rồi mà.

Ông Hy nhìn Hà, ấp úng:

– À, hoá ra, cái giấy là anh...à...ông Hà này ký à.

Ông Vương cười:

– Chẳng lẽ có hai Hà, Trưởng Ban Hai quận P.N. À, mà thôi, chuyện cũ xí xoá. Uống cái đã! Đời mấy chốc.

Ông Hy nhìn Hà bối rối:

– Tôi....tôi hơi bậy.

Hà cười:

– Không sao. Tôi đi ở tù bảy tám năm, chứng kiến nhiều cảnh cười ra nước mắt. Hồi đầu, tôi bị biệt giam sáu tháng, chỉ để khai báo. Nhớ trước quên sau, tôi khai lung tung, chập loạn trí luôn, chẳng còn nhớ gì ra gì nữa. Bây giờ, cải tạo về rồi, lâu lâu huyện còn kêu lên hỏi tiếp.

Anh cụng với ông Hy một ly bia, nói tiếp:

– Việt cộng với ngụy đôi khi cũng là cái số. Năm 1954, hồi đó tôi còn nhỏ, thấy chú tôi dẫn thằng em đi tập kết, tôi đòi đi theo. Chú đã đồng ý cho đi, ông nội tôi chạy ra giành lại. Rốt cuộc, thằng em con chú tôi Đại úy bộ đội, còn tôi là Trung úy Cộng hoà.

Ông Vương vặn cát xét băng nhạc hải ngoại. Giọng Tuấn Vũ rền rĩ. Ông quay sang Toán:

– Mai cậu nhớ điều xe chuyển lô hàng vô Cảng. Tối nay uống vừa thôi. À, anh Hà ơi, tôi nghĩ anh nên trực tiếp gặp ông Vinh thứ trưởng để lo vụ thuế xuất khẩu. Chịu "chi" một ít cho yên. Còn tôi, tôi lo vụ thuế nuôi trồng rừng cho ông. Gần tổng kết rồi, phải lo kiếm chác một ít để hỗ trợ cho các cụ trên tỉnh với huyện. Ôi, cứ gần đến tổng kết là tôi nhức đầu. Xoay như cái vụ.

Ba người lại tiếp tục trao đổi nhau về việc làm ăn. Ông Hy lắng nghe, nhưng hơi bia đã thấm, ông chỉ nghe lảng vảng. Thỉnh thoảng ông lại gắp một miếng lòng hay lươn, kẹp rau, nhai. Giờ, mãi bàn chuyện,

nên cả ba người chẳng ai thúc ông uống bia nữa. Ông chỉ nâng ly hớp cầm chừng. Ông nhìn gói thuốc, đĩa rau, chén nước mắm. Thỉnh thoảng đi tiểu rồi ra ngồi. Mấy đĩa thịt, lon bia đã thấy xoay xoay trên bàn. Chúng mờ dần, mờ dần trước mắt ông. Ông có cảm giác như mình đang bay, đang bay. Đột nhiên, ông có ý nghĩ phải lấy một gói thuốc nguyên. Ông với tay lấy một gói bỏ vào bọc, rồi gục xuống bàn. Tiếng hát Tuấn Vũ nghe như từ một thế giới nào vọng lại.

Tỉnh dậy, ông Hy thấy mình đang nằm trên ghế xa lông ở phòng khách. Ông dụi mắt, nhìn quanh không có ai. Ông đứng dậy, rờ rẫm quanh người. gói thuốc ba số năm còn nằm trong túi. Ông rút ra nhìn. Gói thuốc đẹp, sang, giấy dầu bọc còn nguyên. Ông lục túi quần. Mấy điếu thuốc ông cất đã bị dẹp, có điếu nhàu nát, đứt hai. Ông lấy một điếu, vuốt thẳng, châm hút. Hơi thuốc đi qua cổ họng khô, rát. Ông bước đi chân không trên nền nhà mát, lạnh, tìm đôi dép. Đôi dép Bình Trị Thiên bao năm của ông nằm ở một góc nhà lẻ loi, riêng biệt, cạnh một đống giày, dép Thái Lan, Sài Gòn, đủ kiểu. Ông xỏ dép, đi ra, tìm cái nón cối. Có tiếng chó sủa oang oang ở nhà đưới. Một cô gái chạy ra. Ông hỏi:

– Ba cháu mô?

– Dạ, ba cháu đi công tác Hà Nội sáng nay. Vì có lệnh đi gấp , không đợi được để chào bác. Ba cháu nói khi nào rảnh, bác ghé chơi.

Ông Hy chặc lưỡi, lẩm bẩm:

– Chết cha, định hỏi hắn kiếm ít tiền, mà hắn lại đi mất.

Ông dắt xe đạp ra cửa, đầu óc váng vất, lâng lâng. Ông có cảm giác như đi trong mơ.⊙

Tháng 8/1994

trần doãn nho

TRẦN HỒNG CHÂU

Còn lại cây sáo trúc

chiều đông buồn tím ngắt
tuyết hoa trời mười phương
say
giao hưởng
trắng
tuyết đã chảy trên mái đầu
từ lâu rồi! sáu mươi có lẻ...

chiếc xe già cỗi
lốp mòn, da nhăn
dinh ốc tả tơi, gân cốt rã rời
khí công chậm chạp, bình điện yếu
van tim khép mở, dầu chẳng thông

về chiều lâu rồi
sức lay thành nhổ núi
chỉ còn ẩm hận đa
tắc nghẹn yết hầu!

bông hồng nào trên sỏi đá
lâu đài nào trên cát biển đông?

thôi thì tấm thân cũ kỹ
hôm nay xin chắp tay
nguyện làm cây sáo trúc ám phi thanh
âm ba tích tụ diện âm dương
gửi về người dồng diệu có hay không

cuộc sống triền miên sinh hóa
năng lượng vào ra miền hư vô
ngày ngày lịch sử tụa bên song
soi gương
trên trùng diệp sóng thời gian chẳng bạc đầu!

ly tao hề núi sông niềm cố quận
ta đeo chùm u lan
ngạt ngào thơm
về Hoàng hạc lâu hề lau lách Động đình hồ?
về Vọng tiên lâu hề sóng nước Hồ Gươm say?

tung tích người xưa xin chớ hỏi
chùm mây muôn dặm tự do bay

HOÀNG LIÊN

nắng chiều trên thái bình dương

Chiếc xe búyt giảm bớt tốc lực rồi ngừng hẳn lại. Chỉ có một mình Tuấn bước xuống. Anh đứng lại bên lề đường Highway số 1 và nhìn ra biển. Người anh như nhẹ hẳn đi và lòng anh thanh thản lạ lùng. Chỉ mới 15 phút trước đây anh đang còn ở trong một khu buôn bán đông đúc với những tấm bảng hiệu nhiều màu loè loẹt, tiếng chân người chen nhau bước nhanh trên vỉa hè và tiếng xe chạy rào rào không dứt. Giờ đây, anh chỉ nghe tiếng gió thổi dạt dào và tiếng sóng đều đặn tràn vào bờ như vỗ về, như an ủi những con người đang ngày đêm vất vả quay cuồng trong cuộc mưu sinh.

Bãi biển không vắng vẻ như anh dự đoán. Năm ba người thanh niên khoẻ mạnh đang cúi mình trên chiếc xe đạp, phóng nhanh trên con đường nhựa, dọc theo bờ bể. Trên bãi cát, gần mép nước, vài người cưỡi ngựa chạy nước kiệu như trong những cuốn phim về cuộc sống miền Tây Hoa Kỳ vào hạ bán thế kỷ trước. Dưới nước, từng nhóm người bơi lội, vùng vẫy, nô đùa. Xa xa, cũng trên bãi cát rộng, lẻ tẻ vài người căng lều cắm trại. Chiều nay, những kẻ nhàn du ấy đến đây để giải trí không đông đúc như trong những ngày nghỉ. Hoạt động của họ lại chìm vào trong tiếng sóng, tiếng gió, như tan loãng ra trong khung cảnh trời nước bao la, dưới ánh nắng rực rỡ của buổi chiều hè, Nhờ vậy, Tuấn khoan khoái được sống yên tĩnh giữa Thiên Nhiên, với Thiên Nhiên, cách xa những khu phố ồn ào của đô thị.

Anh thong thả bước lại gần bức tường thấp và dài xây dọc theo bãi cát. Ngồi tựa lưng vào tường, quay mặt ra biển, anh nhìn những đợt sóng bạc nối nhau cuồn cuộn nổi lên trên mặt nước xám phớt xanh, linh động như những sinh vật, Cũng như những người tị nạn khác, mỗi lần ở trên bờ bể miền Tây nước Mỹ, anh nhìn ra ngoài xa, chỗ mặt biển vạch một đường thẳng tắp ở cuối chân trời, và nghĩ rằng bên kia bờ đại dương có một mảnh đất thân yêu mà anh đã rời bỏ.

Tuấn như nhìn thấy được ngôi nhà cổ kính, hơi tối và ẩm thấp trong mùa mưa, đấu mình giữa khu vườn rộng, dưới bóng những cây nhãn, mít, ổi, xanh um. Hoa lựu nở đỏ thắm trong nắng hè chói chang và hoa

mộc trắng toả hương thơm dìu dịu dưới ánh trăng vàng huyền ảo. Cái giếng nước sâu xây ở góc vườn phía trước, gần một cây khế nở hoa tím nhạt, làm cho mảnh vườn sầm uất càng tăng thêm tươi mát. Anh như nghe được, trong những đêm đông dài rét mướt, tiếng mưa buồn bã rơi tí tách không ngừng trên những tàu lá chuối đong đưa bên ngoài cửa sổ. Và đâu đây, vọng lại tiếng người rao bán bánh mì lúc tinh sương, tiếng các trẻ em gọi nhau đi thả diều vào những buổi chiều hè lộng gió. Cái hương vị thôn dã của xóm gia cư thanh tĩnh nhìn ra dãy hoàng thành bí ẩn cuả cố đô Huế bàng bạc trong lòng nah như một làn hương nồng. Không kể thời gian ở tù, anh đã sống trong khung cảnh bình dị và hiền hoà ấy từ tuổi ấu thơ cho đến ngày bỏ nước ra đi.

Một năm đã trôi qua. Tuấn nhớ lại nỗi bỡ ngỡ, lúng túng của mình khi anh cùng vợ con rời chiếc phi cơ của hãng Northwest Airlines để bước vào nhà ga hàng không San Francisco rộng thênh thang. Anh và Tuyết, Khôi, Vỹ và Bằng đang ngơ ngác nhìn quanh thì Hùng và Tâm đã tiến đến gần cửa vào. Hùng ôm lấy anh; Tâm cầm tay Tuyết dẫn vào phía trong. Sau 17 năm, Hùng có già đi, nhưng vẫn khoẻ mạnh và nhanh nhẹn. Tâm tươi tắn, đẩy đà, bệ vệ như một mệnh phụ trong bộ áo đầm sang trọng. Nhìn y phục lịch sự của Tâm và chiếc áo vét đã cũ và nhàu nát sau nhiều giờ ngồi trên máy bay của Tuyết, Tuấn nhận thấy rõ sự cách biệt giữa hai người. Sự tương phản càng gia tăng khi Tuấn so sánh thái độ rụt rè, ngượng ngùng của Tuyết với những cử chỉ thành thạo, nét mặt tự tin của người em dâu khi Tâm hướng dẫn Khôi và Vỹ đi lấy hành lý.

Cái mặc cảm tự ti ấy kéo dài và tồn tại mãi suốt trong bữa cơm đoàn tụ tối hôm ấy. Sau khi hỏi thăm tin tức về bà con, bạn bè và tình hình ở quê nhà, Hùng hồn nhiên biểu lộ nỗi vui mừng khi gặp lại vợ chồng người anh ruột và trình bày những nỗi khó khăn mà những người tị nạn mới đến Mỹ phải giải quyết: vấn đề nhà cửa, xe cộ, việc làm của chính mình và việc học hành của con cái... Hùng hứa ngay rằng sẽ tuần tự giúp đỡ anh và khuyến khích:

—Mới đầu thì lạ nước lạ cái, nhưng sau một thời gian ngắn, đâu sẽ vào đấy cả.

Tâm thẳng thắn, cởi mở cho biết những thành tích cuả gia đình mình. Hùng là kỹ sư điện toán; Tâm là nhân viên của ngân hàng Bank of America. Lân, con trai lớn của Hùng và Tâm, kỹ sư hoá học, mới đi làm

được năm tháng. Hằng, con gái út, đang học tại một trường trung học gần nhà.

Trong suốt bữa ăn, Tuyết ít nói, chỉ thỉnh thoảng đặt vài câu hỏi liên quan đến cuộc sống mới. Tuấn nhìn ba đứa con trai của mình với vẻ lo ngại rõ rệt. Rồi đây chúng sẽ học hành ra sao, có "đâu vào đấy" như Hùng nói không? Vừa nghe Tâm nói, Tuấn vừa nghĩ rằng mình qua Mỹ quá chậm, sau mấy năm dài quần quại trong lao tù cộng sản. Thêm vào đó, như Tâm nói, nước Mỹ đang gặp khó khăn về kinh tế. Cơ quan chính phủ cũng như xí nghiệp tư đang sa thải nhân viên, cho nên rất khó tìm việc làm, nhất là đối với những người lớn tuổi. Tâm cho ý kiến:

— Em không rõ khả năng Anh ngữ của anh chị như thế nào, nhưng em nghĩ rằng anh chị khó mà tiếp tục nghề dạy học ở bên này. Có lẽ anh chị nên học một nghề mới.

Hùng cho biết thêm:

— Anh chị nên học nghề trong một thời gian ngắn. Khoảng sau sáu tháng là có thể đi làm được. Cũng vừa đúng lúc hết trợ cấp welfare cho người tị nạn theo diện H. O. là 8 tháng. Sau đó, có thể tiếp tục học thêm.

Tám tháng trôi qua, nhanh chóng không ngờ. Các con của Tuấn đã vào trường, nhưng anh và Tuyết vẫn chưa kiếm được việc làm sau 6 tháng học một khoá huấn luyện để làm nhân viên văn phòng. Cũng trong thời gian này, anh đã làm quen với nếp sống trên vùng đất mới.

Dù bận rộn, Hùng đã dành khá nhiều thì giờ để hướng dẫn Tuấn sử dụng xe búyt, mua bán ở các siêu thị, ghi tên học nghề, xin trợ cấp tại các cơ quan xã hội, tìm việc làm... Trong mấy tuần đầu, trong những lúc đi ra ngoài, Tuấn nhận thấy mình vụng về, đôi khi bối rối. Anh chưa am hiểu phong tục của người bản xứ, chưa nhớ hết những thói quen cần phải có, những ước lệ xã hội phải tôn trọng. Anh quên xếp hàng khi lên xe búyt, bước vào thang máy; có khi anh đến gặp nhân viên phụ trách ở ty xã hội mà không hẹn trước... Thêm vào đó, anh nghe tiếng Anh không kịp, nói không trôi chảy. Anh tự trách mình chậm chạp, nhận định sai lầm những sự việc xảy ra hàng ngày và vì thế, có khi làm phiền người khác. Có phải anh đã lớn tuổi và không còn sáng suốt nữa? Hay những năm tháng gian khổ trong những trại cải tạo đã làm cho tinh thần anh suy nhược và mất đi cái lanh lợi, sắc bén ngày trước? Hay anh đã quen sống trong xã hội xô bồ, vô trật tự dưới chế độ cộng sản nên khó thích nghi với môi trường ở đây?

Nhưng những ngày bỡ ngỡ ấy đã qua rồi. Tuấn đang dần dần đi vào xã hội Mỹ và đang được tự do. Nhưng gần đây, anh nhận ra rằng, *sau khi chọn tự do, anh phải chọn một lối sống*. Mà chọn một lối sống trên vùng đất khách này cũng quan trọng như chọn tự do vậy.

Sau một năm, anh đã quen với nếp sống mới. Nhưng anh chưa thực hoà mình vào cái môi trường đa dạng và phức tạp này và vẫn đứng bên lề của nó. Những ngày anh sống ở đây giống như một dòng nước khác màu chảy riêng rẻ, không đổi sắc để trộn lẫn vào con sông lớn, cũng như những vùng nước khác màu trên biển cả, trước mặt anh, đang lung linh gợn sóng trong ánh nắng chiều.

Nghĩ đến việc chọn một lối sống, đến thái độ trước cuộc sống mới của những lớp người đã định cư trước anh, Tuấn chợt nhớ đến một người bạn thân từ gần 20 năm nay chưa gặp lại. Khi được tin Tuấn đã đến Mỹ, Nhân viết cho anh một lá thư dài. Hiện cộng tác với một hãng thông tấn tại Paris. Nhân say mê công việc của mình và yêu mến thủ đô nước Pháp. Anh đã cư ngụ tại nhiều nước ở Âu châu, Phi châu và Mỹ châu, làm nhiều nghề khác nhau, và ở đâu, anh cũng dễ dàng thích ứng với đời sống địa phương. Anh không khăng khăng đòi ăn phở hay bún bò, bánh khoái hay chả giò. Tâm hồn khoáng đạt, anh luôn luôn đi tìm cái mới lạ, cái chưa biết, và không bị những tập quán cổ truyền của dân tộc ràng buộc một cách khắt khe. Vui tính, giản dị, anh đi đến đâu là nhà ở đó. Anh không có thành kiến về người và việc và không khư khư ôm cứng lấy một số khái niệm quen thuộc về nhân sinh. Cho nên anh dễ dàng hòa mình với người ngoại quốc. Anh có nhiều bạn bè thuộc những nền văn hoá khác nhau sống rải rác từ Á sang Âu, từ Phi sang Mỹ. Lòng anh rộng mở và tâm hồn anh lộng gió bốn phương. Dù không lộ liễu thắc mắc về việc duy trì bản sắc của dân tộc, trong thực tế, trong khi thoải mái—và đôi khi nồng nhiệt—hội nhập những xã hội địa phương, anh vẫn là người Việt Nam từ mái tóc đến đầu ngón chân.

Tuấn biết rằng mình không thể hành động như người bạn qúy của anh, dù anh không hẹp hòi, cố chấp như một số người không muốn tìm hiểu, cảm thông và thích nghi với một môi trường khác lạ. Từ ngày đặt chân lên đất Mỹ, anh đã đọc và nghe nói về chủ trương "bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc". Anh chưa hiểu rõ phải bảo tồn những gì và phhát huy văn hoá theo chiều hướng nào. Bảo tồn ngụ ý là sợ mất đi. Nhưng phải áp dụng những phương thức nào để duy trì những phong tục, tập

quán, những di sản tinh thần trong những điều kiện của môi trường này, nhất là đối với thanh thiếu niên? Ngay trong gia đình Hùng, Hằng không nói được tiếng Việt.

Gần đây, Tuấn có tham dự lễ Giỗ Tổ Hùng Vương do các hội đoàn địa phương tổ chức rất trọng thể và đúng theo nghi thức cổ truyền. Trong bầu không khí trang nghiêm cổ kính với bàn thờ Tổ quốc, cờ xí, hương án, chậu sứ, bình hoa, các cụ cao niên mặc áo gấm hay áo thụng xanh làm lễ giỗ. Từ trong một chiếc lư đồng cao sáng chói, hương trầm toả ra ngào ngạt. Tuấn bùi ngùi xúc động và không cầm được nước mắt: từ năm 1975, đây là lần đầu tiên anh dự một buổi lễ tưởng nhớ và tri ân những anh hùng dựng nước để tự hào về nguồn gốc của dân tộc mình. Nhưng anh không khỏi thắc mắc: nhìn quanh hội trường, anh chỉ thấy lác đác năm bảy người trẻ tuổi. Rồi đây, trong năm, mười năm nữa, lễ Giỗ Tổ ở hải ngoại có còn được tổ chức nữa hay không, hay sẽ được tổ chức dưới một hình thức khác?

Tuấn nhớ lại rằng, khi nghiên cứu nguồn gốc Thơ Mới, nhà phê bình văn học Hoài Thanh khẳng định: sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ. Ông cho rằng "một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh và vũ trụ, và có ngày ta sẽ thay đổi cả quan niệm cuả phương Đông". Rồi tác giả *Thi Nhân Việt Nam* nhận xét rằng "phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong tâm hồn ta và ta không thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu ghét giận hờn nhất nhất như ngày trước".

Cái đinh, đôi giày, cái mũ, cái đồng hồ, cái xe đạp... đã thay đổi cách cảm nghĩ của lớp đàn anh chúng ta như thế, thì ngày nay, tự chúng ta đến với phương Tây, sống giữa lòng phương Tây, ảnh hưởng của phương Tây đối với chúng ta sâu rộng như thế nào? Đây là một cơ hội rất tốt để chúng ta hấp thụ tinh hoa, văn hoá và kỹ thuật tân tiến cuả xứ người. Nhưng có phải là rút kinh nghiệm cuả giai đoạn lịch sử tiền chiến, chúng ta muốn bảo tồn cái hay cái đẹp cuả văn hoá dân tộc? Vào những thập niên 30, 40, trong mục đích canh tân để tiến bộ, có những người chủ trương theo mới, hoàn toàn theo mới. Họ chấp nhận những tư tưởng, nếp sống phương Tây và từ bỏ những phong tục tập quán mà họ cho là cổ hủ. Họ đã vô tình lãng quên những giá trị tinh thần cao đẹp đã giúp cho đất nước chúng ta tồn tại và phát triển..

Tuấn ngẩng đầu nhìn lên: những đám mây lớn dần mỏng ra, kéo nhanh về phía đất liền, và mặt biển sáng chói lên, rực rỡ. Những đột gió mạnh thổi đồn ào ạt; không gian bỗng trở lạnh. Mấy người thanh niên vẫn cúi mình trên những chiếc xe đạp, lao nhanh trong ánh nắng chiều, nhưng những người tắm biển đã lần lượt bước vào bờ. Tuấn cũng đứng lên, lòng chưa hết hoang mang. Trước mặt anh, những đợt sóng nối nhau đồn dập không dứt như đang kiên nhẫn đuổi theo một mục tiêu xa vời không biết đến bao giờ mới đạt được. Mặt bể bồng bềnh dâng cao, dâng cao nữa và như nghiêng hẳn về bên trái để đổ cả một khối nước khổng lồ vào bãi cát dài.

Những đợt gió bao trùm lấy Tuấn, quấn mãi vào người anh. Anh đứng yên và như nghe thấm dần vào cơ thể cái hương vị mặn mà của quê hương do những cơn gió mang lại từ bên kia bờ đại đương. Nhưng, cùng một lúc, anh chua xót ý thức rằng anh đứng ở bờ bên này, cách xa mảnh đất trên đó anh sinh ra, lớn lên và hoạt động trong một thời gian dài. Anh đang bơ vơ, lạc loài trên bãi cát này, trước những đợt sóng một lúc một cao hơn và đang đổ những tiếng vỗ vào lòng anh, vang dội. Anh chưa tìm được một hướng đi.

Tuấn bước qua bên kia đường để trở về nhà và kết thúc một ngày đi tìm việc làm không có kết quả.

Ra khỏi phạm vi thành phố Los Angeles được một lúc, chiếc xe rẽ vào xa lộ Pacific Coast Highway số 1. Tuấn chợt nhìn thấy biển. Dưới ánh nắng chói chang của buổi trưa hè, mặt biển xanh thẳm kéo dài bất tận. Trung đưa tay trái chỉ ra xa:

— Nhà tôi ở bên kia kìa.

Tuấn không đáp. Anh đang bận suy nghĩ về cuộc phỏng vấn ngày hôm qua. Nhờ một người bạn chung cho biết, Tuấn và Trung đã nạp đơn xin làm việc tại một khách sạn lớn ở trung tâm Los Angeles. Hôm kia, hai người đã từ San Francisco về đây để được phỏng vấn. Số người xin việc khá đông. Tuấn chưa có kinh nghiệm trong nghề; anh lại nói tiếng Anh không được lưu loát. Vì vậy, anh không tin rằng mình sẽ được chấp nhận. Anh quay qua hỏi Trung:

— Anh xem chúng mình có hy vọng gì không?

— Gay lắm!

— Đã liên tục kiếm việc làm từ hơn bốn tháng nay mà không được gì, tôi lo quá. Làm sao nuôi nổi vợ con? Hơn nữa, cứ bị từ chối hoài, tôi đâm ra bực bội nhận thấy mình không có khả năng. Tôi có mặc cảm khó chịu là mình bất lực, không làm tròn trách nhiệm của một người chủ gia đình.

— Cũng vì vậy mà có người tự tử.

Giọng nói của Trung có vẻ thản nhiên, nhưng Tuấn nghe như một lưỡi dao sắc chém xuống thân một cây chuối để xác nhận một sự thực tàn nhẫn. Hai người lại im lặng. Chiếc xe lướt nhanh trên con đường nhựa phẳng lì, trong ánh nắng vàng trong suốt. Trung với tay lấy cốc cà phê, uống từng ngụm nhỏ. Tuấn tựa hẳn người ra đằng sau, tay phải móc vào sợi dây an toàn. Anh tiếp tục suy nghĩ về hoàn cảnh của hai người và muốn chia sẻ với người bạn đồng nghiệp trong ngành giáo dục những ưu tư dai dẳng của anh trong vài tháng gần đây:

— Chúng ta đến tị nạn tại một quốc gia khác để tìm tự do và để làm lại cuộc đời. Nhưng sau khi chọn tự do rồi, chúng ta phải chọn một lối sống. Ta phải sống thế nào trong một xã hội khác biệt với xã hội Việt Nam về nhiều mặt?

— Đó là một trong những thắc mắc chính của chúng ta, lớp người trung niên. Có lẽ các cụ lớn tuổi và những thiếu niên không có những băn khoăn của chúng ta. Các cụ ít lưu tâm đến cuộc sống của người bản xứ hay những di dân thuộc các sắc tộc khác. Quanh quẩn trong cộng đồng Việt Nam, họ sống với quá khứ, như 20, 30 năm về trước ở quê nhà. Cái mới làm cho họ e ngại và họ không muốn thay đổi. Còn các em thiếu niên sinh ra và lớn lên trên đất nước này, hấp thụ nền giáo dục Mỹ, có bạn bè Mỹ cho nên dễ dàng hội nhập. Có lẽ đến lúc lớn lên chút nữa, các em mới thấy có vấn đề.

— Có phải đến lúc ấy, người thanh niên Việt Nam muốn đi tìm bản sắc của mình?

— Đúng là như thế. Lớp thanh niên ấy đã Mỹ hoá và tưởng mình là Mỹ, nhưng người Mỹ vẫn cứ xem họ là người Việt Nam. Họ sẽ phải xác định lại căn cước của mình. có người thành thực nghĩ rằng họ vừa là Mỹ vừa là Việt Nam.

— Các nhà xã hội học khi nghiên cứu những sắc dân di cư đến Mỹ, có nhận định rằng thế hệ di dân thứ ba thường muốn quay về với nguồn gốc của mình.

Trung đưa tay hạ tấm bảng che nắng xuống để tránh ánh nắng gay gắt chiếu thẳng vào tấm kính chắn gió, rồi trầm ngâm một lúc khá lâu. Một lát sau, anh nói:

— Tôi vừa nhớ đến một câu chuyện đáng buồn. Mới đây, tôi có đọc cuốn *Tuyển Tập và Di Cảo* của Phạm Quỳnh, xuất bản tại Paris năm 1992. Trong bài "Chuyện Tâm Tình", học giả họ Phạm kể lại tấn bi kịch của một thanh niên trí thức. Con dòng cháu giống, sau nhiều năm du học ở Pháp, anh thành tài và trở về Việt Nam. Theo chính anh nói, thì vì ảnh hưởng của nền giáo dục Tây phương, anh cảm thấy cách biệt hẳn với xứ sở và nòi giống của mình. Anh không có cảm tình với đồng bào của anh, và sống trong lòng quê hương, anh như sống ở một nước xa lạ. Và anh muốn bỏ nước mà đi, qua ở luôn bên Pháp.

— Đó là một trường hợp ngược lại với trường hợp của chúng ta hiện nay. Không hấp thụ nền giáo dục Mỹ, anh và tôi rơi vào một mãnh đất và một nền văn hoá khác lạ. Chúng ta bị choáng váng bởi cái mà người ta gọi là cái "sốc" văn hoá. Rồi đây chúng ta sẽ phải thích nghi như thế nào với xã hội mới?

— Chúng ta thử trở lại với trường hợp có vẻ cực đoan của người thanh niên nói trên. Dựa theo sự phân tích của nhà văn Pháp Maurice Barrès, Phạm Thượng Chi nghĩ rằng người thanh niên ấy bị mất gốc, là một người "vong bản", và cần phải trở về nguồn gốc của mình, phải "hồi bản".

Tuấn lắng nghe, suy nghĩ một lúc, rồi góp thêm ý kiến:

— Tôi cũng nhớ rằng, khi luận về sự gặp gỡ và khác biệt giữa Đông và Tây, từ đầu thế kỷ này, Phạm Thượng Chi chủ trương dung hoà hai nền văn hoá Đông Tây, lấy cái hay và bỏ cái dở của hai nền văn hoá ấy. Nhưng ông sáng suốt nhận thấy ngay rằng việc ấy khó thực hiện, nhất là vì nền giáo dục thiên về Tây phương do thực dân áp đặt cho dân tộc ta hồi đó đang gây thêm khó khăn cho sự dung hoà. Có lẽ ông là người đầu tiên cổ xúy việc bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc.

– Ngay ở trong nước mà vấn đề còn khó giải quyết như thế, thì ngày nay, con em chúng ta ở trên xứ người, học trường bản xứ, có khi không nói được tiếng mẹ đẻ, thì vấn đề còn phức tạp hơn nhhiều. Nhưng có một điểm lợi cho chúng ta ở đây là người Mỹ chấp nhận một xã hội đa văn hoá và khuyến khích sự phát huy của những nền văn hoá khác nhau trên đất Mỹ.

Hai người bạn lại im lặng. Chiếc xe vẫn lướt nhanh trên xa lộ, lên dốc, xuống dốc và chạy dọc theo bờ cát trắng ở dưới thấp. Bên phải Tuấn, trên những sườn đồi thoai thoải, những ngôi nhà xinh xắn sơn trắng sáng lên trên bãi cỏ xanh như những biểu tượng của một nếp sống thanh bình và có trật tự. Phía bên trái, mặt biển vẫn trải dài một màu xanh thẳm và gợi lên ý niệm về không gian vô tận. Trung vốn quê ở Nha Trang. Biển, sóng, gió, cát, mõm đá.... đối với anh là những hình ảnh cuả tuổi hoa niên. Nhưng anh không muốn những hình ảnh cũ kéo anh trở về quá khứ. Anh hướng về ngày mai... Tuấn cắt ngang dòng tư tưởng của anh:

— Từ ngày đến Mỹ, càng muốn thích nghi với môi trường mới, tôi lại càng nhận rõ sự khác biệt giữa Đông và Tây. Anh thường nghiên cứu lịch sử, chắc càng chú ý đến điểm ấy.

Trung uống thêm một ngụm cà phê, cho chiếc xe đổ hết con dốc dài rồi mới trả lời bạn:

– Ai cũng còn nhớ một câu nói đã cũ: Đông là Đông và Tây là Tây và hai bên không bao giờ gặp nhau. Rồi có người không đồng ý và quyết đoán: Đông và Tây sẽ gặp nhau. Có người lập luận chung rằng vì tốc độ của giao thông, vận chuyển đang gia tăng nhanh chóng, con người trên mặt đất ngày càng dễ dàng tiếp xúc với nhau và trở nên gần gũi với nhau hơn. Do đó, các nền văn hoá giao lưu thường xuyên hơn, xích lại gần nhau hơn và sự khác biệt giữa các nền văn hoá ngày càng giảm bớt... Và cuộc tranh luận cứ thế mà tiếp diễn.

— Như vậy ta phải chấp nhận rằng sự tương phản và cả sự xung đột nữa giữa Đông và Tây, trong suốt chiều dài lịch sử, đã phát sinh, phát triển và tồn tại cho đến ngày nay.

– Đúng như thế, nhưng Đông và Tây có xung đột nhau cũng không sao. Xoá bỏ những dị điểm giữa các nền văn hoá sẽ tạo ra sự đình đốn của các nền văn hoá ấy. Tình trạng ấy—mà người Mỹ gọi là *cultural stagnation*—nếu xảy ra, sẽ còn nguy hại hơn sự xung đột giữa các nền văn hoá cuả nhân loại.

— Theo chiều hướng liên hiệp giữa một số quốc gia hiện nay, những nền văn hoá khác nhau sẽ có cơ hội hoà hợp với nhau không?

— Tôi không rõ. Nhưng căn cứ vào những kinh nghiệm của lịch sử, thì sự tiến bộ của loài người là kết quả của sự tiếp xúc, va chạm. Sự tiếp xúc giữa những nền văn hoá, sự mâu thuẫn giữa những chủ thuyết, tư

tưởng thường là nguồi gốc của sự phát minh. Nếu trong một thời gian dài mà không có sự tiếp xúc, va chạm thì sẽ xảy ra tình trạng trì trệ, bế tắc như đã từng xảy ra cho những xã hội sống riêng lẻ, cách biệt với những xã hội khác.

— Anh có cho rằng trên nước Mỹ này, có sự trộn lẫn, va chạm của nhiều văn hoá khác nhau?

— Tôi nghĩ rằng có sự hoà hợp, va chạm và ảnh hưởng hổ tương. Trong thời gian vừa qua, chúng mình chứng kiến, và đôi khi tham dự, những hoạt động văn hoá phong phú và đa dạng cuả khá nhiều sắc tộc khác nhau sống trong thành phố San Francisco. Những trung tâm văn hoá, những hội đoàn Nhật, Hoa, Đại Hàn, Pháp, Do Thái, Châu Mỹ La Tinh.... thường xuyên giới thiệu và trình bày những sắc thái văn hoá của họ qua báo chí, truyền thanh, truyền hình, những buổi triển lãm tranh ảnh, trình diễn âm nhạc...Và hàng năm hầu hết những sắc dân đều có tổ chức ngày hội lớn của dân tộc với diễn hành, ca múa. Chắc anh cũng nhận thấy rằng ở Cựu Kim Sơn, hầu như ai cũng là người ngoại quốc. Tình trạng ấy làm dịu bớt nỗi lạc loài nơi xứ lạ.

— Đặc biệt Cựu Kim Sơn có rất nhiều tiệm ăn ngoại quốc, từ Á châu đến Trung Đông. từ Âu châu đến Trung và Nam Mỹ. Tha hồ mà lựa chọn. Nhưng sự lựa chọn nào mà chẳng khó khăn?

– Tóm lại, tôi nghĩ rằng những người ít thông cảm thường phóng đại những khác biệt giữa Đông và Tây. Nhưng không chú trọng đến những khác biệt ấy cũng không đúng. Ta phải phân tích, c ân nhắc những khác biệt ấy.

Chiếc xe vượt qua một thị trấn nhỏ với những biệt thự khang trang, những bãi cỏ rộng và những công viên trồng hoa tươi thắm đang nở rộ. Về phía trái, đại dương vẫn còn đó, sinh động và vĩnh cửu. Bỗng Trung giảm tốc độ, lái chiếc xe vòng qua phải, rồi quay về hướng bãi cát, gần mấy đống đá lớn. Anh cho xe đỗ hẳn lại:

— Mình nghỉ ở đây một lúc, ăn cái gì đã. Anh đã đói bụng chưa?

Tuấn bước ra khỏi xe, đứng nhìn ra mặt bể. Dưới ánh nắng chiều và trong gió lộng, mặt nước lấp lánh sáng như những ước mơ anh ấp ủ từ lâu và vẫn không ngừng sáng chói trong lòng anh, những ước mơ xây dựng một cuộc sống tươi đẹp hơn cho anh, gia đình anh và quê hương anh.⊙

hoàng liên

CHÂN PHƯƠNG

Giao hợp với mùa thu

gió đã trói những chiều cuối tuần
vào mớ nhánh cành chiêm bao héo úa

trên cánh đồng chín vàng của thịt da em
tôi không còn đi mót mấy vần thơ

với chai rượu bỏ quên trên trăng
và chiếc giường trống trơ trên mặt đất

tôi đã sẵn sàng cho giấc ngủ
có đôi cánh đóng băng chấp chới giữa trời đông

đắp hết chiếu chăn kỷ niệm lên mặt hồ hoang
tôi trần trụi theo mây xám về nghĩa trang những tiếng đàn

nếu bây giờ có ai hỏi tôi:
tuyết với xương giống nhau ở điểm nào

tôi sẽ trả lời: chúng cùng màu trắng.

CHÂN PHƯƠNG

Huyền thoại hai người

năm tháng lưu đày
tiếp tục cõng quả đất
xoay quanh mặt nhật

trái tim
thì vẫn quay
theo quĩ đạo trăng

bây giờ
tôi đã hiểu

những vòng tròn với những vòng tròn

sống chết
hợp tan
ký ức hay quên lãng

tất cả đều đồng tâm

và ở giữa
là điểm nhỏ của hư không
có đường kính bằng
sợi tóc nửa đen nửa trắng

trên đó tôi gặp em
rồi tôi đánh mất em.

HOÀNG CHÍNH

nạn nhân

Thúy bước xuống cầu thang. Người cảnh sát mặc sắc phục ngồi chờ trong xe. Thấy bóng cô, anh ta mở cửa xe, bước ra chào và chìa tay bắt tay Thúy. Rồi tự giới thiệu và đi vòng qua phía bên kia mở cửa xe cho cô. Cô lí nhí cám ơn. Đã quen lắm rồi với những cử chỉ lịch sự của đàn ông Tây phương, nhưng cô vẫn không giấu được những xúc động thoáng qua. Đàn ông Việt Nam để gì galant được như vậy.

"Lần này chắc ông tòa sẽ không nương tay như lần trước..."

Người cảnh sát gợi chuyện, khi xe bắt đầu quay ra khỏi bãi đậu. Thúy cố nhớ xem mình đã gặp người cảnh sát này chưa, nhưng không được. Trí nhớ ngày càng đặc cứng lại như chất keo trong tiến trình lão hóa. (Mình già rồi, Trời ơi!) Cô xoay qua nhìn người cảnh sát, đò hỏi với một nụ cười:

"Chắc một vụ say rượu lái xe nữa?"

Người cảnh sát lắc đầu, mắt vẫn chăm chú nhìn phía trước, nơi có những ngọn đèn xanh đỏ nhấp nháy ở một cửa tiệm mới khai trương.

"Không. Hành hung và xâm phạm tiết hạnh..."

"Ồ."

Thúy hơi giật mình. Những vụ như vậy thường kéo dài nhiều tháng; rất phiền phức cho cả nhân viên cảnh sát lẫn người thông dịch.

Người cảnh sát liếc nhìn cô.

"Cô có ngại dịch những vụ như vậy không?"

"Không." Cô lắc đầu một cách dứt khoát. "Tôi ghét sự áp bức phụ nữ." "Tôi cũng vậy."

Tiếng nói chuyện eo óc qua hệ thống liên lạc trong xe cắt đứt đoạn đối thoại ngắn ngủi. Thúy liếc nhìn màn ảnh máy điện toán chớp nhá phía trước mặt. Người cảnh sát vừa lái xe, vừa đưa tay bấm trên bàn đánh chữ. Những người cảnh sát ở đây thật hay. Cô thầm nghĩ. Nhiều lần cô đã thấy họ vừa lái xe, vừa nói chuyện với đồng nghiệp, vừa theo dõi những chỉ dẫn trên màn ảnh máy điện toán, và vừa tiếp chuyện người thông dịch.

Đèn đỏ. Người cảnh sát đạp thắng. Chiếc xe khẽ chao đi, rồi ngừng lại ở gần một thương xá đông đúc. Thúy nhìn thẳng phía trước mặt. Đèn

đỏ này lâu thật. Cô thầm nghĩ và quay qua nhìn đám người lao xao bước trên lề phố. Cô bắt gặp những khuôn mặt Á châu đang đăm đăm nhìn mình. Những cái cười xúc phạm, bám cứng lấy vài khuôn mặt bộ hành Việt Nam hay Trung Hoa gì đó. Cửa kính xe đóng kín, nhưng cô cũng nghe được -trong trí tưởng tượng- những câu xì xầm, to nhỏ của họ. Cô cố mỉm cười thật tự nhiên. Nụ cười ấy -cô tin tưởng- sẽ giúp thiên hạ phân biệt cô với một tội phạm Á châu bị bắt về sở cảnh sát.

Đèn xanh. Người cảnh sát chợt nói:

"Lần này chắc ông tòa sẽ trừng trị hắn thẳng tay."

"Bộ hắn đã từng?"

Thúy bỏ lửng câu hỏi. Người cảnh sát vừa lái xe, vừa trả lời, một cách nóng nảy.

"ừ. Hắn đã từng bị bắt vì tội đánh vợ."

"ồ."

Cô gật gù, cố vạch ra trong trí nhớ hình ảnh vài người đàn ông Việt Nam, mà cô đã có dịp gặp trong những lần thông dịch trước với cảnh sát. "Không chừng cô cũng biết hắn ta nữa."

"Có thể..."

"Lần trước, hắn đã đánh vợ thật tàn nhẫn; đến nỗi phải vào bệnh viện." Hình ảnh gã đàn ông vũ phu hiện rõ trong trí cô. Cô thấy khổ tâm. Tại sao những chuyện như vậy cứ xảy ra hoài trong cái cộng đồng người Việt bé cỏn con này. Chắc lại ghen tương vớ vẩn. Những người đàn ông không thích ứng được với những đổi thay của xã hội. Đã qua tới đây rồi mà không bỏ được cái bệnh chồng chúa vợ tôi.

"Ông tòa nên trừng trị thẳng tay những kẻ ấy..."

Người cảnh sát cắt ngang ý tưởng cô bằng cái thành ngữ buồn cười trong tiếng Anh. The judge should throw the book at him. Ông tòa nên ném cuốn sách (chắc là sách luật?) vào người nó. Cái thành ngữ hay hay, làm cô buồn cười. Viên cảnh sát trẻ, chắc vừa bắt gặp cái cười của Thúy, cũng vui vẻ một cách hồn nhiên.

"Cô đồng ý với tôi không?"

"Đồng ý chứ..." Cô gật gù. "Đó là một tội ghê tởm!"

"Lần này hắn dám bị vài năm tù chứ chẳng chơi."

Xe chạy qua vài khúc quanh ngoằn ngoèo, và ngừng lại trước một tòa chung cư cao ngất ngưởng ở phía đông thành phố. Một chiếc xe cảnh sát đậu sẵn trong bãi đậu. Người cảnh sát bấm gì đó vào chiếc máy điện

toán bé như cuốn tập, trước khi mở cửa xe bước ra ngoài.

"Hắn ở trên tầng lầu mười hai."

"Vậy sao?"

Cô sửa lại mép áo vét, cho phủ xuống gọn ghẽ chung quanh chiếc váy đầm ôm gọn đôi chân thon, và thong thả bước theo người cảnh sát. Vài người lạ nhìn cô chăm chú. Đã quen lắm rồi với những cái nhìn đầy tra vấn ấy, nhưng sao cô vẫn cảm thấy những vệt gai ốc nham nhám nổi trên da.

"Một đồng nghiệp của tôi đang ở trên ấy."

Người cảnh sát nói nhỏ, lúc hai người bước vào thang máy. Thúy lặng lẽ gật đầu.

"Ở bên nước cô," người cảnh sát ngập ngừng, "chuyện hành hung vợ có xảy ra thường không?"

Câu hỏi làm Thúy nhớ ngay tới người mợ sống như tôi đòi trong gia đình chồng, và không tuần nào là không bị một trận đòn tàn khốc. Câu trả lời ngấp nghé ở cuống họng. Cô nuốt một ngụm không khí xuống bao tử, nén tiếng thở dài:

"Tương đối hiếm..."

"Có lẽ qua đây, người ta bị căng thẳng thần kinh..."

Thúy gật đầu, phụ họa cho lời giải thích của viên cảnh sát. Cửa thang máy chậm chạp mở. Người cảnh sát nhường cho cô bước ra trước. Hai người loay hoay tìm hướng mất vài giây, rồi cùng rẽ phía tay trái.

Họ dừng lại trước một khung cửa gỗ màu nâu. Người cảnh sát gõ cửa một cách mạnh bạo. Cánh cửa hé mở. Một khuôn mặt đàn bà trẻ trung hiện ra ở khe hở.

"Chào chị."

Câu chào tiếng Việt của Thúy phát ra, cùng lúc với tiếng chào xã giao của viên cảnh sát. Người thiếu phụ mở rộng cánh cửa và đứng nép vào một bên, sau khi đã đáp lại hai câu chào bằng một cái gật đầu hờ hững. Hai đứa trẻ xốc xếch quấn bên chân nàng. Thúy nhìn lướt qua người đàn bà bằng cái nhìn nhiều thiện cảm. Nàng còn trẻ. Khoảng ba mươi. Mái tóc dài tới ngang vai không được chải gỡ, rối ren như mới bị vầy vò. Đôi mắt lớn mở ra trên vừng trán vuông hơi giô ra phía trước. Chiếc sóng mũi vừa với khuôn mặt nhỏ nhắn đàn bà Á Đông. Cái miệng vạch dài ra hai khóe như lúc nào cũng sắp sẵn một nụ cười. Bộ đồ ngủ màu hồng lợt mỏng manh phủ không kín một thân hình dặm đà da thịt.

Thúy đứng xớ rớ bên cạnh viên cảnh sát, bối rối nhìn quanh. Người thiếu phụ ngồi xuống chiếc ghế dài trong phòng khách, lơ đãng thọc tay vào áo đứa bé gái, thong thả gãi lưng cho con. Đứa bé ngả người vào lòng mẹ, hai mắt lim dim. Thằng anh, cao hơn con bé em nửa cái đầu, cũng lẩn quẩn bên chân mẹ, lấm lét nhìn những người lạ mặt.

Đàng kia, quanh chiếc bàn ăn, một viên cảnh sát ngồi đối diện một người đàn ông Việt Nam. Thúy không nghe họ nói gì với nhau. Hai bộ mặt lạnh lùng của hai hình nhân âm thầm quan sát nhau, hai bên bức tường vô hình kiên cố.

"Bây giờ tôi sẽ làm biên bản với người vợ."

Người cảnh sát đi với Thúy nói, hướng về phía người đồng nghiệp đứng tuổi. Hai người loay hoay cạnh bộ sa lông trong phòng khách. Người đàn bà vẫn ngồi một cách dửng dưng ở giữa chiếc ghế dài, như sắp chủ tọa một phiên họp. Thấy người cảnh sát lại gần, đứa con trai níu lấy quần mẹ. Người đàn bà cúi xuống xoa đầu con. Manh áo ngủ hở cổ trùng xuống, mở ra hai khuôn ngực màu hồng căng tròn. Thúy bối rối nhìn xuống mặt bàn. Chẳng biết người cảnh sát có vô tình nhìn thấy không. Cô thầm áy náy. Thật là nhà quê! Tiếp khách thì ít ra cũng thay cái bộ quần áo ngủ đó ra. Thúy muốn nhắc với người đàn bà như vậy, nhưng không được. Cô chỉ là người thông dịch. Những thông dịch viên cho các cơ quan về luật pháp không bao giờ nói dư hay thiếu một chữ của cuộc đối thoại. Hai mảnh ngực đầy còn kín kín hở hở thêm vài giây, lúc người đàn bà vỗ về đứa con, rồi mới khép lại sau nếp áo. Người đàn bà thong thả ngẩng lên, ném cho hai người lạ mặt một cái nhìn kiểu cách, xa lạ.

"Bà kể cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra, để tôi ghi vào biên bản." Người cảnh sát nhập đề. Thúy dịch lại câu nói cho người đàn bà. Người đàn bà lặng lẽ gật đầu.

Lúc ngồi xuống chiếc ghế đối diện rồi, Thúy mới nhận thấy một vết trầy đỏ nhừ phía cằm bên phải của người đàn bà. Dấu vết hành hung đây rồi. Còn chạy tội vào đâu được nữa! Hối cái tên đàn ông tội lỗi ở góc phòng ăn kia. Bồi thẩm đoàn trong óc cô bắt đầu lao nhao hoạt động.

Giọng nói của người đàn bà trong trẻo như tiếng hót một loài chim. Nàng kể một cách gãy gọn những gì đã xảy ra từ mấy hôm nay. Trong một phiên xử trước đây, chồng nàng đã bị tòa cấm lại gần vợ và hai con. "Hôm qua, ông ấy về," Nàng gọi chồng bằng hai tiếng ông ấy nghe xa lạ

vô cùng. "Ông ấy ăn uống nhậu nhẹt ở đâu ấy, xin phép ở chơi với hai đứa bé. Thấy tội nghiệp, em cũng cho phép. Nhưng tối đến, ông ấy đòi... em. Em không chịu... Ông ấy cứ đòi cho bằng được... Xong việc, còn đánh đập em." Người đàn bà sụt sùi. "Sắp đến hạn ly dị. Ông ấy đòi... em, để em không đủ điều kiện ly dị." Thúy sực nhớ tới một điều kiện để tòa cho ly dị, là hai người phải ly thân một năm trước đó. Cô thấy tội nghiệp người đàn bà. Nếu trong vòng một năm, hai người có những liên hệ tình dục, đơn xin ly dị của họ sẽ không được chấp nhận.

"Ông ấy đánh chị ở đâu?" Cô lập lại bằng tiếng Việt, câu hỏi của người cảnh sát.

"Ở mặt, ở ngực, ở lưng... Khắp cả mọi chỗ. Ông ấy nói là ông ấy sẽ đánh ở những chỗ em không dám đưa ra cho cảnh sát coi..."

Người cảnh sát vừa khẽ lắc đầu, vừa vội vã ghi những lời khai đắng chát vào tờ biên bản.

"Bà bị đánh ở chỗ nào?"

Người cảnh sát hỏi lại. Thúy dịch sang tiếng Việt và chăm chú nhìn người đàn bà, chờ câu trả lời.

Hai mắt người đàn bà chớp vội, như vướng bụi. Nàng nhìn lướt chung quanh. Tia nhìn bối rối, chập chờn như con bướm bay lạc vào khu vườn lạ. Sau cùng nàng thì thào,

"Ở đùi..."

"Tôi sẽ chụp hình để làm chứng cớ trình trước tòa." Người cảnh sát lôi trong chiếc túi xách nhỏ ra một chiếc máy ảnh, loại chụp hình lấy liền. "Chúng ta có thể chụp hình trong nhà tắm được không?"

Người đàn bà đáp bằng cái gật đầu, và uể oải đứng dậy. Ba người chậm chạp bước vào nhà tắm. Lúc đi ngang qua chiếc bàn ăn, Thúy liếc trộm gã đàn ông vũ phu. Hai vết quầng thâm dưới hai hố mắt hằn đậm lên dưới ánh đèn. Những sợi râu mép loe hoe, vênh váo như khiêu khích, chọc ghẹo cô. Quân tàn bạo! Cô thầm nghĩ và bước vội theo viên cảnh sát và người đàn bà. Những đứa bé quấn quýu nhùng nhằng bên chân họ. Người đàn ông gọi con lại. Hai đứa trẻ ngập ngừng nhìn bố rồi lại quấn lấy chân mẹ.

Đống quần áo đồn ứ ở góc nhà tắm dập vào mắt cô. Những khăn tắm, vớ da người, đồ lót treo lủng lẳng trên móc. Người đàn bà quơ tay gạt cặp vớ lưới màu đen mỏng qua một bên. Những mắt lưới rộng như chiếc lưới ở cây vợt bắt bướm của trẻ em. Thúy ngán ngẩm nén một

tiếng thở dài, và khép cánh cửa lại ở phía sau. Người cảnh sát loay hoay soạn máy chụp hình. "Bà có thể cởi áo ra được không?"

Nét mặt người cảnh sát lạnh lùng, nhưng giọng nói thì ấm áp, ân cần. Thúy bối rối nhìn người đàn bà, bắt gặp cái nhún vai thoáng qua, và sau đó là những động tác gấy gọn, dứt khoát. Một thân thể trắng muốt hiện ra trước mặt cô.

"Chỗ này này." Người đàn bà chỉ vào những vết cào xước đỏ sậm trên ngực và phía dưới cạnh sườn. "Nó cào xé tôi..."

Người cảnh sát nhìn đăm đăm vào những vết trầy rướm máu.

"Chỗ này nặng nhất phải không?"

Người đàn bà gật đầu trước khi nghe hết câu dịch nghĩa của Thúy. Ánh đèn nhá lên xốn mắt. Hai đứa trẻ đưa tay che mắt, khúc khích cười. Người cảnh sát cẩn thận đón lấy tấm hình chưa lên màu, vừa trườì ra từ trong máy.

"Thôi bà mặc áo vào đi. Cám ơn."

Ba người lớn và hai đứa trẻ lại nhùng nhằng đi ra phòng khách.

"Hắn đánh bà bằng gì?"

"Bằng tay."

"Chỉ đánh thôi à?"

"Ông ấy," người đàn bà ngập ngừng. "Ông ấy... nhấn nước tôi."

"What?"

"Ông ấy mở đầy bồn nước rồi ấn đầu tôi vào."

"Bà có bị ngộp thở không?"

"Trời ơi! Tôi gần chết..."

Thúy vừa dịch vừa liếc về phía người chồng ở phòng ăn. Cái vẻ nhấp nhổm của hắn làm cô khó chịu. Hắn muốn cãi lắm rồi chắc. Cái mặt thú dữ kia ai mà cứu được. Lần tái phạm này chắc chắn hắn sẽ ở tù. Cô thầm tiếc là Canada không có ghế điện để xử những tên đàn ông vũ phu; những tên đàn ông chỉ như cái xác rỗng nhét đầy tham vọng.

"Rồi hắn làm gì bà nữa?"

Người cảnh sát hí hoáy với cuốn sổ và cây bút. Đôi mắt người đàn bà long lanh. Đôi môi nàng cong, để lộ ra một vết trầy lờ mờ ở khóe trái, lợt hơn những vết trầy ở bên phải. Đôi mày nàng cau lại. Cuốn sổ tay trong lòng bàn tay trái, cây bút Bic trong tay phải, người cảnh sát kiên nhẫn chờ câu trả lời. Đứa bé trai đã rời mẹ, loay hoay với món đồ chơi bằng nhựa trên nền nhà trải thảm màu xám.

"Ông ấy... đòi tôi..."

Thúy dịch lại câu nói một cách khó khăn.

"Ông ấy có làm gì bà không?"

"Sao không?"

"Rồi bà có chống cự không?"

Người đàn bà cúi đầu, lặng thinh.

"Có không?"

"Có... lúc đầu..."

"Tại sao chỉ có lúc đầu?"

"Dù sao cũng đã ăn ở với nhau có hai mặt con..."

Câu nói đầy vẻ chịu đựng của người đàn bà làm lòng Thúy lắng xuống. Câu nói của bao nhiêu thế hệ phụ nữ Việt Nam. ừ, dù sao thì cũng ăn ở với nhau có hai mặt con rồi. Cái tâm trạng tức cười của những người đàn bà cổ hủ không cách gì Thúy hiểu nổi. Mai mốt cô có chồng; chồng cô mà như vậy hả, 911 ngay lập tức! 911; ba con số mạnh như một câu thần chú. Chưa hết, sau đó là văn phòng luật sư, là thủ tục ly dị, là tiền cấp dưỡng...

"Okay, thanks." Người cảnh sát vừa nói vừa đóng cuốn sổ lại.

"You are welcome." Người đàn bà trả lời, mặt hơi hất lên sau câu nói. "Bây giờ chúng ta sẽ làm việc với người chồng."

Người cảnh sát quay qua nói với cô. Họ tiến về phía chiếc bàn phòng ăn. Thúy "hi" với người cảnh sát đứng tuổi và khẽ gật đầu chào người đàn ông. Hắn đáp lại bằng một nụ cười và một cái gật đầu cũng mỏng teo và gượng gạo như cái gật đầu của cô.

Họ kéo ghế ngồi quanh bàn ăn. Một thứ mùi là lạ xốc vào mũi Thúy. Cô cố giữ vẻ mặt thản nhiên. Mùi chua ngai ngái của thức ăn hôi vữa, mùi đầm đầm của nước tương... mùi ẩm mốc của bếp núc không được lau chùi, dọn dẹp kỹ càng.

Người cảnh sát đứng tuổi lật cuốn sổ tay nhỏ, bắt đầu đọc cho người đàn ông nghe những lời thông báo thi hành phận sự của họ.

"...Tất cả những lời khai của anh sẽ được ghi lại, và sẽ dùng làm chứng cớ trước tòa..."

Thúy đã nghe những lời này hàng trăm lần. Cô dịch lại một cách trơn tru như đứa bé đọc bài học thuộc lòng trước mặt thày giáo. Mỗi tuần, cô phải đi dịch cho cảnh sát ít nhất một lần. Thành phố nhỏ bé. Cộng đồng người Việt chẳng bao nhiêu so với những sắc dân khác,

nhưng...

"Anh kể cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra."

Câu nói của người cảnh sát ngắn, gọn làm Thúy giật mình. Cái đầu người đàn ông bắt đầu ngọ ngoạy, như thể có cái gì đó vướng trên cổ. Hắn ngập ngừng một lát như cố sắp xếp những lời khai cho hợp lý. Một lát, hắn ngước lên, hai đuôi con mắt xếch như mắt một tướng Mông Cổ đã mỏi mệt sau cuộc chinh phạt. Sự im lặng của hắn làm khoảng không gian hình khối trong phòng ăn chùng xuống. Tiếng rù rì của chiếc tủ lạnh cũ ở góc phòng chìm vào tiếng khua lóc cóc của món đồ chơi đứa bé đang đẩy ngoài phòng khách.

Khi sự chờ đợi của mọi người đã đặc keo lại, hắn mới lấm lét nhìn lên. Cái nhìn pha chút nhẫn nhịn và ngao ngán làm Thúy áy náy trong lòng. "Hôm nay sinh nhật của cô ấy," hắn chậm rãi. "Tôi muốn làm surprise nên xin về sớm, ghé chợ mua cho cô ấy một món quà..."

Thúy dịch từng câu nói của người đàn ông. Giọng nói trầm trầm của hắn làm dấy lên trong lòng cô cái thắc mắc mỏng như sợi tơ nhện vướng víu khó chịu. "...Vừa vào đến nhà, tôi bắt gặp cô ấy..."

Hắn ngưng ngang câu nói. Đôi lông mày rậm nhíu lại trên vừng trán hẹp. Những nếp nhăn hằn trên trán và hai bên khóe miệng. Hắn nuốt nước bọt. Những ngón tay hắn co quắp trên mặt bàn. Sợi gân máu xanh nổi trên lưng bàn tay hắn, như con giun đất phập phều. Những ngón tay co lại, duỗi ra trên mặt bàn gỗ ép.

"Sao nữa?" Người cảnh sát lạnh lùng hỏi.

"...Tôi bắt gặp cô ấy trong phòng ngủ..."

"And?"

"Cô ấy đang... ngoại tình..."

"Bạn của tôi ăn nhằm gì tới anh?"

Câu nói của người vợ từ phòng khách vọng vào, chua chát, hằn học. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau.

"Bà ta nói gì vậy?"

Người cảnh sát trẻ hỏi Thúy. Cô dịch vội câu nói của người đàn bà, và liếc thấy cái mặt trắng trẻo của nàng vênh lên, ngang ngạnh.

"Rồi sao nữa?" Người cảnh sát đứng tuổi hỏi.

"Đây là lần thứ ba..."

"Rồi ông làm gì bà ấy?"

"Thằng đó bỏ chạy..."

"Rồi ông làm gì bà ấy?" Giọng người cảnh sát đanh lại.

"Dù sao tôi cũng vẫn là chồng..."

"Tôi hỏi rồi ông làm gì bà ấy."

Người cảnh sát gõ cây bút xuống bàn, như muốn đánh thức mọi người ra khỏi bầu không khí căng cứng của buổi họp ngoài dự tính.

"Tôi chứng tỏ cho cô ấy rằng tôi vẫn là chồng của cô ấy..."

"Là sao?"

"Tôi bắt cô ấy..."

Giọng người đàn ông thấp dần xuống, mỏng thưa đi, loạc choạc như những tiếng thì thầm ngái ngủ.

"Bà ấy có đồng ý không?"

"Lúc đầu thì không..."

"Rồi sao nữa?"

"Về sau thì cô ấy biết lỗi..."

"Đồ nói láo!" Từ phòng khách, người đàn bà lại ném vào cuộc thẩm thẩm vấn cái giọng lanh lảnh trong vắt của loài chim, và sừng sộ như những mảnh chai vỡ sắc cạnh. "Đứa nào biết lỗi? Đứa nào đi ngang về tắt mà còn bắt lỗi người ta..."

Người cảnh sát trẻ tuổi lại vồ lấy Thúy "What did she say?" Cô dịch lại câu nói của người vợ. Người cảnh sát đứng dậy, bước ra phía phòng ăn yêu cầu nàng yên lặng cho họ làm biên bản. Thúy phải dịch đi dịch lại câu nói của người cảnh sát ra tiếng Việt. Sau cùng, người thiếu phụ miễn cưỡng gật đầu. "Bây giờ ông phải về trạm cảnh sát với chúng tôi," người cảnh sát lớn tuổi nói, sau khi đã lấy tạm đủ những lời khai của người chồng.

Thúy nghi ngại nhìn người đàn ông. Anh ta khoảng ngoài ba mươi tuổi. Khuôn mặt đậm nét Á Đông. Nói chung, xem ra hắn cũng không đến nỗi thô lỗ. Chỉ ngặt một điều, những sợi râu loe hoe trên mép, gắn cho hắn cái vẻ cô hồn. Hắn lúng túng dẩy ghế, đứng dậy. Người cảnh sát lớn tuổi cũng đứng dậy theo.

"Cô sẽ đi chung xe với tôi và ông này."

Người cảnh sát đứng tuổi nói với Thúy. Cô thong thả gật đầu.

"Cô hỏi xem ông ấy có muốn thay quần áo không."

Người cảnh sát trẻ nhắc Thúy. Cô hỏi người đàn ông. Hắn ngần ngừ một chút rồi lắc đầu, nụ cười méo mó trên môi.

"Khỏi, cô à. Đi lên bót cảnh sát chứ có phải đi shopping đâu!"

Hắn pha trò, bảo hại Thúy phải dịch lại câu nói của hắn cho hai người cảnh sát. Cô chờ những nụ cười trên môi họ, nhưng trên hai khuôn mặt dân ông Tây phương ấy vẫn đầy cộm vẻ trang nghiêm, cứng nhắc.

Người đàn ông lầm lũi bước về phía phòng khách. Hai người cảnh sát xớ rớ bên cạnh hắn. Thúy chợt thấy hồi hộp. Cô thầm mong người đàn ông sẽ không có bất kỳ hành động liều lĩnh nào. Nhìn cái mặt lầm lì của hắn, chả ai có thể đoán biết được hắn đang toan tính chuyện gì. Hắn khẽ liếc nhìn vợ lúc đi ngang qua bộ sa lông cũ. Thúy thấy rõ chút ánh sáng le lói trong mắt hắn, thứ ánh sáng leo lét của ngọn đèn dầu lụi bấc trong một căn phòng tối ám. Hắn muốn nói gì với vợ thế nhỉ. Sao hắn không nói thẳng ra bằng lời. Bởi vì vợ hắn đâu có thèm nhìn hắn, và chắc chắn nàng không bắt được ánh mắt cạn dầu khô bấc của hắn. Bằng chứng là nàng đang lơ đãng lật những trang quảng cáo của một tờ báo biếu bằng tiếng Việt, trải rộng trên mặt bàn. "Cô hỏi giùm xem tôi thắp nhang bàn thờ một chút có được không." Hắn bất ngờ quay qua nói với Thúy.

"Hả?"

"Tôi muốn thắp nhang trên bàn thờ."

Thúy cảm thấy như có ai chặn lấy cổ họng mình bằng những ngón tay kim loại. Cái bàn tay xương xẩu đánh vợ đến bầm tím cả thân thể kia mà cũng biết thắp nhang nữa ư! Hai người cảnh sát cùng nhìn cô chăm chú. Nỗi bất ngờ chụp lấy Thúy làm cô quên mất tiêu cái chữ "cây nhang" trong tiếng Anh.

"Hắn nói gì vậy?"

"À, hắn xin phép thắp... hắn xin phép được đốt vài cây... để khấn vái gì đó." Cô lắp bắp trả lời.

Người cảnh sát vừa gật đầu là hắn bước ngay tới cái bàn thờ đóng trên tường. Cô ngước nhìn khoảng trần nhà ám khói phía trên khung gỗ. Một chiếc chén kiểu vẽ rồng phượng chung quanh. Những chân nhang trụi lủi cắm trong lòng chén. Tấm hình đen trắng mờ căm chân dung một người đàn ông có đôi má lõm sâu như hai vực thẳm, và đôi mắt ném ra cái nhìn sắc cạnh.

Hắn với tay rút một cây nhang màu đỏ trong bó nhang đặt trên mặt chiếc bàn thờ sơ sài ấy. Trong phòng chỉ còn lại tiếng lạch cạch của món đồ chơi đứa bé trai nhỏ đang đẩy trên nền nhà. Thúy liếc nhìn hai người cảnh sát đang chăm chú quan sát hắn. Người cảnh sát trẻ gỡ cái còng sắt

sáng loáng đeo ở thắt lưng ra, cầm hờ hững trong tay. Cô thấy những đôi mắt xanh mở lớn, đầy ngạc nhiên. Có lẽ hắn sẽ bị còng trên đường về sở cảnh sát. Một cảm giác không tên gọi xao động trong lòng cô. Cô ngại đi với một người đồng hương bị còng. Hình ảnh không mấy đẹp ấy gợi cho thiên hạ cái cảm tưởng cô là kẻ chỉ điểm, là một thứ cộng tác với bọn mật thám, hà hiếp dân lành thường thấy trong các phim ảnh về Đức quốc xã ngày trước. Cô xoay qua nhìn hắn, hắn đang bật lửa bằng chiếc bật lửa ga màu xanh. Hắn run run đưa đầu cây nhang vào ngọn lửa vàng chập chờn. Một sợi khói tỏa ra. Mùi nhang len vào mũi thơm dịu. Hắn chân chụm lại, hai tay chắp vào nhau, kẹp cây nhang ở giữa, hắn đứng thẳng người trước khung ảnh vàng ố. Đôi mắt hắn nhắm lại, kính cẩn. Tiếng thì thầm thoát ra từ đôi môi xám ngoắt vì khói thuốc. Cô cố lắng nghe xem hắn vái van điều gì nhưng không được. Sau những lời thì thào, là những động tác vái chào nghiêm cẩn. Hắn lạy bức hình bằng cả thân mình. Hai mắt hắn dán lấy đôi mắt người đàn ông trong ảnh. Hắn không còn biết gì đến những người chung quanh. Môi hắn vẫn lẩm nhẩm những lời cầu khấn. Hai tay hắn đưa lên, đưa xuống, vái lạy ân cần. Sau cùng, hắn cắm cây nhang vào lòng cái chén kiểu, và quay ra với một nụ cười. Thúy nhìn hắn. Ánh sáng chói chang của một ngày mùa hạ phản chiếu qua khung cửa sổ khiến cô không nhìn rõ cái khuôn mặt xương xẩu khô khốc, nhưng lúc hắn bước lại gần phía cửa ra vào, xỏ chân vào đôi giầy da màu nâu cũ, cô bắt gặp hai giọt nước ở đuôi con mắt hắn. Cô chăm chú theo dõi hắn. Những kẻ phạm pháp đầy bản lĩnh thường hay có những hành động bất ngờ. Cảnh sát ở đây đã quá rõ chuyện đó, thành ra họ ít khi đi một mình khi hành sự.

Cái đầu hắn cúi thấp. Hắn nhìn cái gì dưới nền nhà vậy không biết nữa! Hắn khom người xuống buộc dây giầy. Những ngón tay xương xẩu của hắn run run. Cái lưng hơi gồ lên, trông như lưng một con mèo vừa thức giấc, vươn vai. Dường như hắn cố kéo dài thời gian. Hắn đang câu giờ. Thúy chợt thấy hồi hộp. Mải suy nghĩ vẩn vơ, cô quên không nhìn kỹ xem hắn cất cái bật lửa ga ở đâu. Đó cũng có thể là một thứ vũ khí nguy hiểm. Hắn có thể chụp lấy cổ áo cô, dí cái bật lửa ga vào sát mặt cô, làm áp lực cho hai viên cảnh sát buông súng. Ý nghĩ bất chợt ấy làm Thúy bước lùi ra phía sau, và tình cờ bắt gặp hắn đưa tay quẹt nước mắt.

Lúc hắn ngửng lên, cô thấy một khuôn mặt thảnh thơi, xa lạ. Như thể hắn vừa giải quyết xong một vấn đề gai góc. Hắn bước một bước về

phía người cảnh sát trẻ, hai cổ tay chụm vào nhau để ngang tầm bụng, hướng về phía người cảnh sát.

"Bây giờ ông có thể còng tôi được rồi."

Hai người cảnh sát cùng xoay qua nhìn Thúy. Cô vừa luống cuống dịch câu nói của hắn, vừa liếc nhìn người vợ thảnh thơi ngồi trên sa lông như một pho tượng xuân sắc nhưng lạnh lùng. Đôi mắt người đàn bà nhìn vào cõi xa xăm nào đó. Đôi mắt đẹp mà kiêu kỳ thấy ghét! Hai người cảnh sát bối rối nhìn nhau. Những giây phút ngắn ngủi trôi qua một cách nặng nề. Câu hỏi trong mắt viên cảnh sát trẻ. Nét bối rối trong mắt người cảnh sát đứng tuổi. Cái còng sắt lúc lắc, đong đưa treo trên những ngón tay người cảnh sát trẻ. Cái màu sáng loáng của kim loại cứa vào mắt Thúy. Luật là luật. Hắn phải được coi là một tội phạm nguy hiểm. Mấy người cảnh sát này nghĩ ngợi gì mà lâu thế.

"Cô nói với hắn là khỏi còng..."

Người cảnh sát đứng tuổi chợt nói. Khi vừa nghe câu dịch của Thúy, môi hắn nở ngay ra một nụ cười biết ơn. Cô nhìn sang vợ hắn. Vẫn nét cao sang, kiêu kỳ của một tiểu thơ đài các. Cô chợt cảm thấy mệt mỏi. Yêu đương và thù hận. Chả làm sao hiểu hết được. Những người đàn ông, những người đàn bà đa đoan.

Người cảnh sát trẻ gài chiếc còng vào thắt lưng, chậm rãi:

"Bây giờ mình về trạm cảnh sát."

Hắn toan bước đi, lại đứng sựng lại, quay đầu nhìn người vợ đang ngồi thảnh thơi trên ghế, lưng ngả ra sau, ngực đầy vun ra trước. Tội nghiệp hắn. Ham lấy làm chi con vợ đẹp. Đã vậy còn không biết giữ gìn, không biết chiều chuộng nâng niu.

"Tối nhớ cho thằng cu Tý uống thuốc," bằng cái giọng khao khao như thiếu hơi, hắn nói vọng về phía cái người vợ đang dửng dưng ngồi gác chân lên bàn.

"Nhớ đọc sách cho con bé Tý."

Bối rối trước vẻ lạnh nhạt của vợ, hắn hơi ngập ngừng một chút, rồi tiếp, lần này bằng giọng nói no đầy hơi hám, như ngầm ra một cái lệnh quan trọng, "nhớ thắp nhang bàn thờ ba." Và hắn kết thúc những câu dặn dò ân cần bằng một nụ cười nhạt thếch. Hắn tính đóng kịch để chinh phục cảm tình của những người cảnh sát chứ gì. Thúy miên man suy nghĩ. Tội lỗi sờ sờ ra đấy. Làm sao cãi lại quan tòa cho suông. Những bức hình chụp của cảnh sát thế nào chẳng được đem ra làm chứng trước

tòa. Bốn người vừa rục rịch bước ra phía cửa, thằng bé con chợt chạy ào ra, ôm cứng lấy chân người đàn ông, khóc rống lên.

"Ba đi đâu? Ba đi đâu?"

Tiếng khóc chói lói vang động cả căn phòng chung cư nhỏ bé. Đứa bé gái đang nằm cho mẹ gãi lưng cũng nhổm dậy nhìn anh, và rồi cũng mếu máo khóc theo. Hai tiếng khóc hòa lẫn vào nhau như một khúc hợp tấu đột ngột, có đoạn khởi đầu trình tấu bằng tiếng vĩ cầm cao chói.

Người đàn ông bối rối, một tay vỗ nhẹ lưng thằng bé, một tay gỡ hai cánh tay nhỏ bé đang ôm vòng quanh chân hắn. Ánh mắt cầu cứu của hắn chạy loanh quanh, từ vợ, qua Thúy, sang hai người cảnh sát. Không ai tiếp cứu hắn. Hắn xoa đầu đứa con, ngọt ngào:

"Ba đi mua kẹo cho Tý mà..."

"Tý đi với ba." Đứa bé gào ngằn ngặt.

"Không được. Xa lắm, Tý đi bộ không được đâu!"

"Tý đi với ba."

Người cảnh sát trẻ mở hé cánh cửa gỗ nặng nề, và đứng sát bên hắn. Hình ảnh hai cha con níu kéo nhau, bên cạnh người cảnh sát khác màu da, làm lòng cô đau nhói.

"Cô dỗ cháu hộ tôi..."

Hắn quay qua Thúy, van nài. Thúy vừa ngập ngừng gỡ những ngón tay thằng bé, thì người đàn bà ra tới. Nàng nhanh nhẹn gỡ tay thằng bé và xềnh xệch kéo nó vào phòng khách.

"Tí nữa bố về. Bố mua nhiều kẹo lắm, con đi theo không được đâu." Câu nói ngọt ngào của người đàn bà xoáy vào lòng Thúy. Lạ lùng quá, những con người! Giận ghét và yêu thương. Cuộc sống phức tạp như một bài toán khó giải. Cô ngước nhìn hắn, bắt gặp nét sáng rỡ của một người vừa được bạc.

"Lets go!" Hắn nói.

Bốn người bước đi cạnh nhau trên hành lang. Tiếng cửa đóng chát chúa phía sau, cắt đứt cái tiếng khóc ngằn ngặt của hai đứa bé. Cái khung người hom hem của hắn lọt giữa thân hình đồ sộ của hai người cảnh sát trông thảm hại. "Ông ấy ngồi băng sau. Cô sẽ ngồi băng trước với tôi. Có gì cô sẽ thông dịch..." Người cảnh sát trẻ xoay qua, nói nhỏ với Thúy.

Chờ cho hắn ngồi lọt hẳn vào trong xe xong, người cảnh sát đứng tuổi bước lại bên Thúy.

"Đúng ra thì tôi phải còng hắn, nhưng..." Ông ta ngập ngừng, xoa hai tay vào nhau, "tôi nghĩ một con người ngoan đạo như vậy, chắc không đến nỗi nào." "Ông ta theo đạo gì thế cô?" Người cảnh sát trẻ ngắt lời bạn.

"Có lẽ đạo thờ cúng tổ tiên."

"Người trên bàn thờ là ai vậy?"

"Hình như ba ông ấy..."

"À..."

Không hiểu cái "À" của người cảnh sát có ý nghĩa gì, nhưng Thúy không buồn hỏi thêm. Cô cảm thấy mệt mỏi. Sống lưng rã rời. Cô thèm được nhảy xuống một hồ nước trong xanh, vùng vẫy bơi lội ngay lúc này cho dãn gân cốt. Cô thèm nằm phơi trên bãi cát trắng, lấp lánh những hạt cát thủy tinh. Cô thèm nghe tiếng gió và cảm cái vuốt ve của gió...

Người cảnh sát mở cửa xe cho Thúy. Cô lí nhí cám ơn và khom người ngồi lọt vào trong xe. Có tiếng ho khẽ của người đàn ông ngồi băng sau. Thúy cảm thấy khó chịu vì cảm giác có người đang quan sát mình chăm chú từ phía sau.

"Tôi có thể nói chuyện với cô được không?"

Người đàn ông chợt hỏi.

"Để tôi hỏi người cảnh sát xem sao đã."

Cô trả lời vội vã và quay qua giải thích với viên cảnh sát. Người cảnh sát vừa đề máy xe vừa gật đầu dễ dãi, No problem, no problem!

Không chờ cô dịch, hắn đã hiểu là hắn sang một bên để nghe chuyện hắn. Đầu tiên, hắn dằng hắng. Rồi ngần ngừ mãi, như cố tìm một câu nhập đề suông sẻ. Và hắn bắt đầu nói một cách chậm rãi, khi xe rời khỏi khu chung cư:

"Cô thấy mặt hai đứa con tôi không?"

"Dạ..." Thúy ngạc nhiên, ngập ngừng "thấy..."

"Cô thấy đứa nào giống tôi?"

Hắn làm cô bối rối. Đứa nào giống hắn thì có ăn nhằm gì tới cô. Hắn là đàn ông mà cũng mắc chứng bệnh nhiều chuyện. Nhưng thôi kệ, kiên nhẫn nghe hắn nói một chút cũng chẳng mất mát gì. Cô tự nhủ và hít một hơi dài, trả lời đại:

"Cả hai."

"Sai rồi." Hắn cười một cách nhẫn nhịn. "Chỉ có thằng Tý giống tôi thôi. Con bé Ty là con của thiên hạ đấy!"

Thúy giật mình như vừa bị ai hét lớn vào tai. Cô hỏi vọng ra phía sau: "Thật sao!"

"Tôi không muốn phải nuôi thêm một đứa con nữa của thiên hạ. Một đứa đủ rồi..."

"Kỳ vậy!"

"Mà tôi thì vẫn thương cô ấy..."

"..."

"Lần đó tôi đã tha thứ cho cô ấy, coi con bé Tỵ như con ruột..."

"ừ... thì... dù sao cũng..."

Thúy lấp bấp như mắc nghẹn. Hắn ngừng một lát. Chiếc xe vẫn lướt đi trên đường phố. Máy lạnh mở hết cỡ trong xe làm người cô nổi gai. Cô chờ hắn nói tiếp. Cách nói chuyện từ tốn của hắn gây cho cô cái cảm giác hắn là người thật thà. Nhưng biết đâu đó. Những con người có vẻ cù rù thường lại là những kẻ cộc cằn, nguy hiểm. Hắn để cho cô chờ đợi. Hắn là người kể chuyện có tài. Một người biết rót vào tai người nghe tiếng lóc cóc của chiếc đồng hồ trái bom nổ chậm, và không cho người nghe một gợi ý nào về chỗ giấu trái bom chết người. Bây giờ cô không còn biết tin ai. Vợ hắn và hắn. Ai là nạn nhân trong vụ này.

Cô nhíu mày suy nghĩ.

"Cô ấy hết thuốc chữa rồi!" Hắn thở dài.

"Sao anh không ly dị?"

"Hơ! Ly dị để trợ cấp cho cô ấy suốt đời à? Tôi chịu gì nổi. Hơn nữa..." Câu nói của hắn nhỏ dần, rồi đứt ngang ở khúc gay cấn nhất.

Thúy cảm thấy khó chịu, cằn nhằn:

"Hơn nữa cái gì?"

"Mẹ tôi còn sống. Bố mẹ cô ấy cũng còn sống. Người nào cũng tin là tụi tôi hạnh phúc." Hắn rù rì kể lể. "Thà tôi mang tội nói dối, để mẹ tôi yên lòng. Bà cụ bị cao huyết áp, chẳng sống được bao lâu nữa, chỉ cần nghe một tin buồn là... Hơn nữa, tôi chỉ còn cách ấy để làm mẹ tôi vui. Mẹ tôi cưới cô ấy cho tôi, mẹ tôi sắp đặt hết mọi chuyện; mẹ tôi coi tuổi, coi đủ thứ..." Câu chuyện của hắn làm đầu óc Thúy rối bời. Cô không hiểu tại sao ở ngay Bắc Mỹ này, lúc sắp bước sang thế kỷ hai mươi mốt, mà vẫn còn một con người cổ điển đến như vậy. Ly dị. Trời ơi, chỉ việc ly dị là xong hết! "Bà cụ phải hiểu cho anh chứ!"

"Đã đành. Mà cho dù mẹ tôi hiểu cho tôi, tôi vẫn không thể nào bỏ cô ấy được."

"Tại sao?" Thúy sẵng giọng, hỏi. "Có hàng triệu người đàn bà ngoài kia..." "Cô nóng nảy quá, cô... gì nhỉ?"

"Thúy."

"ừ cô Thúy. Chắc cô chưa yêu ai bao giờ nên cô nói vậy. Chỉ cần yêu ai đó rồi cô sẽ nghĩ khác."

Chiếc xe ngừng lại trong bãi đậu sở cảnh sát. Giọng của hắn vẫn rì rà lọt qua cái khung lưới mắt cáo của chiếc xe.

"Mà cô Thúy à. Chuyện này nhờ cô giấu kín giùm nhé."

"Dĩ nhiên!" Giọng cô pha đầy bực bội.

"Tôi đâu có ngán thiên hạ xì xào, tôi chỉ sợ mẹ tôi biết được. Thế thôi. Cám ơn cô trước..."

"Anh có biết lần này anh có thể bị..." Thúy ngập ngừng, nghĩ ngợi. Sau cùng, cô nói toạc ra cái điều vướng vít trong đầu cô từ lúc đặt chân vào tòa chung cư hắn ở đến giờ. "Anh có thể bị vài năm tù, anh biết không?"

"Vài năm thì nhằm nhò gì hở cô Thúy." Giọng hắn thanh thản như giọng nói của một ông già mới về hưu. "Từ ngày cô ấy có thai con bé Tỵ đến giờ, có lúc nào mà tôi không cảm thấy như bị tù đầy, tra khảo. Chính cô ấy dạy con bé bấm 911 trên điện thoại chứ đâu!"

Lúc mở cửa xe cho cô bước ra, người cảnh sát trẻ hỏi nhỏ.

"Hắn nói gì nhiều thế?"

Cô lừng khừng di di mũi giầy trên nền xi măng lam nham đá vụn.

"Chẳng có gì hết. Toàn chuyện vớ vẩn cả..."

Và cô lơ đãng ngước nhìn bầu trời đầy mây trắng. Quả thật, nghĩ cho cùng thì mọi chuyện trên đời này đều vớ vẩn hết ráo.⊙

thứ năm 16-06-94

hoàng chính

VẠN GIÁ

Mùa nạn

Thầm gọi nhớ lên màu tóc bạc
nơi đây sương khói bóng quê nhà
âm vang chưa tận mùa lưu lạc
lượng sóng ân tình vỗ bến xa

Rượu chở sầu lên đầu ngọn núi
cay đắng chập chùng trăm khúc sông
hồn còn vật vã cơn gió bụi
hỏi, xót xa thêm chuyện vợ chồng

Vẫn húng chịu một đời ân nghĩa
thuở mẹ cha thai nghén hình hài
nợ núi sông đầy, chưa trang trải
mà áo cơm đè nặng đôi vai

Biết tỏ cùng ai điều trắc ẩn
một ngày qua thẩm một chút buồn
dã cạn tình người trên xứ lạ
cũng đành trăn trở hết đêm suông

Mai về dựng lại từ hoang phế
nỗi nhớ thương người với núi sông
gom vết máu loang mùa đại nạn
đổ xuống quê hương chảy một dòng.

THẠCH HÃN

tiếng nói việt nam: *where the ashes are* và *south wind changing*

(tiếp theo)

Qua hai bài viết lần lượt đăng tải trên các số Văn Học 100 và 101, tôi đã lần lượt tóm tắt nội dung hai cuốn *Where the Ashes Are* của Nguyễn Quý Đức và *South Wind Changing* của Jade Ngọc Quang Hùynh. Đây là hai cuốn hồi ký của hai tác giả trẻ thuật lại những biến cố xảy ra cho gia đình, người thân thuộc, bạn bè trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam, khởi đầu từ cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân năm 1968 cho đến gần đây.

Hai tác phẩm đều là những cuốn sách đầu tay của hai cây viết trẻ, dùng Anh ngữ làm phương tiện diễn đạt, và vì thế đạt đến một số độc giả lớn lao sử dụng Anh ngữ. Xuất hiện trong một khoảng thời gian cách nhau chừng sáu tháng, hai tác phẩm có nhiều điểm tương đồng, từ đại thể đến tiểu tiết. Cả hai cùng lấy cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân làm khởi điểm, và tuần tự theo thời gian thuật lại những biến cố xảy ra trong đời mình và gia đình mình qua các biến động quân sự năm 1972 và năm 1975, những ngày tháng cơ cực trong ngục tù cộng sản, những đoạn đời truân chuyên của hai tác giả nói riêng và của toàn dân miền Nam nói chung dưới chế độ cộng sản, những chuyến vượt biển bất thành và những ngày tháng đương đầu với một tương lai chưa biết sẽ về đâu trên đất Mỹ. Nhưng cả hai cũng đã ghi lại những thành đạt, qua những cố gắng cá nhân vượt bực và từ đó, trưởng thành theo thời gian cùng kinh nghiệm sống.

Nhìn từ ngoài, hai cuốn sách cho người đọc một cảm giác tương phản. Trong khi bìa sách *Where the Ashes Are* gây cho người đọc một ấn tượng thanh thản, với hình một bãi biển ở Việt Nam, bờ cát vàng và hàng dừa xanh nằm trên một nền màu lam thẫm, lác đác những tàn tro màu xám, thì ngược lại, bìa của *South Wind Changing* vẫn nhắc nhở người đọc đến những hãi hùng của chiến tranh và khát vọng hoà bình.

Trên một nền đen in hình một chiến xa, một họa phẩm của Hiếu Đệ lồng trong một khung nhỏ như muốn nói lên niềm mơ ước thanh bình và có một đời sống hạnh phúc của người dân Việt vẫn còn quá mong manh.

Quả thực, hình bìa của hai cuốn sách đã nói lên rất nhiều cách thế suy nghĩ của hai tác giả về Việt Nam, về những gì đã xảy ra trong đời. Nguyễn Quý Đức, qua câu chuyện của mình, làm nổi bật tình gia đình, sự gắn bó giữa những người cùng chung máu huyết, và chân tình giữa những người bạn cùng sống những ngày "không thể quên" của tuổi học trò, tuổi niên thiếu. Vì thế, tác giả không đưa ra những nhận xét hay những phán đoán có tính cách sôi nổi về vấn đề chiến tranh, chủ nghĩa, tuy đối với anh, cuộc chiến đã khiến cho gia đình và cá nhân anh chịu nhiều thiệt thòi, mất mát, như anh từng khẳng định khi nói chuyện với một sĩ quan cộng sản: *"...but for me, the twelve years in prison also mattered. Sixteen years without my father mattered."* (WTAA, tr. 251). Anh nhìn Việt Nam như một quê hương nơi anh sinh ra và lớn lên, nơi anh để lại nhiều tình cảm thắm thiết, nhưng vẫn chưa phải là nơi anh thực sự muốn trở lại để "đóng góp"—như nhiều người từng nghĩ—vào việc xây dựng một xã hội tốt hơn trong khi Việt Nam vẫn còn là một nước cộng sản.

Dùng hai tiếng "Cha, Mạ" để xưng hô, Nguyễn Quý Đức không tô vẽ cho tình của mình đối với song thân, và qua bao nhiêu thăng trầm thay đổi trong cuộc sống, tình cảm đó vẫn nguyên thủy và trọn vẹn, không bị phôi phai hay điều kiện hoá bởi đời sống vật chất xô bồ trên đất Mỹ. Tình cảm đó lại càng trở nên gắn bó hơn khi nghĩ đến người cha biền biệt trong lao tù cộng sản, khi nghĩ đến mẹ vất vả kiếm sống trong những ngày còn ở Việt Nam. Ngay cả khi đón được cha mẹ sang Mỹ, những băn khoăn của anh về tình cảm cha-con, mẹ-con vẫn là những thao thức hàng đầu của mình. Anh thật sự muốn cư xử với cha mẹ như một người con có trách nhiệm, chí hiếu, dù biết rằng mình phải thích ứng rất nhiều với song thân sau một thời gian dài xống xa cách.

Qua những dòng chữ ngắn, tác giả vẽ lại hình dáng người cha thân yêu trong lao tù với một lối viết giản dị, làm rõ nét thân phận một người tù cô đơn bên sự vô tình của thời gian, và qua đó gói ghém được lòng thương yêu kính trọng của mình đối với cha: *"The hours and days dragged on, the months stacked up on each other; autumn came and went. When the winter winds began to chill the nights, he could not*

complain; the upper half of the door was to remain open so that the guards could always monitor his movements. He paced his cell or curled up on his bed, composing, reworking, and memorizing lines of poetry. He forced his mind to re-create books he had read, chapter by chapter. He waited for new orders that never came; he was not charged with any specific crime, did not appear in any court, and received no sentence. His days were dreary and cold and interminable." (WTAA, tr.123) Và trong nguyên một chương có nhan "*Authentic Hue Beef Noodle*", Nguyễn Quý Đức thuật lại chuyện mẹ từ một nhà giáo trở thành một người bán bún bò Huế sau ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản, những bươn chải kiếm sống nuôi con bệnh tật, những uất ức khi đối diện đấu trí với cán bộ cộng sản, nói lên rất nhiều những hy sinh của mẹ.

Từ đầu đến cuối sách, người mẹ dưới mắt Nguyễn Quý Đức là một sức mạnh bảo bọc, gắn bó gia đình, một tình thương bao la và một sự hy sinh vô bờ. Sau cái chết của Diệu Qùynh, tác giả phác họa hình ảnh một người mẹ như nhiều bà mẹ Việt Nam khác, luôn luôn phấn đấu chống nghịch cảnh: "*Diệu Qùynh was cremated, the service a simple affair with only a few relatives attending. My mother, now alone, did not want to keep fighting. The grief of losing her daughter tore at her, making it hard for her to breathe. She wondered whether Diệu Quỳnh would still be alive if she had not gone north to see her husband. She wondered about all the things she did and did not do for her gentle, ill-fated daughter. She wondered, cried and sighed, and mourned, and all alone, she thought she no longer wanted to live. But like all Vietnamese mothers, she found the courage to nourish her spirit until she could face, and overcome yet again, the troubles of her life.*" (WTAA, tr. 190)

Tình chị em, anh em cũng nồng đượm không kém, nhất là đối với người chị vắn số đã mệnh một trong lúc anh đang sống an toàn trên nước Mỹ. Thương cho chị một đời con gái bất hạnh, tuy sinh ra trong một gia đình khá giả nhưng lại sống những ngày bị một cơn bệnh tâm thần quái ác hành hạ để rồi phải từ giã cõi đời lúc tuổi còn thanh xuân. Tình cảm đó thôi thúc anh quyết định trở về Việt Nam để mang cho được tro của chị sang Mỹ, thực hiện ước vọng đoàn tụ gia đình mà anh hằng ấp ủ.

South Wind Changing cũng đề cao người mẹ khắp từ đầu đến cuối sách. Những bà mẹ Việt Nam được tác giả Ngọc Quang Hùynh mô tả một cách tỉ mỉ, làm nổi bật sự hy sinh vô bờ của những bà mẹ trong

chiến tranh. Ở trang 20, đầu chương 7, tác giả phác họa thân mẫu như là một suối nguồn yêu thương, suốt đời tận tụy vì con cái. "*My family gave me food and love, especially my mother who never went to work—only stayed home and took care of the family, but the household job seemed to last a whole day. Every night, I heard her footsteps, the flip-flopping of her sandals, walking into our room, listening to our breathing or restlessness...*

If the battle outside drew near, she would hide us in a corner of the house while my father and older brothers rushed to gather provisions, ready to evacuate....With every shell explosion, her heart went out to her children, wondering if they were safe, if the army had been attacked; then she sighed and stepped away from the window, wishing her children were still young and happy the way we were before the war." (SWC, tr, 20) Ở trong tù, tác giả lại có dịp gặp mẹ của Hung lặn lội đến thăm con đang bị giam cầm, bất chấp những ngăn cấm đe đoạ của lính bảo vệ trại giam. Mỗi lần đến thăm, bà còn mang theo thức ăn, áo quần, khi thì mang theo vàng để mong mua chuộc cán bộ trả tự do cho đứa con trai của mình. Mẹ Hung đã khiến tác giả nhớ quay quắt mẹ mình, lúc này không biết sống chết ra sao hay lưu lạc phương nào. Trong một lần mua chuộc cán bộ để được gặp con bà đã giao cho Hung một ít vàng lo lót cho cán bộ để được trả tự do, nhưng cũng chính vì số vàng này bà Hung đã bị cán bộ tìm cách thủ tiêu để phi tang, sau khi nhận đủ số vàng hối lộ. Khi mẹ Hung đến thăm con lần sau, cán bộ chỉ cho bà một nấm mồ và bảo con bà đã chết vì bệnh. Tác giả biết rõ đó không phải là mồ Hung, mà là mồ của một người tù khác chính anh đã tự tay chôn cất. Trước cảnh tre khóc măng, cộng thêm với sự vô tình và thờ ơ đến độ tàn nhẫn của bọn lính bảo vệ, tác giả không cầm được sự giận dữ của mình nên đã lén ra khỏi trại và đốt cháy nguyên một thửa ruộng mía (SWC, tr. 109). Lúc thuật lại chuyện Tâm, một người bạn tù khác, trong lúc đi kiểm soát mấy chiếc bẫy chuột đặt ở ven rừng hầu kiếm thêm chút thịt tươi cải thiện dinh dưỡng bị rắn độc cắn và trước khi lìa đời, Tâm đã nhắc đến mẹ. Tác giả viết:

"*I miss my mama...*"*Tam said under his breath.*

"*I understand how you feel, but I've never tasted this kind of experience before because my mama died when I was only in her arms,*" *Thanh said.*

"Oh, your mama died...you weren't that lucky'" Tam said, sorry for his friend. "you didn't have much love, did you?"

"Yeah, I guess," whispered Thanh" (SWC, tr.125-126).

Và ngay sau đó, tác giả có lẽ đã mượn hình ảnh của người mẹ qua câu ca dao "*Mẹ già như chuối ba hương*" để giúp Tâm giải thích cho Thanh hiểu được tình mẹ như thế nào: "*Have you ever tasted a banana before? Have you ever felt the warmth of a sunny morning? Have you ever drunk the mountain stream when you were thirsty? It was like that, that kind of sweetness, that kind of warmth, that kind of freshness. It is love; it is mama," Tam said with all his energy...*" (SWC, tr.126).. Lời đối thoại giữa hai người bạn đã khiến tác giả chạnh nhớ đến mẹ, hiện giờ không biết sống chết nơi nao. Sau khi thoát tù trở về Sa Đéc sống nhờ gia đình người bạn tên Hanh, tác giả cũng đã chịu ơn mẹ Hanh rất nhiều. Một người đàn bà tần tảo nuôi con, mẹ Hanh trước là một y tá, sau ngày Việt Cộng vào Nam bà phải buôn bán chợ trời để kiếm sống, vậy mà vẫn bảo bọc che chở cho tác giả sống lén lút cho đến ngày vượt biển trốn thoát. Ở ngay hai trang cuối, tác giả một lần nữa nhắc lại thân mẫu, chép nguyên văn mấy đoạn đã viết ở trang 20-21, vào trang 304-305. Tác giả chấm dứt tập hồi ký của mình với một nỗi nhớ thương và cảm phục những hy sinh vô bờ của mẹ: "*The roughness of her skin, dry with wrinkles showed the hardship she had to suffer, as she paid the duty of a daughter-in-law, the duty of a wife, and the duty of a mother. How can I describe that life in words?*" (SWC, tr. 305)

Jade Ngọc Quang Huỳnh cũng không quên phác hoạ hình ảnh thân phụ, nhưng qua lời thuật của anh về những chi tiết liên quan đến người cha và dòng dõi của mình buộc người đọc phải đặt vấn đề về sự thuận lý trong dòng tư tưởng của tác giả, hay có cảm tưởng đang đọc một chuyện cổ tích. Ngay ở mấy chương đầu,tác giả thuật lại dòng họ của mình, bắt đầu từ ông cố. Ông cố đó là Khoa, một người thuộc hạng cùng đinh, không học, nên dễ bị dân làng lợi dụng. Một hôm, ông nằm mộng thấy có một ông tướng mặc áo bào, cỡi ngựa ra lệnh cho ông không được từ bỏ nơi ông đang sống để đi nơi khác. Tuân lời, ông ở lại, và thấy rằng sau đó, cứ mỗi lần dân làng tìm cách lợi dụng phá phách ông thì bỗng nhiên họ như bị ai đuổi, và từ đó không ai còn dám chọc ghẹo gì nữa. Một hôm đang làm ruộng, ông đào được một hũ vàng (tác giả cẩn thận ghi chú là ở Việt Nam, người ta thường hay chôn giấu vàng bạc ngoài ruộng). Từ

đó ông trở nên giàu có và thành một người được dân làng trọng vọng. Ông xây một ngôi chùa để tạ ơn. Sau đó, vì có những bất đồng với mọi người trong gia đình và khi nhận ra ý kiến của mình sai, ông cho là danh dự bị tổn thương nên đã trầm mình tự tử. Tác giả viết là ông cố tự tử bằng cách cột mình vào một chiếc phản : "*Wishing to clear his name and his family's integrity, he committed suicide by drowning himself in the river — he forced himself deeper and deeper under the water by trapping himself under a heavy wooden divan.*" (SWC, tr. 4). Có lẽ tác giả đã quên không ghi lại là đã có bao nhiêu người giúp ông buộc mình vào chiếc phản gỗ nặng, rồi khiêng từ nhà ra bờ sông rồi xô ông xuống để ông tự tử! Ông cố Khoa có một người con tên Xước—ông nội của tác giả—là một kẻ hoang đàng, chỉ biết đánh bạc và mê gái, nên đã không cho ông ta biết vàng bạc cất giấu nơi đâu. Vì thế, ông nuông chiều đứa cháu đích tôn là cha của tác giả, cho biết nơi ông cất giấu vàng bạc để sau khi ông chết có người săn sóc ngôi chùa ông đã xây. Tuy thế, cha tác giả vẫn là một người nghèo khổ, và sau này khi lập gia đình, đã phải mượn tiền của một người cô, có trả lãi, để làm ăn buôn bán. Liên hệ cha con giữa cha và ông nội của tác giả càng ngày càng thêm tồi tệ. Khi thấy con ăn nên làm ra, ông nội tác giả lại càng tức tối đứa con mình hơn, nên mỗi tháng cứ đến ngày rằm và ba mươi, ông bà bắt thằng con trai của mình ngồi trên chiếc phản gỗ kê ngay giữa nhà, trong khi cả hai ông bà quỳ trên sàn nhà, đầu đội một chiếc khay có lư trầm nghi ngút khói và cây đèn nến thắp sáng, rồi bảo "Mày là thằng con bất hiếu..." (SWC, tr. 5), trước sự chứng kiến và cổ võ của những người trong gia đình. Thật tình tôi không hiểu đây có phải là một tập tục đặc thù của người Nam, hay cụ thể hơn, của những người trong dòng họ tác giả, khi la rầy con cái lại phải nhiêu khê phức tạp đến thế! Hay tác giả đã để óc tưởng tượng của mình đi quá đà?

Riêng về người cha, như tác giả nhắc lại nhiều lần, là một người chỉ biết buôn bán, làm vườn làm rẫy, nhưng lại biết đọc sách chữ Nôm, biết xem sách địa lý phong thủy, biết xem xăm bói quẻ. Ông không biết đọc biết viết chữ quốc ngữ, thế mà sau vụ Tết Mậu Thân, anh em tác giả lại đề nghị cha đi học tiếng Anh để làm cho Mỹ (!) (SWC, tr 19).

Trong phần nói về gia tộc, cả hai tác giả đều đã chứng kiến và thuật lại cái chết cũng như tang lễ của ông nội. Phần thuật sự của Nguyễn Quý Đức trong *Where The Ashes Are* dành bảy trang để nói đến tang lễ, và

South Wind Changing dành nguyên chương 11, từ trang 38-43 để thuật lại trường hợp qua đời và việc ma chay, chôn cất của ông nội Jade Ngọc Quang Huỳnh.

Nguyễn Quý Đức cẩn thận mô tả những nghi thức tang lễ kéo dài trong nhiều ngày, trong đó tác giả phải thay cha và anh đóng vai trưởng nam, với đầy đủ chi tiết về những nghi lễ cổ truyền, những thương tiếc của con cháu, gia đình, họ hàng thân thuộc và bạn bè dành cho người quá cố. Việc tẩm liệm, nghi thức chuyển quan từ nhà ra xe đến nơi an nghỉ cuối cùng được tác giả mô tả rành mạch, chính xác. Ngày đưa tang, trời Huế ảm đạm sụt sùi mưa lạnh như cùng chia sẻ nỗi đau của người trước một mất mát lớn lao trong đời họ. Một đời qua đi để lại trong đầu óc cậu bé 12 tuổi những băn khoăn về cuộc sống đời này và đời sau: "*I glanced around one last time. My grandfather's life, hardened yet fulfilled, had ended, and he was now buried beneath a heap of rain-soaked earth. Perhaps his spirit would travel on beyond this troubled world.*" (WTAA, tr. 44)

Nhưng khi đọc phần mô tả đám tang của ông nội tác giả *South Wind Changing*, nỗi đớn đau của người thân trước sự ra đi vĩnh viễn của một bậc niên trưởng trong gia đình không còn nữa. Tác giả ghi lại cái chết của ông nội một cách thường tình, không mấy xúc động. Hai ông cháu trước đó đã đánh cá nhau ăn tiền: nếu ông nội còn sống đến ngày mai, ông phải trả tiền cho cháu, nhưng ngược lại, thì cháu không mất tiền (vì ông đã chết). Và rồi một hôm kia, ông bảo là nằm mộng thấy ông sẽ chết vào ngày 24 tháng 8. Y như rằng, sáng hôm 24 tháng 8, lúc tác giả vào thức ông dậy dùng điểm tâm, phát giác là ông đã chết từ hồi nào. Ông nội chết mà tác giả chỉ nghĩ đến việc không ai trả tiền cho mình vì ông đã thua cá, và ngay cả khi cha tác giả được gọi đến ông cũng đã không than khóc, vì tác giả cho rằng "... *'men don't cry' was a part of my culture.*" (SWC, tr. 39) Việc tẩm liệm và ma chay xảy ra ngay lập tức. Sau khi xem sách địa lý (!), những quyển sách mà tác giả đã mô tả là bề cao một thước, bề ngang nửa thước, cha tác giả định giờ và nơi chôn, rồi còn tiên đoán là sau khi chôn xong trời sẽ mưa, và đó là dấu hiệu sau này con cháu sẽ ăn nên làm ra. Ông còn nói thêm là nếu không thể chôn kịp vào lúc 12 giờ ngày hôm đó thì phải đợi hai ngày sau mới được ngày tốt. Trước giờ chôn, một buổi lễ ngắn diễn ra trong tiếng đọc kinh Phật và tiếng chuông mõ: "*The big gong clanged while we chanted after the*

lead of my father's voice, who had now replaced my grandfather in that capacity. He sat between two people at the central altar, his face severe and determined, but benevolent. The atmosphere of the ceremony was high-spirited. We bow each time the small gong was hit. I breath the warmth of the service, my family, and our relatives. When the service ended, we prayed for our grandfather to have a wonderful trip to his new world. No one dropped a tear for him because we believe that to die is to free oneself. If we were to cry, the dead spirit would feel sorry for us, and this would make it harder for him or her to begin a new life." (SWC, tr. 42). Đúng ngọ, quan tài được đưa đến nơi chôn cất, và cũng đúng theo lời tiên đoán của cha tác giả, trời đổ mưa cho đến khi việc tống táng hoàn tất. Ngay sau đó, nấm mồ được xây bằng gạch, dựng bia, và tác giả cũng đã trồng ở đó một cây mía và vài cây bông vạn thọ. Xong việc, mọi người ra về, sinh hoạt trở lại bình thường như chẳng có gì xảy ra. Bà con lại tiếp tục đi ăn đám cưới như đã định trước. Tất cả mọi việc hoàn tất trong một thời gian kỷ lục, từ lúc sáng cho đến khoảng sau trưa là xong. Qua đoạn mô tả những sự kiện chnng quanh cái chết của ông nội trong *South Wind Changing*, người đọc chắc chắn phải đặt nhiều câu hỏi.

Phần lớn hai tác phẩm viết về lao tù cộng sản. Nguyễn Quý Đức không có được cái kinh nghiệm lao tù như Jade Ngọc Quang Huỳnh, nhưng thân phụ đã sống 12 năm trong các trại giam cộng sản, bắt đầu từ những ngày đầu xuân Mậu Thân. Trong *Where The Ashes Are*, Nguyễn Quý Đức xen kẻ chuyện kể về đời mình, mẹ và hai chị sau ngày cha bị bắt dẫn đi bằng những chương thuật lại con đường gian nan mà cha anh đã đi qua, những trại giam nằm đâu đó trong núi rừng Bắc Việt, và những thử thách, chịu đựng của một người bị giam cầm không biết được ngày về. Dựa vào hồi ký *Ánh Sáng và Bóng Tối* của thân phụ, Nguyễn Quý Đức làm nổi bật tâm trạng và lối ứng xử của một con người điềm đạm, bình tĩnh trước những cực hình, trước những đe dọa khủng bố của cán bộ cộng sản, tránh sa sút tinh thần và luyện tập thân thể bằng những cử động đơn giản để giữ gìn sức khoẻ. Trong những chương viết về những ngày tù tội của cha, Nguyễn Quý Đức thuật chuyện với tâm cảm của một con người bình thường với những phản ứng bình thường, thỉnh thoảng chen vào những đoạn văn mô tả núi rừng Trường Sơn, con đường mòn Hồ Chí Minh có lúc cũng rộn lên tiếng cười nói của một vài cô gái

bản Thượng bên suối, tuy hiểu rằng mình không thể dự phần vào cái không khí thanh bình, êm ả của tiếng cười tiếng suối: "*My father returned to his report. A while later, he heard female voices and laughter from the bottom of the hill. Through the branch he saw a group of tribal women bending over the stream, looking for fish. They must have come from far away, since there was no village in the surrounding area. The women, the leaves still wet with dew, and the sunshine reflected on the water made a colorful, peaceful scene reminiscent of a painting by Gaugin. My father allowed himself a moment of optimism, reflecting that he was not completely cut off from the world. At the same time, the feeling of comfort the sight of the mountain women brought was quickly dispelled by the thought that he though he could see it, he could take no part in such a tableau: ordinary, peaceful, and free.*" (*WTWA, tr.. 57*) Hay lúc vượt vĩ tuyến trên đường ra Bắc, khi đi ngang quê hương Quảng Trị, trong cái phần phật của cơn gió Lào trên phần đất địa đầu, tác giả mô tả lại quê hương khốn khó cùng tâm cảm của cha khi đặt chân lên mảnh đất chôn nhau cắt rốn nghèo nàn tơi tả: "*The searing wind was a reminder of the worst of summer was just beginning. The memory of hot, dry summers under just such winds from Laos came to my father's mind: of the sunny days of his youth in Quảng Trị province. He had not seen his home village in twenty years. Established along a saltwater river; its land was poor and arid, yet so overplanted that the earth had lost all color. Other than a temple with a roof of red tile, most structures in the village were thatch-roofed dwellings. There was no garden of trees with rich leaves "green as jade," but only a few tattered and lonely banana trees, wild ivy growing along the dirt roads, and parched bamboo fighting to hold its own against the Laotian wind. People's eyes and skin showed the mark of their struggle.*" (*WTAA*, tr. 11)

Nói chung, những ngày tháng lao tù của thân phụ được tác giả mô tả lại đầy đủ chi tiết, không than van, oán trách mà chỉ ghi lại tâm cảm người tù một cách chân thật và rất người.

Jade Ngọc Quang Hùynh bất hạnh hơn vì chính anh đã là một tù nhân nhiều năm trong các trại cải tạo. Tuy anh không thuộc thành phần ngụy quân ngụy quyền, nhưng trong một hôm đi ra phố Sàigon mua đồ ăn, anh đã bị công an bắt rồi sau đó đưa vào trại cải tạo. Anh không biết mình bị bắt vì tội gì, sau này mượn lời của Chú Tư, tên phó quản trại, để

giải thích anh bị bắt vì anh thuộc hàng trí thức. Năm 1975, Jade Ngọc Quang Hùynh vừa mới xong trung học và đang học năm thứ nhất đại học ở Sàigòn. Nếu Cộng sản liệt anh vào hàng trí thức, hẳn phải có hàng triệu người vào tù! Trong tù, anh là một người có đầu óc xách động chống đối, nhưng có lúc anh cũng lại là người độ lượng với kẻ thù và không muốn giết người ngã ngựa. Anh cố tình lợi dụng sự chia rẽ Bắc Nam trong hàng ngũ những người Cộng Sản để cho nhiều người tù hưởng lợi, hơn là tự mình giết chết chú Từ để trốn thoát. Những chi tiết về đời sống thường nhật, công tác lao động của tù nhân cùng với sinh hoạt của trại được tác giả thuật lại có nhiều chỗ khiến người đọc nghi ngờ về tính chân thật của những sự việc được mô tả. Ngoài việc từ bỏ ý định giết tên phó quản trại để trốn thoát, anh còn nói đến những chuyện chính trị, tôn giáo một cách không mấy bình thường đối với một người tù và một người trẻ tuổi như anh. Anh bàn chuyện "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" dễ như nói chuyện mưa chuyện nắng với một người bạn tù (SWC, tr. 132), luận bàn vấn đề hiện hữu, luân hồi và nhân quả của Phật giáo (tr. 133). Ở trong tù, nếu có thì giờ và tâm trí nghĩ đến chuyện tôn giáo, người tù chỉ mong tìm đến một đức tin **cứu rỗi**, cầu mong những ngày tù tội của mình sớm chấm dứt, hay ít ra cũng làm thư dản tinh thần đôi chút. Chẳng ai dám nghĩ tới việc lạm bàn vấn đề triết lý, siêu hình, như tác giả viết: "*Do you think this is the real world. If you say yes, then it's your real world, but if you say no then it's not your real world. They finish the things they have to do, for the Buddhists believe this is the world of illusion, the world of transition for the next step, the training schools for the next journey, the world of birth, age, sickness, suffering, dying. The cruel people live longer so they can carry all their sufferings; they must pay for what they have done during their lives.*" (SWC, tr. 133) Chưa hết, tác giả còn dành thêm một đoạn dài ở trang 134 để "thuyết giảng"về tôn giáo: tại sao xã hội cần có tôn giáo, tôn giáo từ đâu đến và tại sao lại có nhiều tôn giáo khác nhau, rồi đi đến kết luận : "*There is only one religion, "a real human" religion, a religion that is caring, sharing, understanding, trusting, dignified with our extending hands which hold onto each other and build up a real world, a real civilization...*" (SWC, tr. 134).

Người tù Jade Ngọc Quang Huỳnh còn cho mình có sứ mạng *làm nên lịch sử*. Ngay từ những chương đầu, anh bày tỏ ý kiến của mình về

các chính thể và những người cầm quyền ở cả hai miền Nam Bắc. Theo anh, họ đều là những kẻ cơ hội, chỉ có một mục đích duy nhất là thủ lợi cho chính mình, khăng khăng ôm lấy quyền lực, làm tiền và cất cử những người bà con thân thuộc vào các chúc vụ quan trọng trong chính phủ. Hãy nghe một học sinh lớp 12 nói về chính trị: "...*'Let me tell you how I see it,' I said. Since I understand politics, I see that all the Vietnamese politicians are opportunists, more than Nationalists or anything else. Vietnam is a nation for the Vietnamese, but both the northern and southern governments import foreign theories and foreign weapons to try to increase their own power. As long as the government depends on the U.S., Russia, or China, we will never be free.*" (SWC, tr.26-27) Tiếp theo, anh đưa ra một giải pháp về hình thức chính quyền mà anh cho là hợp lý: một chính quyền do một tổng thống cầm đầu, nhưng ông tổng thống đó là một người dân thường như bao nhiêu người khác, khi đi không cần hộ tống, và người dân có thể đến nhà ông ta ăn uống, nói chuyện với ông bất cứ lúc nào! Chính quyền đó không cần có một quân đội, vì mọi vấn đề đều có thể giải quyết bằng ngoại giao. Quan trọng hơn hết là mọi người dân đều được giáo dục; Việt Nam không cần ngoại viện mà có thể tự túc về mặt kinh tế. Đọc đến đây, tôi nhớ là những điều Jade Ngọc Quang Huỳnh viết đã có người viết thành sách rồi. Nhà kịch sĩ-đạo diễn-diễn viên-nhiếp ảnh gia-chủ báo Nguyễn Long, trong nhiều năm đã viết trên tờ "báo" Kịch Ảnh của ông về những luận thuyết chính trị tương tự mà ông gọi là "Chủ Nghĩa Tư Hữu", rồi sau đó in thành sách bằng cả hai thứ tiếng Việt Anh nữa, và ông ôm mộng du hành khắp năm châu để phổ biến luận thuyết chính trị của mình!

Từ những khẳng định đó về khả năng chính trị của mình, cộng thêm với lời tiên đoán của ông nội tác giả nói anh sẽ trở thành một nhà lãnh đạo (tr. 80) nên khi ở trong trại cải tạo, anh đã gán cho mình sứ mạng làm nên lịch sử. Ở trang 143, tác giả viết: "*Fight! Yes, fight, not only in my body but in my spirit. I have to make history. Not only for myself but for others. If I lose, it's only a game. I want to play. I want to play it now! I felt as if I had just invented something new, discovered the way to win.*" SWC, tr.143) Tất nhiên là với một cái tầm hiểu biết và lối suy nghĩ của một người vừa học xong tú tài, việc tranh đấu có thắng hay bại thì cũng chỉ là một thứ trò chơi!

Đó là những vấn đề lớn. Những chuyện nhỏ trong sinh hoạt hằng

ngày của người tù do chính tác giả thuật lại càng khiến người đọc thêm nghi ngờ. Anh kể là chính anh đã khai triển một hệ thống mật hiệu để tù liên lạc với nhau: Người muốn truyền tin dùng nháy mắt hay gõ thành tiếng vào gỗ, một số nháy mắt hay tiếng gõ tương ứng với thứ tự của các chữ cái của mẫu tự! (SWC. tr. 61) Với hệ thống này, tôi đoan chắc là chẳng bao giờ có ai nói được gì với ai! Hay ở trang 90, anh viết là khi muốn biết anh đã ở tù bao lâu, anh chỉ cần đưa tay sờ lên thanh tre là đọc được dấu khắc ở đó, mỗi một dấu khắc là một ngày!

Khi thuật lại những lần vượt biển của mình, tác giả không còn gây cho người đọc cái không khí căng thẳng, những khó khăn hầu như không thể nào vượt qua trong khi chuẩn bị vượt biển nữa. Vì hầu như mọi chuyện đã sắp sẵn đâu vào đó: khi cần vàng thì có vàng, và không phải là ít! Lần đầu, người bạn tên Hanh chỉ việc lật một viên gạch lên là có ngay 3 lượng vàng đưa cho tác giả đi mua chỗ. Lần sau, trở về nhà bà cô (anh tả là bà này rất nghèo, nuôi con chưa nổi mà nay lại phải nuôi thêm người anh của tác giả), chỉ cần hỏi là có ngay bảy lượng, số vàng mà anh bảo là gởi cho bà từ hồi anh còn nhỏ! Hay khi tả cách những người chủ thuyền liên lạc với nhau khi đón người từ ghe nhỏ lên tàu: họ dùng bật lửa để ra hiệu cho nhau. Hãy tượng tượng trong đêm tối trên sông nước miền Nam, dùng bật lửa để ra hiệu cho nhau khi hai ghe cách nhau một khoảng xa là xong chuyện!

Trong các tác phẩm viết về Việt Nam bằng tiếng Anh, chủ yếu nhắm đến độc giả Mỹ hay những người dùng tiếng Anh, phần mô tả về đời sống văn hoá và xã hội bao giờ cũng là một phần chính yếu. Ngoài lý do quan trọng là tạo được một sự chân thật (authenticity) và giải thích cho những sự kiện, tình cảm mô tả trong sách, những nhà xuất bản còn chú ý đến khía cạnh đó như một phần có tính ngoại lai (exotic), và do đó rất dễ gây được sự tò mò và thích thú nơi người đọc, từ đó hy vọng sách sẽ có số bán cao. Những yếu tố văn hoá và xã hội đó có trung thực hay không là trách nhiệm của người viết. Người biên tập, tùy theo khả năng và tầm hiểu biết của mình về đề tài, có thể nhuận sắc để cho những sự việc mô tả được chính xác hơn. Nếu người viết và người nhuận sắc đều không am tường đề tài, không phân biệt được sự kiện (fact) và óc tưởng tượng (fiction), kết qủa là một tác phẩm thuộc loại "lấy râu ông nọ ráp cằm bà kia", như hai cuốn sách của Lệ Lý Hayslip, *When Heaven and Earth Changed Place* và *Child of War, Woman of Peace*, là một trường

hợp điển hình. Nhưng nếu tác giả là một người thận trọng, có kiến thức, tôn trọng sự thật cũng như chân thật với chính mình, cộng thêm với sự cẩn thận và kiến thức của người biên tập, kết qủa sẽ là một tác phẩm giá trị. Đây là trường hợp của *Where The Ashes Are* của Nguyễn Quý Đức. Ngay từ đầu, tác giả thận trọng giải thích một vài khía cạnh trong cách xưng hô, cách thưa gởi của người Việt, giúp cho độc giả không quen với văn hoá Việt Nam hiểu được mối liên hệ giữa người này và người kia. Những dòng chữ Việt trong sách đều được đánh dấu cẩn thận, một điều mà từ trước đến giờ chưa thấy trong một cuốn sách nào viết về Việt Nam. Phải công nhận đây là một cố gắng lớn của nhà xuất bản, vì họ phải tốn thêm chi phí cho việc in ấn. Sách do một nhà xuất bản Mỹ ấn hành dùng một kiểu chữ (font) riêng, thường là do một nhà vẽ kiểu chế ra đặc biệt cho ấn phẩm đó, và nếu cần thêm tiếng Việt, họ phải chế thêm kiểu chữ.

Nguyễn Quý Đức cẩn thận ghi lại những chi tiết về đời sống văn hóa và xã hội Việt Nam qua các đoạn mô tả những biến cố, hay phản ánh tâm tình cùng cảm nghĩ của người Việt một cách trung thực trước những vấn đề chiến tranh, mất còn, được thua. Đoạn mô tả tang lễ của ông nội đầy đủ từng chi tiết một, giúp độc giả Mỹ hiểu thêm được liên hệ tình cảm và huyết thống trong gia đình, cùng sự tôn kính đối với bậc trưởng thượng, vốn là nét đặc thù của văn hóa Việt. Hay khi nói đến vấn đề mê tín dị doan, anh đã cẩn thận giải thích lý do tại sao cho đến giờ, sống trong thời đại khoa học kỹ thuật mà đôi khi người Việt còn nghĩ đến chuyện dùng "tàn nhang nước lã". Khi cơn bệnh của chị không có mòi thuyên giảm, mẹ tác giả đã cho mời một ông thầy pháp đến chữa. Giữa những tiếng thần chú, giữa những cử động nhún nhẩy của một ông thầy đang lên đồng, giữa mùi nhang trầm nghi ngút, tác giả không cầm được phản ứng của mình, nhiều lần van nài mẹ ngưng ngay việc cúng kiến. Nhưng mẹ giải thích là làm vậy chỉ vì áp lực của gia đình bên nội, sau khi đã chứng kiến nhiều lần con lên cơn vật vã, trong khi việc chữa chạy theo y học không có hiệu quả (WTAA, tr.32-33).

Cùng nói đến một vấn đề mê tín, Jade Huỳnh Quang Ngọc lại biến những niềm tin có tính cách mù quáng này thành một thứ khoa học chính xác: ông nội nằm mơ thấy ngày chết của mình, thì đến đúng ngày đó ông chết. Cha tìm ra giờ chôn, và nói là chôn xong thì trời mưa, và trời đã mưa đúng giờ như tiên đoán! Hay lúc ở bên người bạn tù tên Tâm,

trước khi anh ta lìa đời vì bị rắn độc cắn, tác giả nhìn vào mắt nạn nhân và đã thấy có một con rắn hai đầu lượn qua lượn lại trong mắt. Hay lúc tác giả kể chuyện anh và ông lão ở trên hòn Khoai một hôm thấy xác người trôi sông, ông lão bảo với xác chết là hãy ngừng lại để ông chôn cất thì ngay sau đó xác người đã tấp lại ngay cầu chỗ ông lão đứng, và rồi đột nhiên máu từ trong miệng nạn nhân trào ra như ngỏ lời cám ơn!

Hồi ký chủ yếu ở sự chân thật, chân thật với sự việc mô tả cũng như chân thật với chính những cảm nghĩ của mình. Khác với tiểu thuyết, hồi ký không dùng hư cấu, hay óc tưởng tượng. Tính sáng tạo chỉ nên dùng trong việc diễn tả, bút pháp, chứ không phải ở chỗ bày vẽ nên những sự việc mà người viết nghĩ rằng sẽ gây được thích thú nơi người đọc. Giá trị của một cuốn hồi ký không cứ vào địa vị, hoàn cảnh hay tài năng của người viết, mà ở chỗ những thông tin trong sách có giúp cho người đọc nhìn rõ thêm một số vấn đề, hiểu thêm một số dữ kiện, có rút tỉa được qua những biến cố, sự việc tác giả thuật lại. Sau gần hai mươi năm sinh sống ở nước ngoài, phần lớn người Việt Nam đã có đủ khả năng đọc và hiểu những ấn phẩm bằng tiếng Anh hay một ngoại ngữ quan trọng nào khác, và chắc chắn những dữ kiện trình bày trong sách chẳng thể nào thoát khỏi sự phê phán của họ. Từ lâu, người Việt chúng ta phàn nàn nhiều về những tác giả Mỹ (hay nói chung không phải là người Việt) viết về Việt Nam, nhưng nếu họ có sai lầm, thiếu sót, thiển cận, có định kiến, thì đó cũng là một điều dễ hiểu, dù chúng ta nhiều khi cảm thấy ấm ức và không chấp nhận những điều họ viết ra. Nhưng độc giả người Việt chắc sẽ rất buồn lòng khi thấy một tác giả Việt Nam viết về Việt Nam cho người ngoại quốc đọc lại thiếu thành thật. Và cũng để cho người Mỹ, người Anh, người Pháp, hay một sắc dân nào hiểu nhiều hơn và chính xác hơn về Việt Nam, chúng ta cần những cây viết như Nguyễn Quý Đức, Andrew Lâm, Lili Dizon[1].

Gần đây nhất, vào đầu tháng 9, nhà Crown Publishers xuất bản một cuốn tiểu thuyết có nhan *Good Bye, Saigon* của Nina Vida, vợ của một luật sư Mỹ có văn phòng dịch vụ ở khu Little Saigon ở thành phố Westminster, California. Cuốn tiểu thuyết thuật chuyện mà tác giả cho là đã nghe những người Việt Nam làm phụ tá pháp lý trong văn phòng của chồng bà kể lại. Tác giả thuật chuyện về một người đàn bà Việt Nam mánh mung làm tiền bằng cách mở một văn phòng luật pháp chuyên dòi bồi thường tai nạn cùng với một người đàn bà Mỹ làm thư ký văn phòng

luật sư, chuyện băng đảng Việt Nam giết người như ngoé, chuyện loạn luân trong gia đình Việt Nam, mánh khoé làm ăn của các nhà buôn bán nữ trang ở trong khu Little Saigon, v.v. Tóm lại, đó là một cuốn tiểu thuyết có tính bôi bác tập thể tị nạn, nhất là cộng đồng người Việt ở California. Không ai trách tác giả nếu đó là một câu chuyện hoàn toàn hư cấu, hoàn toàn riêng tư, đặc thù về một cá nhân hay một gia đình, nhưng khi khẳng định dựa trên sự thật và đặt nó vào trong bối cảnh của Little Saigon rồi đưa ra những nhận xét có tính phổ quát thì lại là một chuyện chẳng thể nào chấp nhận được. Tác giả còn nói thêm, theo một bài viết đăng trên *The Los Angeles Times*, số ra ngày 20 tháng 9, người bạn Việt Nam thân nhất khuyến khích bà viết vì người này cho rằng đó là một "*wonderful idea*". Sau khi sách in ra, cũng trong bài viết nói trên, tài tử Kiều Chinh đã viết thư cho tác giả khen nức nở!

Jade Ngọc Quang Hùynh, tuy có khả năng viết tiếng Anh —chưa mấy xuất sắc— vẫn chưa có đủ thành tâm của một người theo đuổi nghiệp văn như *South Wind Changing* đã chứng minh. Anh có tham vọng làm một nhà văn lớn, và có lần đã phát biểu là tài năng của anh trội vượt hơn Tolstoy. Trong bài "South Wind Changing và Jade Ngọc Quang Hùynh" đăng trên Thế Kỷ 21, số 63, tháng 7 năm 1994, trang 65, Phan Thanh Tâm ghi: "*Đáp câu hỏi, nếu tự phê, anh thấy văn anh thế nào? Nhà văn Jade Ngọc trả lời ngay, không ngần ngừ, "người ảnh hưởng nhiều nơi tôi là Leo Tolstoy;" nhưng anh nói "văn tôi tình cảm hơn, lãng mạn hơn, ướt át hơn, sâu đậm hơn và tự nhiên hơn."*

Tôi cho đó là một lời phát biểu quá tự tin sau khi đọc xong cuốn sách đầu tay của tác giả. Trường hợp xuất bản của cuốn sách như ghi ở mặt sau của trang nhan đề cho thấy là sách xuất bản với sự trợ giúp tài chánh của nhiều tổ chức văn hoá, và sách đã có một *ghosteditor* nhuận sắc. Thế mà vẫn không tránh được những sai lầm, bất nhất, gượng ép nhan nhãn từ đầu đến cuối sách. Chỉ mong rằng với thời gian, kinh nghiệm, Jade Ngọc Quang Huỳnh sẽ có nhiều nỗ lực học hỏi hơn nữa may ra đạt được ý nguyện của mình.⊙

thạch hãn

[1] Lily Dizon, tên Việt Nam là Nguyễn Tấn Băng Phương, là một ký giả của *The Los Angeles Times*. Gần đây, cô viết một bài báo đăng trên *The Los Angeles Times Magazine*, số ra ngày Chủ Nhật thuật lại việc cô trở lại Việt Nam để tìm tung tích cha, nguyên là một Đại

Úy Pháo Binh trong quân lực Việt Nam Cộng Hoà bị mất tích trong trận Tân Cảnh năm 1972. Ngoài việc chứng tỏ khả năng diễn đạt bằng Anh ngữ, bài báo còn cho người đọc nhìn thấy những gian truân của một gia đình quân nhân Việt Nam trong thời chiến, những bất hạnh và nỗi khổ đau của những người con mất cha, vợ mất chồng và cái đầu óc kỳ thị hẹp hòi của Cộng sản đối với những người lính miền Nam đã tử trận hay bị mất tích. Cô gây xúc động mạnh cho người đọc khi thuật lại cảm nghĩ của mình trước cảnh nghĩa trang quân đội Biên Hoà bị cày xới, và cảm thương số phận những người mà cô gọi là "những người chết hai lần".

tòa soạn với bạn đọc

Thư nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lien Quoc Vu El Cajon CA; Trần Huỳnh Anh Eight Mile Plains Australia, Nguyễn Khắc Phú Australia, Nhà sách Văn Hoa Houston TX, Hàn Song Tường Houston TX, Nguyễn Như Khuê Springfield VA, Đào Quang Mỹ Norway, Trinh Thai San Francisco CA, Danh Truong Etobicoke Ont Canada, Ly Van Van Gomaringen Tubingen Deutchland, Hai van Chu Alexandria VA, Nguyen Hien The Netherland, Nguyen Chi Thanh St Paul MN, Khanh Duong Houston TX, Vu Cong Dinh Bellevue WA, Nguyen thị Ngoc Chi Tustin CA,Phan Uyen Nghi Anaheim CA, Lê thị Thấm Vân Milpitas CA, Phạm Xuân Thảo Ontario CA.

Thân gửi Anh Chị Nguyễn Chí Thanh, St Paul, MN: Tòa soạn rất lấy làm tiếc về ba lần sơ sót vừa qua, khiến anh chị phải viết thư và điện thoại nhắc nhở. Đã gửi khoản gia hạn phụ trội cho anh chị.

Thân gửi Thấm Vân: Vừa nhận được thư Thấm Vân khi báo sắp đem đi in. Không biết nói gì hơn là nhắc lại như những lần trước: Vô cùng cảm động.

Bài nhận được trong tháng:

Đối nghịch gửi từ Paris France, Phú gửi từ Germany, Thơ cóc, Cứ đi gửi từ Santa Ana CA, Ôi em dàn bà, Truyện ngắn ngủi gửi từ Montréal Canada, Nhớ, Lạc điệu, Phác thảo, Không mua gửi từ San Jose CA, , Về mơ gửi từ San Francisco CA, Hoa giấy, Đang buồn hóa vui gửi từ

Alhambra CA, Mùa thu gửi từ Houston TX, Giàn nho tím gửi từ Atherton CA, Người Mỹ với cây bút chì, Mù sương cũng biết mơ gửi từ Falls Church VA, Hai truyện thật ngắn gửi từ Burkittsville, MD, Gửi bạn gửi từ Holland, Vùng đất thấp gửi từ Montreal, Canada, Đoạn đoạn những ưu phiền, Sáng đã lên đồi, Tấu khúc gửi từ Middleburg, FL.

Kính gửi Anh Tạ Quốc Tuấn, Dallas TX: Những bài biên khảo công phu của anh Tòa soạn vẫn còn giữ đầy đủ. Dĩa anh gửi dùng được, không gặp trở ngại gì khi chuyển chương trình. Số này xin đăng bài "Không gian và Thời gian trong thơ Vương Duy" của anh. Những bài biên khảo sử học khác xin anh vẫn dành cho Văn Học để đăng đàn.

Kính gửi Anh Trần văn Tích, Germany: Anh Châu đã chuyển lại thư anh cho NMG. G. đã chuyển thư cho anh Lê Thọ Giáo, và anh Giáo đã làm xong giấy tờ và đã gửi về cho anh Diệm ngày 13 /9.. Mong giấy chứng nhận ấy đem lại kết quả tốt. Hai bài của anh, kể cả phần đính chính, Tòa soạn đã nhận đủ..

Báo nhận được trong tháng:

Đi tới số 4 và 5 , *Nguyệt san Y tế Phổ thông* số 17 và 18, *Nắng Mới* số 34, 35, *Phật giáo Hải ngoại* số 3 , *Việt Nam mới* số 190, 191, 192, 193; *Chân Nguyên* số 23, *Hoa Sen Vu Lan* 1994, *Thế Kỷ 21*, *Văn*, *Hợp Lưu*. Xin trân trọng cảm tạ ban chủ trương các tạp chí và báo bạn kể trên.

Sách nhận được trong tháng:

* *Hoàng hậu Ly Cơ* (kịch thơ), *Tiếng sáo Trương Chi* (thơ), *Nhà ma* (thơ), *Hòn đảo vô danh* (thơ), *Tuổi thơ ngây* (thơ phổ nhạc), *Trở về* (thơ ghi âm CD), *Những ca khúc tâm tình* (CD) của B.S. Phạm văn Hải .

* *Bí mật* của Phan Thiên Ân, người giàu nhất thế giới của tác giả Vô Danh

* *Loài chim di trú*, thơ của Thu Lâm, nhà xuất bản Trẻ, tác giả gửi tặng.

Xin cảm ơn quí tác giả đã có nhã ý gửi tặng Văn Học.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và Tên. . . . . .
Địa chỉ. . . . . .
. . . . . .
Thành phố. . . . . .Tiểu Bang. . . . . .
Zip Code. . . . . .Quốc Gia. . . . . .
Đặt mua dài hạn Văn Học từ số. . . . . .đến số. . . . . .

Giá một năm báo tại Hoa Kỳ

Gửi hạng tư. $36.00
Gửi hạng nhất. $42.00

Giá một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư. $40.00
Gửi hạng nhất. $46.00

Giá một năm báo tại Âu, Á và Úc Châu

Gửi hạng tư. $48.00
Gủi hạng nhất. $84.00

Trả bằng Mỹ Kim (US Dollar). Ngoài Hoa Kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân, chi phiếu xin đề **Văn Học.**

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn tặng .... năm báo Văn Học cho:

Họ và Tên. . . . . .
Địa chỉ. . . . . .
Thành phố. . . . . .Tiểu Bang. . . . . Zip . . . . . .

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **SÀI GÒN TẠP PÍN LÙ** — **15 Mỹ kim**
  tức Sài Gòn Năm Xưa II, III
  Vương Hồng Sển

- **LUẬN NGỮ** — **13 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê dịch chú thích
  (sách mới in lần đầu viết sau 75)

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn I** — **20 Mỹ kim**

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn II** — **20 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang

Bộ Lịch Sử Thế Giới của hai tác giả Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang được viết cách đây 40 năm là một bộ sử nghiên cứu công phu, đồ sộ, rất cần thiết cho các độc giả cần một kiến thức tổng quát về lịch sử thế giới mà tới nay chưa có bộ thứ hai.
Sách dày gần 900 trang chia làm hai tập đóng bìa cứng.
Bộ sử này in đúng 500 bộ. Xin liên lạc với nhà sách quen hoặc mua thẳng với nhà xuất bản.

Thư Mục Văn Nghệ có hơn 400 mặt sách.
Xin liên lạc để nhận thư mục.

Giá $3.50